

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**1. Học phần: GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Mã học phần: 1100267**

**Tên tiếng Anh: General Pedagogics**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục học đại cương
- Mã học phần : 1100267      Số tín chỉ: 3
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp : 10 tiết
  - + Thảo luận : 10 tiết
  - + Tự học : 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần Giáo dục học đại cương giúp sinh viên trang bị kiến thức chung về khoa học giáo dục, hiểu biết về nghề sư phạm và các yêu cầu đối với người giáo viên, trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu sâu các nội dung nghiệp vụ sư phạm cụ thể để có thể trở thành một người giáo viên và tiếp tục phát triển trong nghề nghiệp.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về khoa học giáo dục, quá trình giáo dục tổng thể, các vấn đề chung về giáo dục Việt nam, đặc điểm lao động sư phạm và yêu cầu đối với người giáo viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên bước đầu làm quen với hệ thống kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, trình bày vấn đề, kỹ năng tự học, xây dựng kế hoạch rèn luyện để trở thành giáo viên giỏi..

- Về thái độ: Trên cơ sở các kiến thức được trang bị và làm quen với công việc của người giáo viên, sinh viên hình thành thái độ đúng đắn và bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp đối với nghề sư phạm, có lý tưởng nghề nghiệp và hình thành nhu cầu phát triển trở thành giáo viên giỏi.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về khoa học giáo dục học: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hệ thống các ngành khoa học giáo dục.
- Quá trình giáo dục tổng thể: sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, các con đường giáo dục.
- Nền giáo dục Việt nam: Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, hệ thống giáo dục quốc dân.
- Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với người giáo viên.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

##### 1.1 Giáo dục là một hiện tượng xã hội

1.1.1 Hiện tượng giáo dục

1.1.2. Nguồn gốc giáo dục

1.1.3. Tính chất của hiện tượng giáo dục

1.1.4. Chức năng xã hội của giáo dục

1.1.5. Quan hệ giữa hiện tượng giáo dục với các hiện tượng xã hội khác – Quy

luật tổng quát của giáo dục học

##### 1.2. Giáo dục học là một khoa học độc lập

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học

1.2.2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của giáo dục học

1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của giáo dục học

1.2.4. Các ngành khoa học giáo dục

##### 1.3. Các phạm trù cơ bản của giáo dục học

1.3.1. Quá trình sư phạm (Quá trình giáo dục tổng thể)

1.3.2. Quá trình dạy học

1.3.3. Quá trình giáo dục (hẹp)

1.3.4. Con đường giáo dục

##### 1.4. Các con đường giáo dục cơ bản

1.4.1. Tổ chức hoạt động dạy học

1.4.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục

1.4.3. Sinh hoạt tập thể

1.4.4. Tự giáo dục

XEMINA: Chủ đề “Giáo dục và sự phát triển xã hội”

#### Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

##### 2.1. Khái niệm cơ bản

- 2.1.1. Khái niệm con người
- 2.1.2. Khái niệm nhân cách
- 2.1.3. Sự phát triển nhân cách
- 2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách
  - 2.2.1. Yếu tố sinh học
  - 2.2.2. Yếu tố môi trường
  - 2.2.3. Yếu tố giáo dục
  - 2.2.4. Yếu tố hoạt động cá nhân
- 2.3. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách
  - 2.3.1. Vai trò định hướng
  - 2.3.2. Tác động của giáo dục đối với các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách
  - 2.3.3. Yêu cầu đối với giáo dục để đáp ứng vai trò chủ đạo đối với sự hình thành và phát triển nhân cách
- 2.4. Giáo dục và đào tạo con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá

2. 4.1. Nhân cách con người Việt Nam: truyền thống và hiện đại

2.4.2. Phát triển con người bền vững

2.4.3. Phương hướng và giải pháp phát triển con người Việt Nam

BÀI TẬP: Tìm hiểu thực tế về các hoạt động giáo dục trong một trường học ở địa phương

### Chương 3: NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

#### 3.1 Sự phát triển của giáo dục Việt nam qua các thời kỳ

3.1.1 Chiến lược giáo dục Việt nam hiện nay

3.1.2 Chính sách đổi mới giáo dục ở Việt nam hiện nay

3.1.3 Mục đích giáo dục Việt Nam

3.1.4 Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục

3.1.5 Mục đích giáo dục Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá

#### 3.2 Nhiệm vụ giáo dục cơ bản

3.2.1. Nhiệm vụ của giáo dục đạo đức

3.2.2. Nhiệm vụ giáo dục trí tuệ

3.2.3. Nhiệm vụ giáo dục lao động – hướng nghiệp

3.2.4. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ

3.2.5. Nhiệm vụ giáo dục thể chất

3.2.6. Mối quan hệ giữa các nhiệm vụ giáo dục

#### 3.3. Hệ thống giáo dục quốc dân

3.3.1. Khái niệm hệ thống giáo dục

3.3.2. Nguyên tắc xây dựng

3.3.2.1 Cơ cấu, tính chất của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

3.3.2.2 Mục tiêu, nhiệm vụ, vai trò của từng cấp học, từng loại hình trường trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

THẢO LUẬN: Các phẩm chất và năng lực của con người Việt nam

Chương 4: LAO ĐỘNG SỰ PHẠM VÀ NGƯỜI GIÁO VIÊN

4.1. Đặc điểm của lao động sự phạm

4.1.1. Mục đích của lao động sự phạm

4.1.2. Đối tượng của lao động sự phạm

4.1.3. Công cụ của lao động sự phạm

4.1.4. Môi trường lao động sự phạm

4.2. Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên

4.2.1. Vai trò của người giáo viên

4.2.2. Nhiệm vụ của người giáo viên

4.3. Những yêu cầu đối với người giáo viên

4.3.1. Yêu cầu chung: Tình cảm nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn (xác định theo từng ngành đào tạo), trình độ nghiệp vụ, yêu cầu về thể chất

4.3.2. Hệ thống kỹ năng nghiệp vụ sự phạm của người giáo viên.

4.3.3. Chuẩn giáo viên (theo từng cấp học, ngành học)

4.4. Bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực người giáo viên

4.4.1. Bồi dưỡng về phẩm chất người giáo viên

4.4.2. Bồi dưỡng về năng lực người giáo viên

BÀI TẬP: 1/ Viết bài báo khoa học về nghề sự phạm

2/ Xây dựng kế hoạch cá nhân để rèn luyện trở thành giáo viên giỏi

Chương 5: TỔ CHỨC TRƯỜNG HỌC

5.1. Cơ cấu tổ chức trường học

5.1.1. Nguyên tắc tổ chức chung

5.1.2. Cơ cấu tổ chức các loại hình trường.

5.2. Tập thể học sinh

5.2.1. Khái niệm tập thể học sinh

5.2.2. Các giai đoạn phát triển của tập thể học sinh.

5.3. Công tác chủ nhiệm lớp

5.3.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp

5.3.2. Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp

5.4. Kết hợp các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội

## THẢO LUẬN: Chủ đề xây dựng tập thể học sinh

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết		
		LT	BT	TL
1	Chương 1: Giáo dục học là một khoa học	5		2
2	Chương 2: Giáo dục và sự phát triển nhân cách	5	5	
3	Chương 3: Nền giáo dục Việt nam	8		4
4	Chương 4: Lao động sư phạm và người giáo viên	6	5	
5	Chương 5: Tổ chức trường học	6		4
	TC	30	10	10

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

#### 6.1 Giáo trình

- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, *Giáo trình giáo dục học T1, T2*, NXB ĐHSP Hà Nội

- Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, NXB ĐHSP Hà Nội.

- Phạm Viết Vượng (2014), *Bài tập Giáo dục học*, NXB ĐHSP Hà Nội.

#### 6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* (Ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT/BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo)

- Phạm Đỗ Nhật Tiên, Phạm Lan Hương (2014), *Giáo dục Việt Nam hội nhập quốc tế*, Nxb ĐHQG

- Phạm Minh Hạc, (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- *Luật giáo dục và văn bản hướng dẫn thi hành luật* (2009)

- Quyết định của Chính phủ 13/6/2012 về Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020.

- Thái Duy Tuyên, (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại*, Nxb Giáo dục

- *Tạp chí nghiên cứu giáo dục và Báo giáo dục - thời đại*

- *Từ điển giáo dục học*. (2001) Thuật ngữ giáo dục học

#### 6.3 Bài giảng

Khoa TLGD&CTXH, Giáo dục học đại cương, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% (Tham gia đầy đủ các giờ lý thuyết, thảo luận, hoàn thành đầy đủ bài tập)

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ hoặc đánh giá qua phần bài tập.
- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Dương Bạch Dương

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



TS. Dương Bạch Dương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**2. HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Mã học phần: 1100140**

**Tên tiếng Anh: Introduction of Sociology**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Xã hội học đại cương
- Mã học phần: 1100140      Số tín chỉ: 3
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc.
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Tự học: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 85 giờ
- Địa chỉ khoa / Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác xã hội, Trường ĐHQN

**2. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần**

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng của Xã hội học; Lịch sử hình thành và phát triển Xã hội học; Cấu trúc của môn học Xã hội học: lý thuyết và thực hành, hệ thống các khái niệm và nguyên lý cơ bản của Xã hội học, các chuyên ngành Xã hội học, một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của Xã hội học, quan hệ giữa Xã hội học và Công tác xã hội.

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học, cơ cấu xã hội, một số các khái niệm cơ bản của xã hội học, một số lĩnh vực cụ thể của xã hội học...
- Kỹ năng: Phân tích, suy luận, đánh giá,...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, tự học

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học. Đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học, một số các khái niệm

cơ bản của xã hội học khái niệm cơ cấu xã hội, các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội, Xã hội học đô thị; Xã hội học kinh tế và lao động;.... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề xã hội

#### **4. Nội dung chi tiết học phần.**

Chương I: TỔNG QUAN VỀ XÃ HỘI HỌC 5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL

I. Một số quan điểm về Xã hội học

II. Xã hội học là gì

III. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

IV. Mối quan hệ giữa xã hội học và một số khoa học khác

1. Triết học

2. Tâm lý học

3. Chính trị học

4. Kinh tế học

V. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của xã hội học

1. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học

2. Cơ cấu của xã hội học

Chương II: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL

I. Những điều kiện ra đời xã hội học. Ý nghĩa

1. Những điều kiện ra đời xã hội học

1.1 Điều kiện kinh tế

1.2. Điều kiện chính trị

1.3 Điều kiện lý luận khoa học

2. Ý nghĩa của sự ra đời xã hội học

II. Đóng góp của một số nhà xã hội học đầu tiên

1. August Comte

2. Herbest Spencer

3. Karl Marx

4. Emile Durkheim

5. Max Weber

III. Sự hình thành và phát triển của xã hội học Mác-Lênin

IV. Vài nét về sự phát triển của xã hội học trên thế giới

Chương III: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG TRI THỨC XÃ HỘI HỌC 5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL



## I. Một số khái niệm xã hội học

### 1. Vị thế xã hội

#### 1.1 Định nghĩa

#### 1.2 Các loại vị thế xã hội

#### 1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến vị thế xã hội

### 2. Vai trò xã hội

#### 2.1 Định nghĩa

#### 2.2 Các loại vai trò xã hội

#### 2.3 Các lý thuyết về vai trò xã hội

#### 2.4 Cơ chế đóng vai trò xã hội

### 3. Chuẩn mực xã hội

#### 3.1 Định nghĩa

#### 3.2 Các loại chuẩn mực xã hội

#### 3.3 Các tính chất của Chuẩn mực xã hội

### 4. Thiết chế xã hội

#### 4.1 Định nghĩa

#### 4.2 Các loại thiết chế xã hội

#### 4.3 Vai trò của thiết chế xã hội

### 5. Bất bình đẳng xã hội và quan hệ xã hội

#### 5.1 Bất bình đẳng xã hội

#### 5.2 Quan hệ xã hội

## II. Các nguyên lý xây dựng tri thức xã hội học

### 1. Nguyên lý duy vật

### 2. Nguyên lý phản ánh

### 3. Nguyên lý phát triển

### 4. Nguyên lý hệ thống

## Chương IV: CƠ CẤU XÃ HỘI 5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL

### I. Khái niệm cơ cấu xã hội

### II. Một số khái niệm liên quan

#### 1. Cá nhân

#### 2. Nhóm xã hội

#### 3. Phân tầng xã hội

### III. Một số phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội

#### 1. Cơ cấu giai cấp xã hội

#### 2. Cơ cấu nhân khẩu xã hội

#### 3. Cơ cấu nghề nghiệp xã hội

4. Cơ cấu vùng lãnh thổ

#### IV. Di động xã hội

1. Khái niệm di động xã hội
2. Các loại di động xã hội
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến di động xã hội

#### Chương V: XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ 5 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL

##### I. Khái niệm đô thị

1. Định nghĩa
2. Các đặc trưng của đô thị
3. Các yếu tố cấu thành đô thị
4. Đặc điểm, vai trò và chức năng của đô thị

##### II. Các cuộc cách mạng đô thị trên thế giới

1. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ nhất
2. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ hai
3. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ ba

##### III. Quá trình đô thị hóa

1. Khái niệm
2. Những đặc trưng của đô thị hóa
3. Quá trình đô thị hóa ở các nước đang phát triển
4. Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam

##### IV. Lối sống đô thị

1. Khái niệm
2. Các đặc điểm của lối sống đô thị
3. Các đặc trưng của lối sống đô thị ở Việt nam

##### IV. Một số vấn đề cần lưu ý trong quản lý đô thị Việt Nam hiện nay

#### Chương VI: XÃ HỘI HỌC KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG 5 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL

##### I. Thành phần cấu trúc và phân loại lao động

1. Thành phần cấu trúc của lao động
2. Phân loại lao động

##### II. Lao động và xã hội hóa cá nhân

1. Giai đoạn trước lao động
2. Giai đoạn lao động
3. Giai đoạn sau lao động

##### III. Phân công lao động trong xã hội

1. Phân công lao động và chức năng xã hội
2. Phân công lao động bình thường và bất bình thường trong xã hội

#### IV. Cơ cấu nghề nghiệp-xã hội và thị trường lao động

1. Cơ cấu nghề nghiệp xã hội
2. Thị trường lao động

#### V. Lao động, việc làm và phát triển kinh tế-xã hội

1. Khái niệm việc làm và thất nghiệp
2. Vấn đề thất nghiệp
3. Vấn đề giải quyết việc làm

#### 5. Phương pháp - hình thức giảng dạy

**5.1 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề.

**5.2 Hình thức:** lớp- bài.

#### 6. Sách, giáo trình chính, tài liệu tham khảo, bài giảng

##### 6.1 Sách, giáo trình chính

- Bùi Quang Dũng. 2004. Nhập môn lịch sử Xã hội học. Nhà xuất bản khoa học Xã hội.

- Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng (1997), Xã hội học, NXB ĐHQG, Hà Nội.

- Lê Ngọc Hùng: (2000), Xã hội học kinh tế, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

- Nguyễn Minh Hoà. 1995. Những vấn đề cơ bản của xã hội học. Trường Đại học tổng h

ợp TpHCM.

- Trần Thị Kim Xuyên, Nguyễn Thị Hồng Xoan. 2002. Nhập môn xã hội học. Nhà xuất bản Thống kê.

- Vũ Quang Hà, Nguyễn Thị Hồng Xoan. 2002. Xã hội học đại cương. Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội

##### 6.2 Bài giảng

Đình Anh Tuấn, Xã hội học đại cương, Trường đại học Quy Nhơn, 2015.

#### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

##### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp

- Phát biểu xây dựng bài

##### 7.2 Giữ kỳ: 20%

##### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

##### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

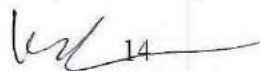
**TRƯỞNG KHOA**

TS Đình Anh Tuấn



**TRƯỞNG BỘ MÔN**

Th.S Phan Thị Kim Dung



**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

TS. Đình Anh Tuấn



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**3. HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Mã học phần: 1100020**

**Tên tiếng Anh: General Psychology**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tâm lý học đại cương
- Mã học phần: 1100020 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hiện tượng tâm lý con người nói chung; các phương pháp nghiên cứu tâm lý. Trên cơ sở đó giúp sinh viên đi sâu nghiên cứu và nắm bắt được các đặc điểm tâm lý và nhân cách của con người để có thể vận dụng vào việc giải quyết các nhiệm vụ của thực tiễn hoạt động nghề nghiệp trong tương lai

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Khái niệm, đặc điểm, bản chất, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý người; lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học; Vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý.

- Kỹ năng: Hình thành cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu, phân tích tâm lý con người; kỹ năng giao tiếp; vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào việc giải quyết các tình huống trong thực tế.

- Thái độ: Xây dựng thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc, khoa học cho sinh viên, có cái nhìn biện chứng về tâm lý con người, tôn trọng, yêu thương con người.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về: Các hiện tượng tâm lý của con người, các phạm trù cơ bản trong tâm lý học: hoạt động, giao tiếp và ý thức; hoạt động nhận thức và những vấn đề về nhân cách

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### CHƯƠNG 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC ( 3LT + 2 TL)

1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học
  - 1.1. Tâm lý học là gì?
    - 1.1.1 Tâm lý là gì?
    - 1.1.2 Đặc điểm các hiện tượng tâm lý người
    - 1.1.3 Tâm lý học là gì?
  - 1.2. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học
  - 1.3. Nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học
2. Lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học
  - 2.1. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học
  - 2.2. Các quan điểm tâm lý học hiện đại
3. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý
  - 3.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người
    - 3.1.1 Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể
    - 3.1.2 Tâm lý người có bản chất xã hội – lịch sử
  - 3.2. Chức năng của tâm lý
  - 3.3. Phân loại hiện tượng tâm lý
4. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý
  - 4.1. Các nguyên tắc nghiên cứu tâm lý
  - 4.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý
5. Vận dụng sự hiểu biết về bản chất tâm lý người theo quan điểm Tâm lý học Mác-xít trong thực tiễn cuộc sống và trong dạy học

Thảo luận: - Tại sao tâm lý người này khác với tâm lý người kia?

#### CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG – GIAO TIẾP – Ý THỨC (4 LT+ 2 BT+ 3 TL)

1. Hoạt động
  - 1.1. Khái niệm chung về hoạt động
  - 1.2. Các loại hoạt động
  - 1.3. Cấu trúc hoạt động

- 1.4. Vai trò của hoạt động đối với sự hình thành và phát triển tâm lý
- 1.5. Vận dụng yếu tố hoạt động chủ đạo trong công tác giáo dục và phát triển tâm lý, nhân cách con người

## 2. Giao tiếp

2.1. Khái niệm chung về giao tiếp

2.2. Các loại giao tiếp

2.3. Vai trò của giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý

2.4. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giao tiếp

2.3. Vận dụng:

- Thực hành một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại, kỹ năng giao tiếp bằng tín hiệu phi ngôn ngữ...

## 3. Ý thức

3.1. Khái niệm chung về ý thức

3.2. Các cấp độ của ý thức

3.3. Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức

Bài tập: - Giải quyết các tình huống trong giao tiếp

Thảo luận: Ý thức của sinh viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập; giữ gìn vệ sinh ký túc xá; chấp hành luật lệ giao thông...

## CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC ( 7 LT + 2 BT + 2 TL)

### 1. Hoạt động nhận thức cảm tính

#### 1.1. Cảm giác

1.1.1. Khái niệm chung về cảm giác

1.1.2. Các loại cảm giác

1.1.3. Các quy luật của cảm giác

#### 1.2. Tri giác

1.2.1. Khái niệm chung về tri giác

1.2.2. Các loại tri giác

1.2.3. Các quy luật của tri giác

1.3. Vận dụng hoạt động nhận thức cảm tính trong thực tiễn và công tác dạy học

Bài tập:

- Nhận dạng các quy luật cảm giác và tri giác trong các tình huống

### 2. Hoạt động nhận thức lý tính

#### 2.1. Tư duy

2.1.1. Khái niệm chung về tư duy

2.1.2. Các giai đoạn của tư duy

### 2.1.3. Các loại tư duy

## 2.2. Tưởng tượng

### 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng

### 2.2.2. Các loại tưởng tượng

### 2.2.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới của tưởng tượng

## 2.3. Vận dụng hoạt động nhận thức lý tính trong thực tiễn và nghề nghiệp tương lai

Thảo luận: Bằng kiến thức Tâm lý học, hãy phân tích nhận định sau của Lê Nin:

Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

Đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan.

## CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH ( 6 LT+ 3 BT + 1 TL)

### 1. Khái niệm chung về nhân cách

#### 1.1. Khái niệm nhân cách

#### 1.2. Đặc điểm nhân cách

#### 1.3. Cấu trúc nhân cách

#### 1.4. Sự hình thành và phát triển nhân cách

### 2. Các phẩm chất của nhân cách

#### 2.1. Tình cảm

#### 2.2. Ý chí

### 3. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách

#### 3.1. Xu hướng

#### 3.2. Tính cách

#### 3.3. Khí chất

#### 3.4. Năng lực

### 4. Vận dụng các kiến thức về nhân cách trong việc rèn luyện, giáo dục và hình thành nhân cách

Bài tập: Tìm hiểu các câu tục ngữ, ca dao phản ánh các quy luật của tình cảm

Thảo luận: Bằng tri thức Tâm lý học, phân tích câu thơ:

Hiền dữ phải đâu là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

**5.1 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận.

**5.2 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Giáo trình, bài giảng

1. Nguyễn Kế Hào, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHSP HN 2005
2. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia HN, 1998
3. Vũ Thị Nho, *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1999
4. Nguyễn Xuân Thức, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP TPHCM, 2006
5. Tổ Tâm lý học, *Tập bài giảng Tâm lý học đại cương* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Khoa TLGD và CTXH, 2010
6. Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH sư phạm HN, 2013

### 6.2 Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc, *Tuyển tập Tâm lý học*, NXB Giáo dục, 2002.
2. Trần Trọng Thủy, *Bài tập thực hành Tâm lý học*, NXB ĐH Quốc gia HN, 2002

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Hình thức

+ Điểm danh

+ Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2. Giữa kì: 20%

- Hình thức: Kiểm tra viết tại lớp

### 7.3. Thi cuối kì: 70%

- Hình thức: Thi tự luận

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 2

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA



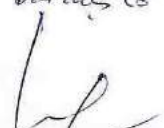
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Lê Thủy

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

*Đại diện tổ*  
  
Lê Thị Khvier



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**4. HỌC PHẦN: THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100120**

**Tên tiếng Anh: Statistics in social science**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:                      Thống kê trong khoa học xã hội
- Mã học phần: 1100120              Số tín chỉ: 02
- Yêu cầu của học phần:              Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết:              Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thực hành:
  - + Tự học: 60 giờ
- Địa chỉ Khoa phụ trách học phần: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần**

Qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về toán thống kê B, vận dụng được kiến thức toán thống kê để xử lý các số liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội. Với những kiến thức thu được từ môn học này, sinh viên có thể tiếp cận nghiên cứu phân thống kê nâng cao và sử dụng được các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê như SPSS,...

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức:
  - + Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng công cụ toán trong nghiên cứu các ngành khoa học xã hội và tại sao sử dụng toán thống kê trong nghiên cứu các ngành khoa học xã hội.
  - + Nắm được những vấn đề cơ bản trong Thống kê xã hội học về lý thuyết và thực hành.
- Về kỹ năng: Hình thành các kỹ năng vận dụng phương pháp thống kê vào nghiên cứu các hiện tượng xã hội.
- Về thái độ:
  - + Có tác phong khoa học khi thực hiện công tác nghiên cứu.
  - + Ý thức cẩn thận khi thu thập, xử lý dữ liệu, chính xác khi giải thích kết quả.

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần gồm hai phần: Lý thuyết và Thực hành.

Phần lý thuyết bao gồm các nội dung sau: các kiến thức toán cơ sở, lý thuyết mẫu, thống kê mô tả, thống kê suy luận và hướng dẫn sử dụng phần mềm thống kê SPSS trên máy tính.

Phần thực hành gồm 3 bài nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng sử dụng các kiến thức toán thống kê trong nghiên cứu khoa học và sử dụng phần mềm SPSS trên máy tính.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### Phần mở đầu

Ý nghĩa của việc sử dụng Toán thống kê trong nghiên cứu các ngành khoa học xã hội.

- Tại sao sử dụng toán thống kê trong các ngành khoa học xã hội?
- Sử dụng toán thống kê để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học.
- Sử dụng thống kê trong các ngành khoa học xã hội như thế nào?
- Khái quát về thống kê xã hội.
- Giới thiệu khái quát chương trình bộ môn
- Hướng dẫn phương pháp nghiên cứu bộ môn
- Yêu cầu cần đạt được khi nghiên cứu bộ môn.

##### Phần Lý thuyết:

Chương I: Bộ tíc toán.

##### I. Giải tích tổ hợp

- Hoán vị.
- Tổ hợp.
- Chính hợp.
- Luật tích.

##### II. Một số vấn đề về xác suất.

1. Khái niệm xác suất.
2. Dãy phép thử Bernoulli.
3. Biến ngẫu nhiên và hàm phân bố.
4. Các tham số đặc trưng.
5. Một số phân phối thường gặp.

Bài tập chương I

Chương II: Lý thuyết mẫu

##### I. Phương pháp nghiên cứu trên mẫu.

##### II. Một vài phương pháp lấy mẫu:

1. Chọn mẫu phi xác suất:
  - a. Chọn mẫu tiện lợi.
  - b. Chọn mẫu phán đoán.

- c. Chọn mẫu chỉ tiêu.
- d. Chọn mẫu tăng nhanh.
- 1. Chọn mẫu xác suất:
  - a. Chọn mẫu ngẫu nhiên không theo hệ thống (mẫu xác suất không đều)
    - Chọn mẫu ngẫu nhiên có hoàn lại.
    - Chọn mẫu ngẫu nhiên không hoàn lại.
  - b. Chọn mẫu có hệ thống (mẫu xác suất đều):
    - Chọn mẫu ngẫu nhiên theo bảng số tự nhiên.
    - Chọn mẫu máy móc.
    - Chọn mẫu phân loại.
  - c. Chọn mẫu tổng hợp (mẫu phân tầng).
  - d. Chọn mẫu cụm nhiều giai đoạn.

I. Các đặc điểm của mẫu:

- 1. Kích thước mẫu.
- 2. Sai số chọn mẫu:
  - a. Sai số thô.
  - b. Sai số hệ thống.
  - c. Sai số ngẫu nhiên.

Bài tập chương II.

Chương III: Thống kê mô tả

Nhiệm vụ của thống kê mô tả.

- I. Cách biểu diễn số liệu trên mẫu:
  - 1. Biểu diễn bằng các bảng phân phối.
  - 2. Biểu diễn bằng các biểu đồ và đồ thị.

I. Các tham số đặc trưng của mẫu:

- 1. Các số trung bình:
  - a. Trung bình cộng.
  - b. Trung bình điều hoà.
  - c. Trung bình nhân.
  - d. Mốt
  - e. Trung vị

1. Các số đo độ phân tán:

- a. Phương sai.
- b. Độ lệch chuẩn.
- c. Hệ số biến thiên.

I. Phân tổ (phân lớp)

II. Biểu diễn mối tương quan giữa hai biến số:

1. Biểu diễn đối với hai biến lượng.
2. Biểu diễn đối với biến hạng.
3. Biểu diễn đối với một biến lượng và một biến hạng.
4. Biểu diễn đối với biến tính.

Bài tập chương III.

Chương IV: Thống kê suy luận

Nhiệm vụ của thống kê suy luận.

I. Ước lượng tham số (Suy luận từ các số liệu trên mẫu để có các tham số trên tổng thể bằng khoảng tin cậy)

II. Kiểm định mức ý nghĩa:

1. Bài toán kiểm định tổng quát.
2. Kiểm định đối với phân phối chuẩn (Kiểm định tham số)
  - a. Đối với mẫu độc lập.
  - b. Đối với mẫu tương quan.
1. Kiểm định đối với phân phối không chuẩn:
  - a. Phương pháp kiểm định U.
  - b. Phương pháp kiểm định Vincoson.

I. Hồi quy tuyến tính:

1. Mô hình hồi quy tuyến tính.
2. Kiểm tra dữ liệu.
3. Lập mô hình hồi quy tuyến tính.
4. Phân tích hồi quy.

Bài tập chương IV.

Chương V: Xử lý và phân tích dữ liệu trên máy tính bằng phần mềm SPSS for windows Giới thiệu về phần mềm SPSS

I. Hướng dẫn sử dụng SPSS:

1. Nhập dữ liệu.
2. Kiểm tra dữ liệu.
3. Lấy các kết quả thống kê mô tả.
4. Lấy các kết quả thống kê suy luận.
5. Đọc các kết quả.

Bài tập chương V.

Phần thực hành

Bài 1: Chọn mẫu và mô tả mẫu

Chọn mẫu:

1. Xác định tổng thể thống kê, mục đích nghiên cứu.
2. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu
3. Xác định các đặc điểm của mẫu.

I. Mô tả mẫu:

1. Mô tả các số liệu quan sát trên mẫu (số liệu thô)
2. Mô tả thống kê:
  - a. Bảng bảng và đồ thị.
  - b. Bảng các tham số đặc trưng:
    - Trung bình cộng.
    - Tần suất.
    - Phương sai.

Bài 2: Suy luận kết quả cho tổng thể từ các số liệu thống kê trên mẫu

I. Ước lượng các tham số cho tổng thể từ các tham số đặc trưng của mẫu:

1. Xác định sai số chọn mẫu.
2. Suy luận các tham số cho tổng thể và đọc kết quả:
  - Trung bình cộng.
  - Tần suất.
  - Phương sai.

I. Kiểm định mức ý nghĩa của các tham số trên tổng thể:

1. Kiểm định trung bình cộng.
2. Kiểm định tần suất.
3. Kiểm định phương sai.

Bài 3: Sử dụng SPSS (Thực hành trên máy tính) Nhập số liệu quan sát trên mẫu.

I. Lấy kết quả:

1. Kết quả mô tả mẫu.
  2. Kết quả phân tích.
- I. Đọc kết quả.

**5. Phương pháp - Hình thức giảng dạy**

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	BT
	PHẦN LÝ THUYẾT		
1	PHẦN MỞ ĐẦU	1	
2	Chương I: BỒ TỨC TOÁN. Hướng dẫn tự học	1	2
3	Chương II: LÝ THUYẾT MẪU Bài tập	4	2

4	Chương III: THỐNG KÊ MÔ TẢ Bài tập	5	3
	Chương IV: THỐNG KÊ SUY LUẬN Bài tập	5	3
	Chương V: XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRÊN MÁY TÍNH BẰNG PHẦN MỀM SPSS FOR WINDOWS	4	
	PHẦN THỰC HÀNH		
	Bài 1		
	Bài 2		
	Bài 3		
TC		20	10

**6. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)**

**6.1. Giáo trình:**

- Hoàng Chúng, *Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục, 1982.
- Đào Hữu Hồ, *Thống kê xã hội học (Xác suất thống kê B)*, NXB ĐHQG Hà nội, 2000.
- Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cừ, Nguyễn Quốc Anh, *SPSS - ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và trong khoa học tự nhiên - xã hội*, NXB Giao thông vận tải, 2000.

**6.2. Tài liệu tham khảo:**

- Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB ĐHQG Hà nội, 1999.
- Kim Ngọc Huỳnh (chủ biên), *Bài giảng và bài tập thống kê*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1992
- TS. Nguyễn Công Khanh, ThS Nguyễn Văn Liệu, *Hướng dẫn sử dụng SPSS, For Windows*, Hà nội, 2000.
- Vũ Văn Khiên, *Một số vấn đề về điều tra chọn mẫu*, NXB Thống kê, Hà Nội, 1997.
- Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương, *Xác suất thống kê (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CDSP)* NXB Giáo dục, 1998.
- GS Nguyễn Văn Lê, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Trẻ, 1997
- Tổng Đình Quý, *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

- Tổng Đình Quý, *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001
- Nguyễn Sum, Trần Thị Diệu Trang, *Xác suất thống kê trong y học*, NXB Giáo dục, 1999.
- PGS. TS. Hà Nhật Thăng, TS. Lê Đức Phúc, PGS. TS. Nguyễn Công Khanh, *Đổi mới các phương pháp giảng dạy và nghiên cứu*, Hà nội, 2000.
- Nguyễn Minh Thắng, *Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu xã hội học và dân số*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1998.
- Lê Minh Tiến, *Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội*, NXB Trẻ, 2003.
- Nguyễn Duy Tiến, Vũ Việt Yên, *Lý thuyết xác suất*, NXB Giáo dục, 2003.
- Dương Thiệu Tống, *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- PTS. Phạm Viết Vượng, *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Bộ GD&ĐT, 1995.
- Cristina, P.-Caldito, G.C., ..., *Thiết kế và qui trình lấy mẫu* (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Người dịch: Phí Văn Ba, 1998.
- Lepkowski, J.M, *Phương pháp chọn mẫu khu vực*, (Tài liệu tập huấn của Viện Xã hội học. Người dịch: Vũ Tuấn Huy).

### 6.3 Bài giảng

Dương Bạch Dương, *Thống kê trong khoa học xã hội*, Trường đại học Quy Nhơn, 2015.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. **Chuyên cần:** 10% (Tham gia đầy đủ các buổi lên lớp)

7.2. **Giữa kì:** 20%


7.3. **Thi cuối kì:** 70%

### 7.4. Lịch kiểm tra định kì, thi cuối kì

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ hoặc đánh giá qua phần bài tập.

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Dương Bạch Dương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Dương Bạch Dương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**5. Học phần: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC**

Mã học phần: 1100016

Tên tiếng Anh: Moral education

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục đạo đức
- Mã học phần : 1100016 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Thảo luận : 20 tiết
  - + Tự học : 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên hiểu biết các khái niệm cơ bản về đạo đức, vận dụng các tri thức đạo đức học vào nghiên cứu về giáo dục đạo đức.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Nắm vững các khái niệm cơ bản của đạo đức học, chức năng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu đạo đức, một số nội dung giảng dạy đạo đức và giáo dục đạo đức hiện nay.

- Kỹ năng: Kỹ năng phân tích, giải thích các hiện tượng đạo đức trong đời sống xã hội. Kỹ năng giáo dục và tự giáo dục các phẩm chất, hành vi, thói quen đạo đức trong cuộc sống hàng ngày.

- Thái độ: Hình thành thái độ đúng mực trong học tập, tình bạn, tình yêu và giao tiếp, xây dựng các đức tính giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, vô tư của nhân cách con người.

**3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Nội dung bao gồm:

- Những khái niệm cơ bản của đạo đức học.
- Một số nội dung đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam.



#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

##### Chương I: ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

##### I. Đạo đức, chức năng, nhiệm vụ của đạo đức.

1. Đạo đức là gì? (Bản chất của đạo đức).
2. Chức năng của đạo đức.
  - a. Định hướng.
  - b. Điều chỉnh hành vi.
  - c. Kiểm tra đánh giá.
3. Nhiệm vụ của đạo đức.
  - a. Xác định nội dung, yêu cầu đạo đức trong các mối quan hệ xã hội từ đó rút ra những quan hệ đạo đức.
    - b. Vạch ra những tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức phù hợp với các giá trị tốt đẹp của xã hội để cá nhân lựa chọn, điều chỉnh hành vi ứng xử trong quan hệ với người khác.
    - c. Đấu tranh, phê phán chống lại những khuynh hướng đạo đức lạc hậu, suy đồi, cản trở cá nhân và xã hội vươn lên thực hiện các giá trị nhân văn, nhân bản.

##### II. Một số đặc điểm của đạo đức.

1. Đạo đức được hình thành trong quá trình lịch sử và do những điều kiện sinh hoạt vật chất và nhu cầu xã hội quy định.
2. Hành vi đạo đức bao giờ cũng mang tính tự nguyện, tự giác xuất phát từ “Thương người như thể thương thân”.
3. Là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức chịu ảnh hưởng của chính trị, pháp luật, triết học, nghệ thuật, tôn giáo. Do đó đạo đức mang tính lịch sử, giai cấp rõ rệt.
4. Đạo đức bao giờ cũng biến đổi chậm hơn tôn tại xã hội.
5. Đạo đức duy trì bởi sức mạnh dư luận xã hội, khác với luật pháp được duy trì bằng bạo lực của giai cấp thống trị.

##### III. Đạo đức học và các phương pháp nghiên cứu của đạo đức học

1. Đạo đức học là gì?
2. Các phương pháp nghiên cứu đạo đức học.

##### IV. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác.

1. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị.
2. Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp.
3. Quan hệ giữa đạo đức và khoa học.
4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo.

##### Câu hỏi học tập và nghiên cứu

1. Phân tích các chức năng, bản chất, nhiệm vụ của đạo đức?

2. Đạo đức học quan tâm nghiên cứu những điều gì? Các phương pháp nghiên cứu đạo đức học.

3. Trình bày mối quan hệ đạo đức với pháp luật, khoa học, tôn giáo với tư cách là những hình thái ý thức xã hội

## Chương II: MỘT SỐ PHẠM TRÙ, KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC

### I. Khái niệm về phạm trù đạo đức.

1. Phạm trù.

2. Phạm trù đạo đức.

### II. Tiêu chuẩn đánh giá một hành động đạo đức.

1. Tính có ích.

2. Tính tự giác.

3. Tính tự nguyện.

4. Tính không vụ lợi.

### III. Một số khái niệm cơ bản của đạo đức học.

1. Hạnh phúc.

2. Nghĩa vụ.

3. Lương tâm.

4. Hành động có mục đích.

5. Ý thức đạo đức.

6. Ý chí đạo đức.

7. Đức tính.

8. Chuẩn mực đạo đức.

9. Thiện và ác.

10. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức.

### Câu hỏi học tập và thảo luận

1. Tiêu chuẩn đánh giá một hành động có đạo đức và vô đạo đức.

2. Thế nào là chuẩn mực đạo đức.

3. Phân tích khái niệm Thiện-Àc. Liên hệ thực tế cuộc sống.

## Chương III: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

### I. Khái niệm.

### II. Sự phát triển tâm lý-đạo đức.

1. Nguồn gốc phát triển.

2. Điều kiện phát triển.

3. Động lực phát triển.

### III. Vai trò giáo dục đối với sự phát triển tâm lý-đạo đức.

### IV. Hoạt động chủ đạo và các giai đoạn phát triển tâm lý-đạo đức.

V. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức.

1. Xây dựng ý thức đạo đức.
2. Bồi dưỡng tình cảm đạo đức.
3. Rèn luyện các hành vi thói quen đạo đức.
4. Các phẩm chất đạo đức quan trọng cần hình thành cho thế hệ trẻ.

VI. Nội dung giáo dục đạo đức.

1. Cuộc sống của học sinh tiểu học và yêu cầu về phương thức hành vi đạo đức.
2. Cuộc sống của học sinh trung học và yêu cầu giáo dục đạo đức đối với lứa tuổi này.
  - a. Đạo đức mới trong gia đình.
  - b. Về tình bạn.
  - c. Về tình yêu.
  - d. Về học tập.
  - e. Về giao tiếp.

VII. Con đường và phương tiện giáo dục đạo đức.

1. Thông qua giảng dạy các môn học trong nhà trường.
2. Đưa đối tượng tham gia và lao động và các hoạt động xã hội phong phú, đa dạng.
3. Thông qua các cuộc kỷ niệm lịch sử, lễ hội văn hoá, giáo dục truyền thống dân tộc.
4. Tổ chức sinh hoạt các đoàn thể.
5. Tổ chức các cuộc thi hấp dẫn.

VIII. Phương pháp giáo dục đạo đức.

1. Khái niệm về phương pháp giáo dục.
2. Hệ thống các phương pháp giáo dục.
3. Nhận xét về một số phương pháp giáo dục sai lầm.
4. Một số quan điểm cơ bản về việc tìm kiếm phương pháp giáo dục đạo đức có hiệu quả.
5. Phương pháp và kỹ thuật cụ thể trong việc hình thành phẩm chất và hành vi văn hoá đạo đức.
6. Những điều kiện đảm bảo cho việc giáo dục nếp sống, hành vi văn hoá đạo đức cho thế hệ trẻ.

Câu hỏi học tập và thảo luận

1. Phân tích khái niệm, nhiệm vụ và các nội dung giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ trong giai đoạn ngày nay.
2. Trình bày các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh
3. Trình bày quan điểm xây dựng phương pháp giáo dục đạo đức và kỹ thuật cụ thể nhằm hình thành phẩm chất, hành vi văn hoá đạo đức cho thế hệ trẻ

## Chương IV: ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC

### I- Truyền thống dân tộc.

1. Truyền thống là gì?
2. Đặc trưng cơ bản của truyền thống.
3. Yêu cầu cơ bản của giáo dục truyền thống.

### II- Truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam.

1. Truyền thống yêu nước.
2. Truyền thống nhân nghĩa.
3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, thủy chung, lạc quan.
4. Truyền thống giáo dục.

### III. Chủ tịch Hồ Chí Minh – Sự kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh-một nhà cách mạng yêu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh-đạo đức, tư tưởng của một nhân cách sư phạm lỗi lạc – truyền thống dân tộc sâu sắc.
3. Tư tưởng độc lập, tự do và CNXH của chủ tịch Hồ Chí Minh là đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước, nhân đạo của dân tộc.
4. Khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư là những đức tính nhất quán của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu hỏi học tập và thảo luận

1. Trình bày một số vấn đề trong phương pháp luận về nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng, tình cảm, đạo đức trong sáng của chủ tịch Hồ Chí Minh?
2. Hãy phân tích một số nội dung cơ bản về đạo đức cách mạng của Hồ chủ tịch.
3. Đặc trưng và yêu cầu cơ bản giáo dục truyền thống Việt Nam

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Theo học chế tín chỉ

T	Nội dung	Số tiết	
		LT	TL
	Chương 1: Đạo đức học là một khoa học	4	4
	Chương 2: Một số phạm trù, khái niệm cơ bản của đạo đức	4	4
	Chương 3: Giáo dục đạo đức	10	8
	Chương 4: Đạo đức truyền thống của dân tộc	2	4
	Tổng cộng:	20	20

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

#### 6.1 Giáo trình

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

- Đạo đức học –G.Bandêlarde. Viện KHGD.H-1978
- Giáo trình đạo đức học Mác Lênin –Nxb ĐH và GDCN. H-198
- Đạo đức học –Nxb Giáo dục.H-1998

**6.2 Tài liệu tham khảo**

- Hồ Chí Minh về đạo đức. Nxb Sự thật.H-1993
- Một số vấn đề về đạo đức học –Vụ GV.H-1995
- Bác Hồ – Người Việt Nam đẹp nhất. Nxb TN.H.1962
- Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch. Nxb Văn hoá.H-1960
- Hà Thế Ngữ, Giáo dục học, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb ĐHQG, H.2001

- Thái Duy Tuyên, Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại, Nxb GD, H.1998
- Tạp chí giáo dục, mỗi tháng ra 2 kỳ.

**6.3 Bài giảng**

Võ Nguyên Du, Giáo dục đạo đức, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

**7.1. Chuyên cần** : 10% (Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp)

**7.2. Giữa kì** : 20%

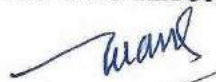
**7.3. Thi cuối kì** : 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau phần 2 hoặc đánh giá qua phần thực hành.

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

**TRƯỞNG KHOA**



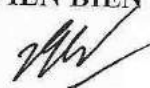
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Dương Bạch Dương

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



PGS.TS. Võ Nguyên Du

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**6. Học phần: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**Mã học phần: 1100004**

**Tên tiếng Anh: Vietnam Culture Estate**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Mã học phần: 1100004 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Thảo luận : 20 tiết
  - + Tự học : 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên trang bị những kiến thức cơ bản về văn hóa, tìm hiểu những đặc trưng và bản sắc văn hóa Việt nam trên cơ sở đó có thái độ đúng đắn và hành động tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập mở cửa của thế giới hiện nay.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:
  - + Nắm được các khái niệm về văn hóa, liên quan đến văn hóa.
  - + Hiểu được những quy luật hình thành và phát triển văn hóa.
  - + Khái quát được những đặc trưng và bản sắc văn hóa Việt Nam..
- Về kỹ năng: Sau khi học xong phần này, sinh viên có khả năng:
  - + Lý giải, phân tích tốt các hành vi, kiểu ứng xử trong nhà trường, trong đời sống dưới góc độ tâm lý – văn hóa.
  - + Tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề của văn hóa, và văn hóa Việt Nam.
- Về thái độ: Tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

**3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Cung cấp những khái niệm chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng.

Học phần cũng trang bị cho học sinh những kỹ năng, phương pháp tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

##### **Chương 1: VĂN HÓA HỌC VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

###### 1.1. Các khái niệm cơ bản

###### 1.1.1. Văn hóa và văn hóa học

###### 1.1.2. Đối tượng và các phân ngành của văn hóa học

###### 1.1.3. Phân biệt văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật.

###### 1.1.4. Cấu trúc hệ thống văn hóa

###### 1.2. Văn hóa Việt Nam

###### 1.2.1. Định vị văn hóa Việt Nam

###### 1.2.2. Diễn trình văn hóa Việt Nam

###### 1.2.3. Loại hình văn hóa của Việt Nam

###### 1.3. Diễn trình văn hóa Việt Nam

###### 1.3.1. Giai đoạn tiền sử và sơ sử

###### 1.3.2. Giai đoạn thiên niên kỷ đầu công nguyên

###### 1.3.3. Giai đoạn nhà nước phong kiến tự chủ

###### 1.3.4. Giai đoạn 1858 – 1945

###### 1.3.5. Từ 1945 đến nay

##### **Chương 2: CÁC THÀNH TỐ VĂN HÓA VIỆT NAM**

###### 2.1. Văn hóa nhận thức

###### 2.1.1. Nhận thức về vũ trụ; không – thời gian

###### 2.1.2. Nhận thức về con người

###### 2.2. Văn hóa tổ chức xã hội

###### 2.2.1. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể

###### 2.2.2. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân

###### 2.3. Các vùng văn hóa của Việt Nam

###### 2.3.1. Cơ sở phân vùng văn hóa

###### 2.3.2. Đặc trưng của các vùng văn hóa Việt Nam

##### **Chương 3: TIẾP XÚC VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA**

###### 3.1. Tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc

###### 3.2. Tiếp xúc và giao lưu với văn hóa phương Tây

###### 3.3. Bản sắc văn hóa và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam

4. *Phương pháp, hình thức giảng dạy:* Theo học chế tín chỉ

Nội dung	Số tiết	
	LT	TL
Chương 1: VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA HỌC		
1.1. Các khái niệm cơ bản		
1.1.1. Văn hóa, đặc trưng và chức năng của văn hóa	1	2
1.1.2. Văn hóa học và các phân ngành của văn hóa		
1.1.3. Phân biệt văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật.	2	2
1.1.4. cấu trúc hệ thống văn hóa		
1.2. Định vị văn hóa Việt Nam		
1.2.1. Chủ thể và thời gian văn hóa	2	2
1.2.2. Vị trí địa lý, hoàn cảnh lịch sử		
1.2.3. Loại hình văn hóa của Việt Nam		
1.3. Diễn trình văn hóa Việt Nam		
1.3.1. Giai đoạn tiền sử và sơ sử		
1.3.2. Giai đoạn thiên niên kỉ đầu công nguyên	2	2
1.3.3. Giai đoạn nhà nước phong kiến tự chủ		
1.3.4. Giai đoạn 1858 – 1945		
1.3.5. Từ 1945 đến nay		
Chương 2: CÁC THÀNH TỐ VĂN HÓA VIỆT NAM		
2.1. Văn hóa nhận thức		
2.1.1. Về bản thể vũ trụ	2	
2.1.2. Về không – thời gian		
2.1.3. Về con người		
Bài tập: Kiến giải cách giải thích về vũ trụ trong các câu chuyện thần thoại và cổ tích Việt Nam.		2
2.2. Văn hóa tổ chức		
2.2.1. Tổ chức nông thôn	2	2
2.2.2. Tổ chức quốc gia – đô thị		



Nội dung	Số tiết	
	LT	TL
2.2.3. Tổ chức đời sống cá nhân - Tín ngưỡng - Phong tục tập quán - Ngôn ngữ – giao tiếp	2	2
2.3. Các vùng văn hóa Việt Nam 2.3.1. Vùng văn hóa Tây Bắc 2.3.2. Vùng văn hóa Việt Bắc 2.3.3. Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ	2	
2.3.4. Vùng văn hóa Trung Bộ 2.3.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên 2.3.6. Vùng văn hóa Nam Bộ	2	
Chương 3: TIẾP XÚC VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA 3.1. Tiếp xúc, giao lưu với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc 3.1.1. Về tư tưởng 3.1.2. Về nghệ thuật	1	2
3.2. Tiếp xúc và giao lưu với phương Tây 3.2.1. Về tư tưởng 3.2.2. Về nghệ thuật – kỹ thuật	1	2
3.3. Bản sắc văn hóa và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam 3.3.1. Bản sắc văn hóa 3.3.2. Vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam	1	2
TC	20	20

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1. Tài liệu môn học**

- Huỳnh Công Bá (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Thuận Hóa.
- Phan Huy Lê (1983), *Lịch sử Việt Nam*, NXB ĐH và THCN.
- Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học.
- Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- Trần Quốc Vượng (2004), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.

**6.2. Tài liệu tham khảo**

Lê Ngọc Trà (2001), *Văn hóa Việt Nam, đặc trưng và cách tiếp cận*, NXB Giáo dục.

**6.3 Bài giảng**

Ngô Thị Phương Trà, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

8. Nhiều tác giả, *Tìm về bản sắc dân tộc của văn hóa*, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1993

9. Nhiều tác giả, *Văn hóa Việt Nam, một chặng đường*, NXB Văn hóa – Thông tin và Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1994.

10. Phan Ngọc, *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1994.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

7.1. Chuyên cần: 10% (Tham gia học đầy đủ, có tinh thần xây dựng bài)

7.2. Giữa kỳ: 20% (Đánh giá theo bài tập nhóm Chương 2 và 3)

7.3. Thi cuối kỳ: 70%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kỳ: Làm bài tập nhóm

- Thi cuối kỳ: Theo lịch của nhà trường

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Dương Bạch Dương

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Th.s Ngô Thị Phương Trà

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**7. Học phần: GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN**

**Mã học phần: 1100037**

**Tên tiếng Anh: Education and Development**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục và phát triển
- Mã học phần : 1100037 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Thảo luận : 20 tiết
  - + Tự học : 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên chuyên ngành công tác xã hội hiểu biết vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội, con người và sự tác động của các yếu tố xã hội tới giáo dục, hiểu được xu thế phát triển của xã hội hiện nay làm cơ sở định hướng cho công tác quản lý giáo dục

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức: Qua nghiên cứu học phần sinh viên nắm được:
  - + Quan hệ giáo dục và sự phát triển con người
  - + Quan hệ dân số và giáo dục
  - + Quan hệ kinh tế giáo dục
- Về kỹ năng: Qua nghiên cứu học phần sinh viên có thể tính được các chỉ số phát triển con người, chỉ số phát triển xã hội và các chỉ số giáo dục.
- Về thái độ: Tích cực vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị trong môn học vào học tập, nghiên cứu chuẩn bị cho công tác quản lý trong tương lai.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp người học nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển xã hội và con người, nhận thức được vai trò của giáo dục trong sự phát triển của xã hội hiện đại và hướng phát triển của giáo dục trong xã hội hiện tại và tương lai.

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

#### Chương 1: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

##### 1. Vai trò giáo dục trong sự phát triển nhân cách con người

1.1. Giáo dục là nhu cầu thiết yếu của mỗi con người, đồng thời là nhân tố cơ bản nâng cao năng lực và mở rộng cơ hội chọn lựa của con người

1.2. Giáo dục - nhân tố then chốt tạo ra vốn con người, vốn tổ chức và vốn xã hội

1.3. Giáo dục là nhân tố quan trọng nhất để phát triển nguồn lực con người

##### 2. Một số nhân tố chủ yếu tác động vào quá trình phát triển giáo dục

2.1 Dân số và quá trình giáo dục

2.2. Sự tăng trưởng kinh tế là nhân tố đảm bảo cho giáo dục phát triển có chất lượng, hiệu quả

3. Chỉ số phát triển giáo dục trong chỉ số phát triển con người (HDI)

##### 4. Mục tiêu phát triển và một số vấn đề của giáo dục nước ta hiện nay

4.1 Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc

4.2 Những vấn đề giáo dục cần quan tâm nhìn từ yêu cầu thực hiện MDGs

4.3. Phát triển kinh tế và giáo dục ở nước ta các giai đoạn

#### Chương 2: QUAN HỆ DÂN SỐ VÀ GIÁO DỤC TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

2.1 Dân số - giáo dục có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau

2.2 Tác động của giáo dục đến dân số

2.3 Tác động của dân số đến giáo dục

2.4 Tăng cường mối quan hệ hữu cơ giữa dân số và giáo dục vì mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước

#### Chương 3: XU THẾ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC LỰA CHỌN ƯU TIÊN CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

3.1 Các mục tiêu phát triển Giáo dục và Đào tạo

3.2 Các ưu tiên, chiến lược và hoạt động của ngành Giáo dục và Đào tạo

3.3 Điều kiện nguồn lực đảm bảo thực hiện các mục tiêu

3.4 Một số kết quả đạt được của Giáo dục và Đào tạo

#### Chương 4: CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ CÁCH ĐO ĐẠC SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở NƯỚC TA

4.1 Chỉ số phát triển giáo dục

4.2 Đo đạc các chỉ số và chỉ tiêu giáo dục

4.3 Số năm đi học trung bình. Chỉ số phát triển giáo dục cộng đồng

### Chương 5: NHÂN TỐ KINH TẾ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

5.1 Vai trò của yếu tố kinh tế trong phát triển con người

5.2 Tác dụng của kinh tế đối với sự phát triển của giáo dục

5.3 Chức năng phát triển kinh tế của giáo dục

5.4 Tiêu chuẩn xem xét một quốc gia hiện đại hóa

5.5 Bảy mục tiêu cơ bản chiến lược “Liên tục phát triển” của Liên hiệp quốc

5.6 Tương quan phát triển kinh tế và phát triển con người

5.7 Tính chất và đặc điểm đầu tư giáo dục.

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:** Theo học chế tín chỉ

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TL
1	Chương 1: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH CON NGƯỜI	3	4
2	Chương 2: QUAN HỆ DÂN SỐ VÀ GIÁO DỤC TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI	4	4
3	Chương 3 XU THẾ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC LỰA CHỌN ƯU TIÊN CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY	4	4
4	Kiểm tra	1	
5	Chương 4 CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ CÁCH ĐO ĐẠC SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở NƯỚC TA	4	4
6	Chương 5 NHÂN TỐ KINH TẾ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI	4	4
	TC	20	20

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

#### 6.1 Giáo trình

- Lê Huy Bá (2002), *Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

- Trần Hữu Dũng (2006), *Vốn xã hội và phát triển*, báo Thời Đại số 8/ 2006

- Trần Hữu Dũng (2006), *Vốn xã hội và phát triển kinh tế*, Bài viết cho hội thảo Về vốn xã hội và phát triển tháng 06/2006
- Lê Tràng Định (2007), *Tập bài giảng chuyên đề Kinh tế học giáo dục*, ĐH Sư phạm Hà Nội
- Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh (2001), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đình Hoè (2006), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục
- Nguyễn Đình Hoè (2001), *Dân số định cư môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
- Mrock, Peter R., Patrinos, Harry A., Ven, Kataraman M. (1998), *Education and earnings in a transition the case of Vietnam*
- Patrinos, Harry Anthony (2007), *Demand side financing in education*, UNESCO
- Lê Thuý (biên dịch) (2004), *Vốn con người*, trích trên website [www.kinhthegoc.com](http://www.kinhthegoc.com)

## 6.2 Bài giảng

Võ Nguyên Du, Giáo dục và phát triển, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. Chuyên cần : 10% (Tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và thảo luận)

7.2. Giữa kì : 20%

7.3. Thi cuối kì : 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 3.

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA



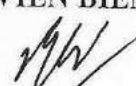
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Dương Bạch Dương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TS. Võ Nguyên Du

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**8. HỌC PHẦN: LÔGIC HỌC**

**Mã học phần: 1100050**

**Tên tiếng Anh: logic**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Lôgic học
- Mã học phần : 1100050
- Loại học phần : Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp : 10 tiết
  - + Tự học : 60 giờ

Số tín chỉ: 2

- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần này giúp sinh viên nâng cao trình độ tư duy logic, có thể vận dụng vào học tập, nghiên cứu

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic học : khái niệm, phán đoán, suy luận và những quy luật của tư duy.

- Về kỹ năng:

+ Truyền thông hiệu quả :

- Nhận tin nhanh chóng, chính xác.
- Truyền tin chặt chẽ, rõ ràng, nhất quán, phong phú.

+ Lập luận chặt chẽ, có thể phát hiện lỗi logic để sửa.

- Về thái độ: Tích cực vận dụng tri thức được trang bị trong học tập, nghiên cứu.

**3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Logic học là khoa học nghiên cứu những hình thức và quy luật của sự tư duy khoa học bao gồm: khái niệm, phán đoán, suy luận và những quy luật của tư duy. Nghiên cứu logic sẽ giúp cho người học nắm vững những hình thức, quy tắc và quy luật chi phối sự phát triển của tư duy. Đây là cơ sở cho việc tiếp cận những khoa học khác.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

##### MỞ ĐẦU

1. Logic học và đối tượng nghiên cứu
2. Sơ lược về sự phát triển logic học
3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học

##### Chương 1: KHÁI NIỆM

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Cấu trúc logic của khái niệm
- 1.3. Quan hệ giữa các khái niệm
- 1.4. Các thao tác logic trên khái niệm

##### BÀI TẬP Chương 1

##### Chương 2: PHÁN ĐOÁN

- 2.1. Phán đoán
- 2.2. Phán đoán đơn
- 2.3. Phán đoán phức

##### BÀI TẬP Chương 2

##### Chương 3: CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY

- 3.1. Quy luật đồng nhất
- 3.2. Quy luật phi mâu thuẫn
- 3.3. Quy luật bài trung
- 3.4. Quy luật có lý do đầy đủ

##### BÀI TẬP Chương 3

##### Chương 4: SUY LUẬN

- 4.1. Khái niệm về suy luận
- 4.2. Suy luận diễn dịch
- 4.3. Suy luận quy nạp

##### BÀI TẬP Chương 4

#### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Theo học chế tín chỉ

Nội dung	Số tiết		Ghi chú
	LT	BT	
MỞ ĐẦU 1. Logic học và đối tượng nghiên cứu 2. Sơ lược về sự phát triển logic học 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học	1		Nghe giảng, làm bài tập, thảo luận & tự đọc.



Chương 1: KHÁI NIỆM 1.1. Khái niệm 1.2. Cấu trúc logic của khái niệm	1		Nghe giảng, làm bài tập , thảo luận & tự đọc.
Chương 2: (tt) 1.3. Quan hệ giữa các khái niệm 1.4. Các thao tác logic trên khái niệm Bài tập chương 1	1	2	Nghe giảng, làm bài tập , thảo luận & tự đọc.
Chương 2: (tt) 1.4. Các thao tác logic trên khái niệm (tt)	1		Nghe giảng, làm bài tập , thảo luận & tự đọc.
Chương 2: PHÁN ĐOÁN 2.1. Phán đoán 2.2. Phán đoán đơn	2		Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
Chương 2: (tt) 2.3. Phán đoán phức Bài tập chương 2	2	2	Nghe giảng, tự đọc & làm bài tập
Chương 3: CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY 3.1. Quy luật đồng nhất 3.2. Quy luật phi mâu thuẫn	2		Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
Chương 3: (tt) 3.3. Quy luật bài trung 3.4. Quy luật có lý do đầy đủ	2		Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
Chương 3: (tt) 3.4. Quy luật có lý do đầy đủ (tt) BÀI TẬP chương 3	2		Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
Chương 4: SUY LUẬN 4.1. Khái niệm về suy luận 4.2. Suy luận diễn dịch 4.3. Suy luận quy nạp BÀI TẬP Chương 4	2	3	Nghe giảng, thực hành, làm bài tập & tự đọc.
Chương 4: SUY LUẬN 4.1. Khái niệm về suy luận	2		Nghe giảng, thực hành, làm bài tập & tự đọc.

Chương 4: (tt) 4.2. Suy luận diễn dịch	1		Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
Chương 4: (tt) 4.3. Suy luận quy nạp BÀI TẬP Chương 4	1	3	Nghe giảng, làm bài tập & tự đọc.
	20	10	

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

- Hoàng Chúng, Logic học phổ thông, NXB GD, 1994
- Nguyễn Đức Dân, Logic, ngữ nghĩa, cú pháp, NXB Đại học và THCN, 1987
- Nguyễn Thị Bích Hồng, ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CAO HỌC LOGIC HỌC, Tài liệu nội bộ.

- Trang web có thể sử dụng: <http://www.ebook.edu.vn/>

**6.2 Bài giảng**

Đinh Thị Sâm, Logic học, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

**7.1. Chuyên cần** : 10%

- Tham dự đầy đủ các buổi học
- Phát biểu xây dựng bài

**7.2. Giữa kì** : 20%

**7.3. Thi cuối kì** : 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 2 hoặc đánh giá qua phần bài tập.
- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA



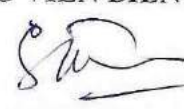
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Dương Bạch Dương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Sâm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**9. HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

**Mã học phần: 1070052**

**Tên tiếng Anh: World civilization history**

**1-Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Lịch sử văn minh thế giới
- Mã học phần : 1070052                      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học đa chức năng
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Lịch sử-Đại học Quy Nhơn

**2- Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần giới thiệu tổng quát về sự hình thành, phát triển các nền văn minh trên thế giới, các thành tựu chủ yếu, vai trò, vị trí của nền văn minh này trong tiến trình lịch sử nhân loại với nội dung cụ thể sau: Văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Hoa, văn minh Hồi giáo, văn minh phương Tây từ cổ đại đến hiện đại.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát và có hệ thống về những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử loài người từ phương Đông sang phương Tây, từ thời cổ đại cho đến hiện đại. Giúp nhận diện được sự tiến của các nền văn minh thế giới.. Cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn minh trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời có sự đối sánh giữa các nền văn minh.

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp so sánh, tự học, thảo luận, làm việc nhóm, biết sử dụng bản đồ, tranh ảnh, phương tiện thông tin hiện đại hỗ trợ học tập.

- Thái độ: Học sinh có cái nhìn toàn diện, cụ thể và đầy đủ hơn về những giá trị vật chất và tinh thần của nhân loại, trân trọng và giữ gìn những sản phẩm vật chất và tinh thần của văn minh nhân loại.

### 3- Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nền văn minh cổ xưa rực rỡ của loài người như: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp- La Mã. Đồng thời còn giúp người học có những hiểu biết sâu sắc về văn minh phương Tây cận-hiện đại, những thành tựu vượt bậc của văn minh loài người trong thời kỳ hiện đại. Qua đó góp phần hình thành các khái niệm cơ bản: Văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, giao thoa văn hóa, tiếp biến văn minh. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về các nền văn minh trong lịch sử loài người, nắm được nét đặc thù và tinh phổ quát về sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

### 4- Nội dung chi tiết học phần

*Mở đầu:* Giới thiệu học phần

*Chương 1:* Văn minh phương Đông cổ-trung đại (7 tiết LT, 7 tiết BT)

1.1. Điều kiện hình thành .

1.1.1. Điều kiện tự nhiên.

1.1.2. Điều kiện xã hội.

1.2. Quá trình lịch sử.

1.2.1. Khái quát về lịch sử

1.2.2. Đặc điểm

1.3. Những thành tựu tiêu biểu

1.3.1. Trình độ tổ chức sản xuất và quản lý xã hội.

1.3.2. Khoa học và kỹ thuật

1.3.3. Tư tưởng, văn học và nghệ thuật

*Chương 2:* Văn minh phương Tây cổ-trung đại (7 tiết LT, 7 tiết BT)

2.1. Văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại

2.1.1. Điều kiện hình thành

2.1.2. Quá trình lịch sử

2.1.3. Những thành tựu tiêu biểu

2.2. Văn minh Tây Âu trung đại

2.2.1. Những đặc điểm lịch sử

2.2.2. Những thành tựu tiêu biểu

*Chương 3:* Văn minh loài người thời kỳ cận-hiện đại (6 tiết LT, 6 tiết BT)

3.1. Văn minh loài người thời kỳ cận đại

3.1.1. Điều kiện ra đời của nền văn minh công nghiệp

3.1.2. Những thành tựu

3.2. Văn minh loài người thời kỳ hiện đại

3.2.1. Những đặc điểm lịch sử

### 3.2.2. Những thành tựu

#### 5- Phương pháp giảng dạy

5.1 Hình thức giảng dạy: Lên lớp

5.2 Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận

#### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

##### 6.1. Giáo trình, bài giảng

- Dương Thị Huệ (chủ biên, 2015), *Lịch sử văn minh thế giới*, Tập bài giảng, Đại học Quy Nhơn (Lưu hành nội bộ)

- Nguyễn Đức Hòa (2011), *Lịch sử văn minh thế giới* Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh

- Lê Phụng Hoàng (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới*. Nxb. Giáo dục, HN.

- Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1999), *Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới*. Nxb. Giáo dục. Hà Nội

##### 6.2 Tài liệu tham khảo

- W.Durant (2000), *Văn minh Ấn Độ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

- W.Durant (2000), *Văn minh Trung Hoa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- Lê Phụng Hoàng (Chủ biên)(1998), *Những công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Larousse (2001), *Con người và những phát minh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

- Lê Ngọc Thái (Chủ biên) (2002), *Văn minh nhân loại những bước ngoặt lịch sử*, Sách dịch, Nxb. Thông tin Hà Nội.

##### 6.3 Bài giảng

Khoa Lịch sử, Lịch sử văn minh thế giới, Trường đại học Quy Nhơn, 2015.

#### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu ý kiến trong quá trình học tập.

7.2 Giữa kỳ: 20%

7.3 Thi cuối kỳ: 70%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

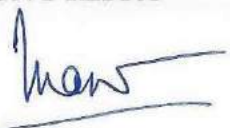
- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

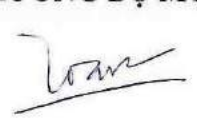
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

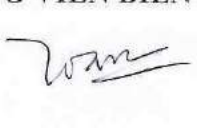
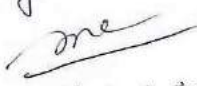
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

  
B. Trần Đức Thuận

  
Nguyễn Đức Toàn<sup>49</sup>

  
Nguyễn Đức Toàn  
  
Dương Thị Huệ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**10. Học phần: PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU Ở ĐẠI HỌC**

**Mã học phần: 1100198**

**Tên tiếng Anh: Method of learning and research in university**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học
- Mã học phần : 1100198 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp : 10 tiết
  - + Tự học : 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về việc học ở đại học, cung cấp cho sinh viên cách học tập hiệu quả, trên cơ sở đó hướng dẫn sinh viên luyện tập, vận dụng các kiến thức, kỹ năng được cung cấp để nâng cao hiệu quả học tập ở đại học.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Về kiến thức:
  - + Môn học này cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát về các lý thuyết học tập, hiểu được bản chất của việc học,
  - + Cung cấp những phương pháp và kỹ năng học tập cần thiết ở trường đại học
  - + Trang bị cho sinh viên khả năng tự học và học tập suốt đời (Life long learning).
  - + Nắm vững lí thuyết về các thủ thuật và phương pháp học tập cần thiết ở bậc đại học
- Về kỹ năng:
  - + Có khả năng nhận ra những thay đổi trong môi trường học tập ở bậc đại học và tìm cách thích nghi với những thay đổi đó để có thể đạt được kết quả cao trong học tập.
  - + Có khả năng cách thiết lập các mục tiêu và lập kế hoạch để thực hiện được những mục tiêu.
  - + Có khả năng đọc, lắng nghe, ghi chép, thuyết trình và làm việc nhóm.

+ Làm được các bài thi trắc nghiệm, bài thi tự luận, trả lời thi vấn đáp, trình bày bài tiểu luận đạt yêu cầu...

+ Có thể tìm kiếm thông tin hiệu quả trên internet

- Về thái độ:

+ SV tích cực thực hành các phương pháp và kỹ năng liên quan đến bài học

+ Tích cực tự học, tự nghiên cứu vận dụng kiến thức kỹ năng vào học tập

### **3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Nội dung bao gồm: đặc điểm của hoạt động học tập của sinh viên đại học, các phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học, các kinh nghiệm học tập. Qua môn học sinh viên có thể lựa chọn phương pháp học phù hợp và áp dụng vào việc học tập ở đại học.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Phần I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU**

I. Khái niệm về phương pháp học tập và nghiên cứu

1. Khái niệm phương pháp

2. Khái niệm phương pháp học tập

3. Khái niệm phương pháp nghiên cứu

II. Động cơ học tập

1. Khái niệm động cơ học tập

2. Các loại động cơ học tập

#### **Phần II: PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU Ở BẬC ĐẠI HỌC**

##### **CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP Ở ĐẠI HỌC**

1.1 Môi trường học tập ở đại học

1.1.1 Đại học là gì?

1.1.2 Bạn biết gì về môi trường học tập tại đại học?

1.1.3 Làm thế nào để thành công khi học ở Đại học?

1.1.4 Phương pháp dạy và học ở đại học có gì khác biệt?

1.2 Những bước để thành công khi học ở Đại học

##### **CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC**

2.1 Thích nghi với sự thay đổi ở môi trường đại học

2.1.1 Nhận biết sự thay đổi khi học tập ở bậc đại học, cao đẳng

2.1.2 Đặc tính chung của sự thay đổi

2.1.3 Thích ứng với sự thay đổi

2.2 Thiết lập mục tiêu học tập và thực hiện kế hoạch học tập

2.2.1 Cách thiết lập mục tiêu học tập khả thi

2.2.2 Lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu học tập

- 2.3 Quản lí thời gian trong thực hiện mục tiêu học tập
  - 2.3.1 Tầm quan trọng của việc quản lí thời gian học tập
  - 2.3.2 Chăm bầy thời gian
  - 2.3.3 Quản lí thời gian
  - 2.3.4 Giải quyết các công việc ngoài kế hoạch
- 2.4 Đọc, lắng nghe và ghi chép bài giảng
  - 2.4.1 Kỹ năng đọc tài liệu
  - 2.4.2 Kiểm tra tốc độ đọc của bản thân
  - 2.4.3 Những yếu tố làm giảm tốc độ đọc
  - 2.4.4 Những kỹ năng đọc hiệu quả
  - 2.4.5 Phương pháp đọc SQ3R
- 2.5 Kỹ năng lắng nghe
  - 2.5.1 Tại sao phải lắng nghe
  - 2.5.2 Các cấp độ lắng nghe
  - 2.5.3 Quy trình lắng nghe
  - 2.5.4 Những cản trở khi lắng nghe
  - 2.5.5 Những lưu ý khi lắng nghe bài giảng
- 2.6 Kỹ năng ghi chép
  - 2.6.1 Tầm quan trọng của ghi chép
  - 2.6.2 Lưu ý khi thực hiện kỹ năng ghi chép
  - 2.6.3 Quy trình ghi chép L – STAR
  - 2.6.4 Nguyên tắc ghi chép cơ bản
  - 2.6.5 Các kỹ thuật ghi chép cơ bản
- 2.7 Kỹ năng viết tiểu luận
  - 2.7.1 Yêu cầu về hình thức, nội dung
  - 2.7.2 Các bước thực hiện tiểu luận
  - 2.7.3 Hướng dẫn làm tiểu luận môn học
- 2.8 Kỹ năng thuyết trình
  - 2.8.1 Thuyết trình là gì?
  - 2.8.2 Các bước thuyết trình
- 2.9 Kỹ năng tìm kiếm thông tin hiệu quả từ Internet
  - 2.9.1 Kỹ năng tìm kiếm thông tin
  - 2.9.2 Kỹ năng đánh giá thông tin
- 2.10 Kỹ năng ôn tập và làm bài thi
  - 2.10.1 Ôn tập
  - 2.10.2 Làm bài thi



2.10.2 Làm bài thi

5. Phương pháp, hình thức giảng dạy: Theo học chế tín chỉ

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	BT
1	Phần I: Những vấn đề chung về phương pháp học tập và nghiên cứu	4	2
2	Phần II: Phương pháp học tập và nghiên cứu ở bậc đại học Chương I: Môi trường học tập ở đại học	4	
	Chương II: Phương pháp và kỹ thuật học tập – nghiên cứu hiệu quả ở bậc đại học	12	8
	TC	20	10

6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

6.1 Giáo trình

1. Giáo trình Kỹ năng học tập, Đại học Mở TP.HCM, năm 2011
2. Tạ Thị Hồng Hạnh - Hoàng Đình Thảo Vy - Vũ Việt Hằng. *Kỹ Năng và Phương Pháp Học Bậc Đại Học*. Trường Đại học Mở TPHCM, năm 2007.
4. Carmine Gallo (2011), *Bí quyết thuyết trình của Steve Jobs* (TS Nguyễn Thọ Nhân dịch), Nhà xuất bản tổng hợp TP.HCM, TP.HCM.
5. Mortimer J.Adler & Charles Van Doren (2010), *Phương pháp đọc sách* (Nguyễn Thành Tổng dịch), Nhà xuất bản văn hóa thông tin, Hà Nội.

6.2 Bài giảng

Tổ GDH - QLGD, Phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học, Trường Đại học Quy Nhơn, 2015.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. Chuyên cần : 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp
- Đóng góp ý kiến xây dựng bài

7.2. Giữa kì : 20%

7.3. Thi cuối kì : 70%


7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau hoặc đánh giá qua phần bài tập.
- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA

  
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

  
TS. Dương Bạch Dương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Bích Ngọc Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**11. HỌC PHẦN: KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**

**Mã học phần: 1100045**

**Tên tiếng Anh: Text editing techniques**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kỹ thuật soạn thảo văn bản
- Mã học phần: 1100045                      Số tín chỉ: 02
- Học phần: Tự chọn
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Thảo luận: 20 tiết
  - + Tự học: 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý - Giáo dục & Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Thông qua việc soạn thảo các văn bản, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, mạch lạc, chặt chẽ, trong sáng, nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, cũng như trong học tập nghiên cứu. Đồng thời, góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Cung cấp những kiến thức căn bản về văn bản nhằm giúp sinh viên hiểu đặc trưng của một văn bản, quá trình xây dựng một văn bản nói chung và các văn bản chuyên ngành nói riêng.

- Kỹ năng: Giúp sinh viên nắm vững các loại văn bản quản lí nhà nước, văn bản khoa học, văn bản chính luận.... từ đó rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tạo lập một văn bản theo quy định, giúp cho sinh viên sau này ra trường có thể đáp ứng yêu cầu viết các loại văn bản trong quá trình công tác, hoạt động tại các cơ quan, đoàn thể.

- Thái độ: hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức trong việc soạn thảo các văn bản đúng thể thức.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

- Tìm hiểu về văn bản và các đặc trưng của văn bản
- Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản (quá trình tạo lập một văn bản và tiếp nhận văn bản).
- Rèn kỹ năng dựng đoạn trong xây dựng văn bản
- Tìm hiểu về văn bản quản lí nhà nước và rèn luyện kỹ năng biên soạn văn bản quản lí nhà nước.
- Tìm hiểu một số văn bản khác.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. GIAO TIẾP VÀ TẠO LẬP VĂN BẢN 7 tiết LT, 7 tiết TL, 15 giờ TH

#### 1.1. Giao tiếp và văn bản

##### 1.1.1. Khái niệm

##### 1.1.2 Các nhân tố của giao tiếp

#### 1.2. Văn bản, đặc trưng của văn bản

##### 1.2.1. Khái niệm về văn bản

##### 1.2.2. Các đặc trưng cơ bản của văn bản

##### 1.2.3. Kết cấu của văn bản

#### 1.3. Các loại văn bản

#### 1.4. Quá trình tạo lập văn bản

##### 1.4.1. Sơ lược về các giai đoạn trong quy trình tạo lập văn bản

##### 1.4.2. Các giai đoạn tạo lập văn bản

#### 1.5. Rèn kĩ năng dựng đoạn trong xây dựng văn bản

##### 1.5.1 Cấu trúc của đoạn văn

##### 1.5.2. Luyện viết đoạn văn

##### 1.5.3. Tách đoạn và liên kết đoạn

##### 1.5.4. Một số lỗi khi viết đoạn văn

Chương 2. VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC 7 tiết LT, 7 tiết TL, 15 giờ TH

#### 2.1. Khái quát về văn bản quản lí nhà nước

##### 2.1.1. Khái niệm về văn bản quản lí nhà nước

##### 2.1.2. Ý nghĩa của văn bản quản lí nhà nước

##### 2.1.3. Chức năng và vai trò của văn bản quản lí nhà nước.

#### 2.2. Các loại văn bản quản lí nhà nước

##### 2.2.1. Văn bản quy phạm pháp luật (pháp quy)

##### 2.2.2. Văn bản hành chính

##### 2.2.3. Các hình thức văn bản khác

#### 2.3. Kỹ thuật biên soạn văn bản quản lí nhà nước

- 2.3.1. Yêu cầu về nội dung văn bản
  - 2.3.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ
  - 2.3.3. Biên soạn một số loại hình văn bản thông dụng
- Chương 3. MỘT SỐ VĂN BẢN KHÁC 6 tiết LT, 6 tiết TL, 20 giờ TH

### 3.1. Văn bản khoa học

- 3.1.1. Phạm vi và chức năng
- 3.1.2. Phân loại
- 3.1.3. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ
- 3.1.4. Kết cấu chung của một tiểu luận khoa học

### 3.2. Văn bản chính luận

- 3.2.1. Chức năng và phân loại
- 3.2.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

### 3.3. Văn bản báo chí

- 3.3.1 Chức năng và phân loại.
- 3.3.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

### 3.4. Văn bản văn chương nghệ thuật

## PHỤ LỤC

Thông tư liên tịch (Hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản)

Dấu câu tiếng Việt

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

**5.1 Phương pháp:** Đàm thoại nêu vấn đề + Làm bài tập cá nhân

**5.2 Hình thức:** Lên lớp

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

#### 6.1 Sách giáo trình chính:

- Lê Xuân Soạn (chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Hoàng Thị Tâm, *Kỹ thuật soạn thảo văn bản (dùng cho sinh viên các trường Đại Học – Cao Đẳng)*, NXB Tổng hợp TP. HCM., Năm 2005.

- Nguyễn Mạnh Hiền, *Giáo trình văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản trong quản lí*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2004.

#### 6.2 Sách tham khảo:

- Bùi Minh Toán (Chủ biên), Lê A, Đỗ Việt Hùng; *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, 2000.

- Hà Thúc Hoan; *Tiếng Việt thực hành*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

- Lê Nga, *Mẫu soạn thảo văn bản trong lĩnh vực hành chính, dân sự*, NXB Lao động-Xã hội, 2007.

- Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp; *Tiếng Việt Thực hành*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2001.

- Nguyễn Quang Ninh; *150 bài tập về dựng đoạn văn*, NXB Giáo dục.

- Nguyễn Văn Tu, *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục

- Nguyễn Xuân Khoa; *Phương pháp dạy dấu câu tiếng Việt ở trường phổ thông*, NXB giáo dục, 1996.

- Phan Thiều; *Rèn luyện ngôn ngữ*, Tập 1,2, NXB Giáo dục, 1998.

- Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh; *Tiếng Việt thực hành*, NXB Thuận Hoá, 2003.

### 6.3 Bài giảng

Ngô Thị Phương Trà, *Kỹ thuật soạn thảo văn bản*, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: 10%

7.2. Giữa kỳ: 20%

7.3. Thi cuối kỳ: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 1

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Đinh Anh Tuấn

TS. Dương Bạch Dương

ThS. Ngô Thị Phương Trà

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**12. HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Mã học phần: 1080135**

**Tên tiếng Anh: Socio-economic Geography of Vietnam**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam
- Mã học phần: 1080135 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết :
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 25 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 50 giờ
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Địa lí - Địa Chính.

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết chung về tổ chức không gian các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng những hiểu biết của mình trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức:
  - + Môn Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức không gian các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- Kỹ năng
  - + Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng phân tích, tổng hợp: Đây là môn học có đối tượng nghiên cứu khá rộng liên quan đến nhiều lĩnh vực. Vì vậy, sinh viên cần có khả năng nhận thức và lựa chọn những dữ liệu cơ bản nhất giữa các đối tượng để rút ra những kết luận cần thiết và khái quát hoá vấn đề.
- Thái độ, chuyên cần: sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, thực hiện nề nếp, chuyên cần theo đúng qui định.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần bao gồm:

- Khái quát về đặc điểm và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay; vai trò và vị trí của Việt Nam trong hệ thống phân công lao động quốc tế.

- Tìm hiểu đặc điểm, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của các nguồn lực chính để phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam (nguồn lực vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn).

- Những vấn đề phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu: khái quát vai trò của ngành trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành kinh tế; phân vùng theo ngành và một số hình thức tổ chức chất lượng kinh tế tiêu biểu ở Việt Nam.

- Những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của các vùng: Các loại vùng kinh tế - xã hội; Nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế; Các vùng kinh tế trọng điểm.

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

PHẦN MỞ ĐẦU: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VIỆT NAM

Chương 1: VIỆT NAM TRONG HỆ THỐNG PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

5 tiết LT, 5 tiết TL

1.1. Đặc điểm và xu hướng hiện đại của nền kinh tế thế giới

1.1.1. Tính thống nhất của nền kinh tế thế giới

1.1.2. Toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta

1.2. Vai trò và vị trí của Việt Nam trong hệ thống phân công lao động quốc tế

1.2.1. Những lợi thế cơ bản để Việt Nam tham gia trong hệ thống phân công lao động quốc tế

1.2.2 Những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

PHẦN I: CÁC NGUỒN LỰC CHÍNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Chương 2: NGUỒN LỰC VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ 2 tiết LT, 2 tiết TL

2.1. Khái quát chung

2.2. Đặc điểm về vị trí địa lí và lãnh thổ Việt Nam

2.3. Ý nghĩa về vị trí địa lí và lãnh thổ Việt Nam

Chương 3: NGUỒN LỰC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN 2 tiết LT, 2 tiết TL

3.1. Đánh giá chung về tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam

3.2. Đặc điểm và ý nghĩa của từng loại tài nguyên thiên nhiên

3.2.1. Điều kiện địa hình

3.2.2. Tài nguyên đất

3.2.3. Tài nguyên khoáng sản

3.2.4. Tài nguyên biển

- 3.2.5. Tài nguyên khí hậu
- 3.2.6. Tài nguyên nước
- 3.2.7. Tài nguyên rừng
- 3.3. Biện pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

#### Chương 4: TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN 3 tiết LT, 3 tiết TL

- 4.1. Dân cư và nguồn lao động
  - 4.1.1. Dân cư
    - 4.1.1.1. Quy mô dân số và động lực gia tăng dân số
    - 4.1.1.2. Kết cấu dân số
    - 4.1.1.3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư
  - 4.1.2. Nguồn lao động
    - 4.1.2.1. Đặc điểm chủ yếu về nguồn lao động
    - 4.1.2.2. Vấn đề sử dụng nguồn lao động
  - 4.1.3. Ý nghĩa nguồn lực dân cư và nguồn lao động đối với sự phát triển kinh tế - xã hội
- 4.2. Đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội
- 4.3. Hệ thống tài sản quốc gia
- 4.4. Nguồn lực bên ngoài (ngoại lực)
  - 4.1.1. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài
    - 4.1.1.1. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp
    - 4.1.1.2. Nguồn vốn đầu tư gián tiếp
    - 4.1.1.3. Nguồn kiều hối
  - 4.1.2. Khoa học, công nghệ
  - 4.1.3. Nguồn nhân lực
  - 4.1.4. Thị trường

#### PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ CHỦ YẾU Ở VIỆT NAM

#### Chương 5: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH SẢN XUẤT VẬT CHẤT 2 tiết LT, 2 tiết TL

- 5.1. Ngành nông nghiệp
  - 5.1.1. Khái quát vai trò ngành sản xuất nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta
  - 5.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố sản xuất nông nghiệp ở nước ta
  - 5.1.3. Phân vùng nông nghiệp và hình thức TCLTKT tiêu biểu
- 5.2. Ngành công nghiệp
  - 5.2.1. Khái quát vai trò ngành sản xuất công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta



5.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố sản xuất công nghiệp ở nước ta

5.2.3. Phân vùng công nghiệp và hình thức TCLTKT tiêu biểu

## Chương 6: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

3 tiết LT, 3 tiết TL

### 6.1. Ngành du lịch

6.1.1. Khái quát vai trò ngành du lịch trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

6.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành du lịch ở nước ta

6.1.3. Phân vùng du lịch

### 6.2. Ngành giao thông vận tải

6.2.1. Khái quát vai trò ngành GTVT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

6.2.2. Tình hình phát triển các loại hình GTVT ở nước ta

6.2.3. Tình hình phân bố mạng lưới GTVT ở nước ta

### 6.3. Một số hình thức TCLTKT tiêu biểu khác

6.3.1. Khu kinh tế

6.3.2. Hành lang kinh tế

## PHẦN III: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC VÙNG

### Chương 7: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VÙNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

2 tiết LT, 2 tiết TL

7.1. Quan niệm về vùng và các loại vùng kinh tế - xã hội

7.1.1. Quan niệm về vùng

7.1.2. Các loại vùng kinh tế - xã hội

7.1.2.1. Vùng hành chính

7.1.2.2. Vùng kinh tế ngành

7.1.2.3. Vùng kinh tế tổng hợp

7.1.2.4. Vùng kinh tế trọng điểm

7.1.2.5. Vùng theo trình độ phát triển

7.2. Phân vùng kinh tế ở nước ta qua các giai đoạn phát triển

### Chương 8: CÁC VÙNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM 2 tiết LT, 2 tiết TL

8.1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

8.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng

8.3. Vùng Bắc Trung Bộ

8.4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

8.5. Vùng Tây Nguyên

8.6. Vùng Đông Nam Bộ

8.7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

## Chương 9: CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM Ở VIỆT NAM

2 tiết LT, 2 tiết TL

9.1. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc

9.2. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

9.3. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

9.4. Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long

### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

#### **6.1. Giáo trình, bài giảng bắt buộc**

- Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Văn Phú, Lê Thị Mỹ Dung, Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, Nxb ĐHSP Hà Nội, năm 2010.

- Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội, năm 2000.

- Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội, năm 2006.

#### **6.2 Bài giảng**

Đề cương tập bài giảng Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam - Trường ĐH Quy Nhơn - Nhóm giảng viên tham gia giảng dạy.

#### **6.3. Tài liệu tham khảo**

- Atlas Địa lí Việt Nam.

- Thời báo kinh tế Việt Nam.

- Nguyễn Quang Thái, Địa lí kinh tế Việt Nam, Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Nxb Giáo dục Hà Nội, năm 1997.

- Nguyễn Đức Tuấn, Địa lí kinh tế học, Nxb Thống kê, Hà Nội, năm 2003.

- Lê Thông (chủ biên), Địa lí kinh tế Việt Nam, Nxb Thống kê, Hà Nội, năm 1999.

- Lê Thông (chủ biên), Địa lí kinh tế Việt Nam, Nxb Thống kê, Hà Nội, năm 1999.
- Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông, Địa lí KT-XH đại cương, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, năm 2005.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần: 10%**

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2. Giữa kỳ: 20%**

**7.3. Thi cuối kỳ: 70%**


**7.4. Lịch thi kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ**


- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ hoặc đánh giá qua phần bài tập.
- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

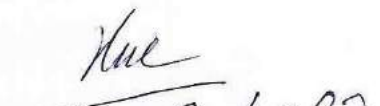
**D. TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

  
 Ngô Anh Tuấn

  
 Hoàng Quý Châu

  
 Hoàng Quý Châu

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**13. Học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**Mã học phần: 1100055**

**Tên tiếng Anh: Environment and Development**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Môi trường và phát triển
- Mã học phần: 1100055                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận: 20 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần trang bị cho người học những vấn đề của môi trường gắn với sự phát triển bền vững. Qua đó giúp sinh viên nắm được các vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường bức xúc ở Việt Nam hiện nay, nắm được những mục tiêu và yêu cầu của phát triển bền vững. Qua đó, giúp cho sinh viên hiểu được các mối quan hệ giữa con người và các yếu tố khác trong cuộc sống.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết về môi trường và phát triển bền vững, các khái niệm cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, phát triển và phát triển bền vững.

- Kỹ năng: Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường góp phần thực hiện thành công chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.

- Thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn với việc bảo vệ môi trường, có thái độ chuyên cần trong học tập, nghiên cứu.

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Môi trường và phát triển giới thiệu những nét cơ bản, kiến thức về môi trường và phát triển bền vững: Các khái niệm cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, các vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường bức xúc ở Việt Nam... , khái niệm, yêu cầu, nguyên tắc và những khó khăn hiện nay của phát triển và phát triển bền vững; Định hướng chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

##### **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG**

(4 tiết LT, 4 tiết TL, 10 giờ tự học)

###### 1. 1. Môi trường

###### 1.1.1. Khái niệm môi trường

###### 1.1.2. Cấu trúc của hệ thống môi trường

###### 1.1.3. Chức năng của hệ thống môi trường

###### 1.2. Ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường

###### 1.2.1. Suy thoái môi trường

###### 1.2.2. Ô nhiễm môi trường

###### 1.2.3. Sự cố môi trường và tai biến môi trường

###### 1.3. An ninh môi trường và an toàn môi trường

###### 1.4. Nghèo khổ và môi trường

###### 1.5. Dân số và môi trường

##### **CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU VÀ MÔI TRƯỜNG BỨC**

**XÚC Ở VIỆT NAM** (4 tiết LT, 4 tiết TL, 10 giờ tự học)

###### 2.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu

###### 2.1.1. Biến đổi khí hậu

###### 2.1.2. Suy giảm tầng ô zôn

###### 2.1.3. Ô nhiễm xuyên biên giới

###### 2.1.4. Xuất khẩu chất thải độc hại

###### 2.1.5. Suy thoái đa dạng sinh học

###### 2.2. Những vấn đề môi trường bức xúc ở Việt Nam

###### 2.2.1. Biến đổi khí hậu

###### 2.2.2. Suy thoái đất

###### 2.2.3. Tài nguyên và môi trường nước

###### 2.2.4. Môi trường biển

###### 2.2.5. Tài nguyên rừng

###### 2.2.6. Đa dạng sinh học

###### 2.2.7. Môi trường đô thị

###### 2.2.8. Môi trường công nghiệp

2.2.9. Môi trường nông thôn và nông nghiệp

2.2.10. Sự cố môi trường

### *CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG*

*(4 tiết LT, 4 tiết TL, 10 giờ tự học)*

3.1. Khái niệm và nội dung phát triển bền vững

3.1.1. Phát triển và phát triển không bền vững

3.1.2. Khái niệm và yêu cầu của phát triển bền vững  
nguyên tắc của phát triển bền vững

3.2. Các mục tiêu của phát triển bền vững

3.2.1. Hội nghị thượng đỉnh về môi trường và phát triển bền vững

3.2.2. Sử dụng hợp lý tài nguyên và tính bền vững

3.2.3. Duy trì đa dạng sinh học và tính bền vững

3.2.4. Phương thức tiêu thụ trong phát triển bền vững

3.2.5. Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển bền vững

### *CHƯƠNG 4: NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (4 tiết LT, 4 tiết TL, 10 giờ tự học)*

4.1. Những thách thức chính trị

4.2. Phát triển cực đoan

4.3. Quan điểm môi trường cực đoan

4.4. Tệ tham nhũng và lối sống tiêu thụ

4.5. Bùng nổ dân số

4.6. Mặt trái của khoa học công nghệ

### *CHƯƠNG 5 : ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM (4 tiết LT, 4 tiết TL, 10 giờ tự học)*

5.1. Mục tiêu bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

5.2. Kế hoạch phát triển bền vững ở Việt Nam

5.3. Những Nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững ở Việt Nam

5.4. Những thách thức cần vượt qua để phát triển bền vững

#### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

##### **5.1 Phương pháp**

- Đàm thoại nêu vấn đề

- Làm bài tập cá nhân

##### **5.2 Hình thức**

Lên lớp

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1. Bài giảng, Giáo trình:**

[1] Dương Văn Thắng, Bài giảng môn Môi trường và phát triển

[2] Nguyễn Đình Hoè, Môi trường và phát triển bền vững, Nxb Giáo dục, 2006

**6.2. Tài liệu tham khảo:**

[1]. Lê Huy Bá. *Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2002

[2]. Lê Trọng Cúc. *Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên*, Nxb ĐH Quốc gia HN, 2002

[3]. Bộ tài nguyên và môi trường. *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà nội, 2004.

[4]. Lưu Đức Hải. Nguyễn Ngọc Sinh. *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

[5]. Nguyễn Đình Hoè. *Dân số định cư môi trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

[6]. Lương Thị Vân. *Môi trường và con người*, Nxb Giáo dục, 2001

[7]. Mai Đình Yên. *Môi trường và con người*, Nxb Giáo dục, 1997

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần: 10%**

- Tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp

- Phát biểu xây dựng bài, tham gia thảo luận nhóm

**7.2. Giữa kỳ: 20%**

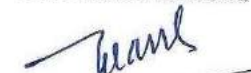
**7.3. Thi cuối kỳ: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 3

- Thi cuối kì: Theo lịch của nhà trường

**TRƯỞNG KHOA**



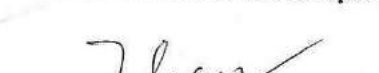
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Dương Bạch Dương

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Dương Văn Thắng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**14. HỌC PHẦN: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Mã học phần: 1100058

Tên tiếng Anh: Import the social work

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Nhập môn công tác xã hội
- Mã học phần: 1100058 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ

- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên hiểu được Công tác xã hội là một ngành khoa học và một nghề riêng biệt. Sinh viên sẽ được giới thiệu đôi nét về lịch sử hình thành, nền tảng triết lý và khoa học, các đặc trưng cơ bản của công tác xã hội, các giá trị và quy tắc đạo đức và nguyên tắc hành động của ngành, quan hệ giữa Công tác xã hội với các ngành khoa học khác như Triết học, Xã hội học, Sinh học, Y học. Đồng thời giúp sinh viên nhận thức rõ các lĩnh vực hoạt động của Công tác xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm Công tác xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng làm công tác xã hội. Đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của Công tác xã hội. Học phần có thể đi khái quát về ngành công tác xã hội.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.



### 3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)

Nhập môn Công tác xã hội là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về ngành Công tác xã hội như: Sự hình thành và phát triển ngành công tác xã hội; Cơ sở khoa học của công tác xã hội; Nhân viên công tác xã hội; Một số khái niệm và mô hình giải quyết trong công tác xã hội; công tác xã hội với các nhóm đặc thù... Thông qua học phần này, người học hiểu rõ người làm công tác xã hội cần có những kiến thức và kỹ năng gì, biết đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của quản trị trong Công tác xã hội.

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG I: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI 2 tiết LT, 2 tiết TL

I. Giai đoạn tiền khoa học (Trước thế kỷ XX)

II. Giai đoạn khoa học (Bắt đầu từ thế kỷ XX)

Chương II: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI 6 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

I. Khái niệm Công tác xã hội

II. Đối tượng và chủ thể của công tác xã hội

1. Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội.

2. Đối tượng cần sự trợ giúp và tác động của Công tác xã hội.

3. Chủ thể của Công tác xã hội:

III. Các chức năng của công tác xã hội

1- Chức năng chữa trị ( chức năng trị liệu):

2- Chức năng phòng ngừa:

3- Chức năng phục hồi:

4- Chức năng phát triển:

IV. Các nguyên tắc hoạt động của công tác xã hội:

1- Cá nhân là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội.

2- Giữa cá nhân và xã hội có mối quan hệ tác động lẫn nhau.

3- Cá nhân và xã hội phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau.

4- Con người có những nhu cầu giống nhau nhưng mỗi cá nhân là một cái riêng độc đáo, không giống với những cá nhân khác trong xã hội.

5- Mỗi cá nhân cần được phát huy mọi khả năng vốn có và được tạo điều kiện, để thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua việc thực hiện các vai trò cụ thể.

6- Phát huy năng lực vốn có.

7- Xã hội có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cá nhân phát huy những khả năng của mình để phát triển:

V. Quy điều đạo đức trong công tác xã hội

Chương III: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

I. Môi quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng:

1. Khái niệm:

2. Môi quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng:

II. Vai trò của nhân viên công tác xã hội:

1- Vai trò môi giới:

2- Vai trò người hỗ trợ:

3- Vai trò người giáo dục:

4- Vai trò người biện hộ:

5- Vai trò người trung gian:

III. Nguyên tắc hoạt động của nhân viên công tác xã hội:

1- Nguyên tắc chấp nhận đối tượng:

2- Tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng:

3- Nguyên tắc cá biệt hoá:

4- Nguyên tắc bí mật:

5- Nguyên tắc ý thức về chính mình (tự ý thức):

6- Nguyên tắc bình đẳng:

IV. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội:

1- Kiến thức:

2- Ý thức thái độ trong công việc:

3- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp:

Chương IV: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ MÔ HÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

I. Một số khái niệm

1. Hành vi thuận xã hội

2. Cá nhân và xã hội

3. Nhóm yếu thế:

4. Trợ giúp xã hội

5. Bảo vệ xã hội

6. Hỗ trợ xã hội

7. Nhu cầu

II. Mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội

1- Nhận diện vấn đề:

2- Chẩn đoán vấn đề:

3- Kế hoạch trị liệu:

4- Lượng giá:

### III. Các phương pháp công tác xã hội:

- 1- Công tác xã hội với cá nhân.
- 2- Công tác xã hội với nhóm.
- 3- Công tác phát triển cộng đồng.

### Chương V: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁC NHÓM ĐẶC THÙ

4 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL

#### I. Công tác xã hội với người khuyết tật

1. Khái niệm và các nhóm khuyết tật:
2. Bảo vệ người khuyết tật về mặt y tế, xã hội:

#### II. Công tác xã hội với trẻ em

1. Một số vấn đề tồn tại trong cuộc sống của trẻ em
2. Trẻ em thuộc nhóm đối tượng của công tác xã hội
3. Nhu cầu cơ bản chung của trẻ em

#### III. Công tác xã hội với người cao tuổi

1. Một số đặc điểm xã hội của người cao tuổi
2. Nhu cầu cơ bản của người cao tuổi
3. Những dịch vụ xã hội đối với người cao tuổi

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

5.1 Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề.

5.2 Hình thức: Lên lớp

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

#### 6.1 Sách, giáo trình chính

- Lê Chí An (biên dịch); 1998, Nhập môn công tác xã hội, NXB.TP.HCM
- Nguyễn Thị Kim Thanh; 2011; Nhập môn công tác xã hội; NXB Giáo dục Việt Nam
- Bùi Thị Xuân Mai; 2010; Nhập môn công tác xã hội, NXB Lao động - Xã hội Hà

Nội

#### 6.2 Bài giảng

Đình Anh Tuấn, Nhập môn công tác xã hội, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu ý kiến trong quá trình học tập.

7.2 Giữa kỳ: 20%

7.3 Thi cuối kỳ: 70%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

**TRƯỜNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



TS. Đinh Anh Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**15. HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**Mã học phần: 1100222**  
**Tên tiếng Anh: Social work theory**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Lý thuyết công tác xã hội
- Mã học phần: 1100222      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học này sẽ giúp cho sinh viên lĩnh hội các kiến thức về các lý thuyết của công tác xã hội đương đại, qua đó sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm-cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: Giảng dạy cho sinh viên ngành chuyên ngành công tác xã hội. Truyền thụ cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề công tác xã hội- một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội.
- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các chức năng xã hội của ngành, nghề. Trang bị cho người học một số nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp riêng mang tính đặc thù của công tác xã hội. Trên cơ sở đó người học có

thể vận dụng một số phương pháp và kỹ năng cơ bản làm việc theo nhóm trong thực hành công tác xã hội hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

- Về thái độ: Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với đồng loại, góp phần xây dựng một ngành học lấy cộng đồng làm trọng tâm, chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này giúp cho sinh viên được tiếp cận những lý thuyết khác nhau của chuyên ngành công tác xã hội, tập trung là lý thuyết động lực tâm lý, lý thuyết định hướng xã hội, lý thuyết định hướng tổng hợp, lý thuyết sinh thái học trong công tác xã hội, lý thuyết và mô hình nhân văn trong công tác xã hội và một số lý thuyết cận với công tác xã hội như lý thuyết của xã hội học, tâm lý học.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

##### **PHẦN 1: KHÁI QUÁT VỀ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI**

( 5 tiết LT, 2 TL)

###### *Chương I: Lý thuyết và lý thuyết công tác xã hội*

1. Lý thuyết là gì?
2. Lý thuyết công tác xã hội
  - 2.1. Khái niệm
  - 2.2. Phân loại lý thuyết công tác xã hội
  - 2.3. Mối quan hệ giữa lý thuyết công tác xã hội với thực hành

##### **PHẦN 2: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG**

( 6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 TL)

(Công tác xã hội với cá nhân, với gia đình và với nhóm)

###### *Chương II: Một số lý thuyết tâm lý*

1. Lý thuyết gắn bó tình cảm của Howe (Howe attachment theory)

1.1. Khái niệm gắn bó

1.2. Nội dung quan điểm lý thuyết gắn bó

1.3. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội

2. Lý thuyết nhân cách của Sigmund Freud

2.1. Mô hình cấu trúc nhân cách

2.2. Các giai đoạn phát triển nhân cách

2.3. Vô thức và ý nghĩa của giấc mộng

2.4. Một số kỹ thuật trị liệu được áp dụng trong công tác xã hội

*Chương III: Quan điểm nhân văn, sinh tồn và tâm linh*

1. Nội dung các quan điểm về lý thuyết nhân văn, sinh tồn và tâm linh

1.1. Quan điểm về Lý thuyết nhân văn

1.1.1 Nội dung quan điểm về lý thuyết

1.1.2. Ứng dụng lý thuyết nhân văn trong thực hành công tác xã hội

1.2. Quan điểm về Lý thuyết sinh tồn

1.2.1. Nội dung quan điểm về lý thuyết

1.2.2. Ứng dụng lý thuyết sinh tồn trong thực hành công tác xã hội

1.3. Quan điểm về Lý thuyết tâm linh-tín ngưỡng

1.3.1. Nội dung quan điểm về lý thuyết

1.3.2. Ứng dụng lý thuyết tâm linh-tín ngưỡng trong công tác xã hội

2. Một số trường phái lý thuyết ảnh hưởng đến công tác xã hội

2.1. Thuyết thân chủ trọng tâm của Carl Rogers và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân

2.2. Công tác xã hội nhóm dựa trên lý thuyết nhân văn của Glassman & Kate

2.3. Thực hành lý thuyết sinh tồn và công tác xã hội

(Thompson 1992)

## 2.4. Thuyết nhu cầu của Maslow và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân

### *Chương IV: Lý thuyết khủng hoảng và mô hình tập trung vào giải pháp*

#### 1. Lý thuyết khủng hoảng và can thiệp khủng hoảng

##### 1.1. Lý thuyết khủng hoảng

##### 1.1.1. Khái niệm khủng hoảng

##### 1.1.2. Đặc tính của khủng hoảng

##### 1.1.3. Phân loại khủng hoảng

#### 1.2. Can thiệp khủng hoảng

##### 1.2.1. Khái niệm can thiệp khủng hoảng

##### 1.2.2. Mục tiêu của can thiệp khủng hoảng

##### 1.2.3. Tiến trình can thiệp khủng hoảng dưới góc độ công tác xã hội

#### 2. Mô hình tập trung vào giải pháp

##### 2.1. Khái niệm

##### 2.2. Mục tiêu và nhiệm vụ

##### 2.3. Tiến trình can thiệp tập trung vào giải pháp dưới góc độ công tác xã hội

##### 2.3.1. Bước xác định các vấn đề đích

##### 2.3.2. Bước đánh giá

##### 2.3.3. Bước lựa chọn vấn đề cần giải quyết

##### 2.3.4. Bước thỏa thuận hợp đồng

##### 2.3.5. Bước lập kế hoạch nhiệm vụ

##### 2.3.6. Bước thực hiện nhiệm vụ

##### 2.3.7. Bước kết thúc

### *Chương V: Lý thuyết nhận thức và hành vi*

#### 1. Lý thuyết nhận thức



- 1.1. Khái niệm nhận thức
- 1.2. Quan điểm về lý thuyết
- 1.3. Ứng dụng lý thuyết nhận thức trong thực hành công tác xã hội
  - 1.3.1. Thay đổi tri thức/cognitive restructuring
  - 1.3.2. Ứng phó tri thức/cognitive coping
  - 1.3.3. Huấn luyện về phương pháp giải quyết khó khăn
2. Lý thuyết hành vi
  - 2.1. Khái niệm hành vi
  - 2.2. Quan điểm về lý thuyết
  - 2.3. Ứng dụng lý thuyết hành vi trong thực hành công tác xã hội cá nhân
3. Ứng dụng thuyết trị liệu nhận thức hành vi của Sheldon trong công tác xã hội
  - 3.1. Thiết lập hành vi mới
  - 3.2. Củng cố hành vi mới
  - 3.3. Đánh giá được thực hiện

### PHẦN 3: MỘT SỐ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI MÔI TRƯỜNG

( 6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 TL)

#### *Chương VI: Lý thuyết hệ thống và sinh thái*

1. Lý thuyết hệ thống
  - 1.1. Lịch sử ra đời lý thuyết hệ thống
  - 1.2. Khái niệm hệ thống
  - 1.3. Phân loại hệ thống và hệ thống trong công tác xã hội
  - 1.4. Đặc tính của hệ thống
  - 1.5. Ứng dụng lý thuyết hệ thống theo quan điểm Pincus và Minahan vào thực hành công tác xã hội

- 1.5.1. Lượng giá vấn đề
- 1.5.2. Thu thập dữ liệu
- 1.5.3. Tiến hành tiếp xúc ban đầu
- 1.5.4. Thoả thuận về các hợp đồng
- 1.5.5. Hình thành các hệ thống hành động
- 1.5.6. Duy trì và phối hợp các hệ thống hành động
- 1.5.7. Tạo ảnh hưởng về các hệ thống hành động
- 1.5.8. Kết thúc những nỗ lực tạo thay đổi (lượng giá)

## 2. Lý thuyết hệ thống sinh thái

- 2.1. Một số khái niệm có liên quan
- 2.2. Quan điểm chung về lý thuyết
- 2.3. Mô hình về đời sống của con người trong môi trường xã hội
- 2.4. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội
  - 2.4.1. Giai đoạn khởi động
  - 2.4.2. Giai đoạn triển khai
  - 2.4.3. Giai đoạn kết thúc

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

**5.1. Hình thức giảng dạy:** giảng dạy trên lớp, kết hợp làm bài tập và thảo luận nhóm nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên.

### 5.2. Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projecto (bài giảng được soạn trên phần mềm Power Point)
- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp người học tự tìm kiếm và xử lý thông tin trên các phương tiện hiện đại để phục vụ môn học.

- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.

- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

### 6.1 Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.

- Hoàng Thế Liên, *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, NXBGD, Hà Nội, 1966.

- Hồ Chí Minh, *Về bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em*, NXB CTQG, Hà Nội, 1997.

- Nguyễn Thị Oanh, *Tâm lý truyền thông và giao tiếp*, Khoa Phụ nữ học, ĐHMBC Thành phố HCM.

- Đỗ Thị Ngọc Phương, *Cơ cấu nhóm của trẻ em lang thang và các biện pháp giáo dục thông qua nhóm*, Luận án TS XHH, Hà Nội, 2001.

- Lê Văn Phú, *Trẻ em lao động sớm tại thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp*, Luận án cao học, Hà Nội, 1999.

- Nguyễn Đình Tấn, *Xã hội học*, NXB LLCT, Hà Nội, 2005.

- P.U.Pavlenok, A.A. Akmalova, *Cơ sở của công tác xã hội*, NXb Matxcova, 2002.

### 6.2 Bài giảng

Nguyễn Văn Nga, *Lý thuyết công tác xã hội*, Đại học Quy Nhơn, 2015

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

TT	Yêu cầu	Trọng số
7.1. Chuyên cần	- Tham dự đầy đủ các buổi học; - Hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ.....	10%
7.2. Giữa kì	Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng	20%

	viên giao cho cá nhân, nhóm.	
<b>7.3. Thi cuối kì</b>	Yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi học và các yêu cầu khác về đạo đức	70%
<b>7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra giữa kì: sau khi kết thúc ½ chương trình của học phần</li> <li>- Thi cuối kì: Theo lịch chung của Trường</li> </ul>		

**TRƯỜNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỜNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Ths. Nguyễn Văn Nga

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**16. HỌC PHẦN: HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100039**

**Tên tiếng Anh: Human Behavior and Social Environment**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Hành vi con người và môi trường xã hội
- Mã học phần: 1100039                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Giúp sinh viên hiểu được các yếu tố cơ bản về sinh học, vật lý học, văn hoá và xã hội của mỗi cá nhân con người gắn liền với hệ thống xã hội. Làm rõ mối tương tác qua lại giữa hành vi con người với môi trường xã hội trong suốt vòng đời của các đối tượng khách hàng khác nhau, cá nhân, nhóm, gia đình, đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của giá trị, nhu cầu, mục đích của hệ thống xã hội, gắn liền với thực tiễn công tác xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu được các yếu tố cơ bản về sinh học, vật lý học, văn hoá và xã hội của mỗi cá nhân con người gắn liền với hệ thống xã hội. Làm rõ mối tương tác qua lại giữa hành vi con người với môi trường xã hội trong suốt vòng đời của các đối tượng khách hàng khác nhau, cá nhân, nhóm, gia đình, đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của giá trị, nhu cầu, mục đích của hệ thống xã hội, gắn liền với thực tiễn công tác xã hội.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)

Hành vi con người và môi trường xã hội là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết như: hệ thống các khái niệm về hành vi và môi trường; đối tượng, chức năng và các phương pháp tiếp nghiên cứu môn học; Các lý thuyết tiếp cận; Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội, kiến thức về các giai đoạn phát triển con người và sự tác động của môi trường xã hội đến nhận thức, thái độ và hành vi con người và sự tác động của MT xã hội đến nhận thức, thái độ và hành vi con người...

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Bài 1: NHẬP MÔN HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI  
(8 tiết lý thuyết, 2 tiết thảo luận, 20 giờ tự học)

- I. Sự cần thiết phải nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội
- II. Đối tượng nghiên cứu
- III. Lịch sử nghiên cứu
  1. August Comte
  2. Herbert Spencer
  3. Emile Durkheim
  4. Karl Marx
- IV. Chức năng của hành vi con người và môi trường xã hội
  1. Chức năng giáo dục
  2. Chức năng nhận thức
  3. Chức năng điều chỉnh hành vi con người đối với xã hội
- V. Phương pháp nghiên cứu
  1. Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử
    2. Phương pháp tiếp cận hệ thống
    3. Phương pháp liên ngành
      - 3.1 Hành vi con người và tâm lý học
      - 3.2 Hành vi con người và sinh học
      - 3.3 Hành vi con người và xã hội học, nhân học
      - 3.4 Hành vi con người và kinh tế - chính trị
      - 3.5 Hành vi con người và các lĩnh vực khác
- VI. Những khái niệm cơ bản
  1. Hành vi con người
    - 1.1 Các quan điểm về hành vi
    - 1.2. Các nguyên tắc và tầng bậc phát triển của hành vi

- 1.3. Phân loại hành vi
- 1.4. Hành vi có vấn đề
- 1.5. Mối quan hệ giữa các yếu tố nhận thức, thái độ và hành vi

2. Môi trường và môi trường xã hội

2.1 Môi trường

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Phân loại môi trường sống

2.2 Môi trường xã hội

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Các yếu tố cấu thành môi trường xã hội

2.2.3 Vai trò của môi trường xã hội

2.2.4 Mối quan hệ giữa môi trường xã hội và môi trường tự nhiên

**Bài 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT TIẾP CẬN HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI** (10 tiết lý thuyết, 5 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận, 20 giờ tự học)

I. Các lý thuyết tiếp cận

1. Lý thuyết hệ thống

1.1 Khái niệm

1.2 Nội dung lý thuyết

1.3 Phân loại lý thuyết

1.3.1 Lý thuyết hệ thống tổng quát

1.3.2 Lý thuyết hệ thống sinh thái

2. Một số lý thuyết phát triển tâm lý tác động đến hành vi con người

2.1 Thuyết phân tâm học

2.2 Thuyết phát triển trí lực

2.3 Thuyết gắn bó

2.4 Thuyết học tập

2.5 Thuyết tâm lý - xã hội

II. Ứng dụng các lý thuyết vào ca công tác xã hội cụ thể

**Bài 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI** (8 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận, 20 giờ tự học)

I. Các giai đoạn phát triển con người và sự tác động của môi trường xã hội đến nhận thức, thái độ và hành vi con người

1. Các giai đoạn phát triển con người

1.1 Tuổi hài nhi (4-12 tháng)

1.2 Tuổi vườn trẻ (1-3 tuổi)

1.3 Tuổi mẫu giáo (3-6 tuổi)

1.4 Tuổi nhi đồng (7-11 tuổi)

1.5 Tuổi thiếu niên (12-15 tuổi)

1.6 Tuổi thanh niên (16-40)

- 1.7 Tuổi trung niên (41-59 tuổi)
- 1.8 Tuổi già (từ 60 tuổi trở lên)
2. Sự tác động của MT xã hội đến nhận thức, thái độ và hành vi con người
  - 2.1 Gia đình
  - 2.2 Trường học, cơ quan
  - 2.3 Bạn bè, đồng nghiệp
  - 2.4 Phương tiện truyền thông đại chúng
  - 2.5 Các yếu tố khác

II. Ứng dụng kiến thức thảo luận các vấn đề thực tế

**Bài 4: MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP VỀ HÀNH VI LỆCH CHUẨN CỦA CÁ NHÂN DO TÁC ĐỘNG TỪ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI** (4 tiết, 4 tiết thảo luận, 25 giờ tự học)

- I. Sự bất ổn trong gia đình và ảnh hưởng của nó đến hành vi con người
  1. Gia đình có vấn đề và những biểu hiện của nó
  2. Trẻ bị xâm hại và những hệ quả về mặt hành vi
    - 2.1 Khái niệm trẻ bị xâm phạm
    - 2.2 Những hệ quả về mặt hành vi
    - 2.3 Công tác xã hội với trẻ em bị xâm phạm
- II. Gia đình tan vỡ do ly hôn hay ly thân và ảnh hưởng của nó đến hành vi trẻ em
  1. Những vấn đề xã hội nảy sinh từ việc tan vỡ gia đình
  2. Những hệ quả từ ly hôn đối với trẻ em
  3. Một số giải pháp đối với vấn đề ly hôn, ly thân
- III. Ảnh hưởng của những bất ổn về chính trị, khó khăn về kinh tế đối với hành vi đạo đức của con người
- IV. Môi trường giáo dục bất bình đẳng, môi trường văn hóa không lành mạnh và những tác động đến hành vi con người
  1. Môi trường giáo dục bất bình đẳng và ảnh hưởng của nó tới người dạy, người học
  2. Môi trường văn hóa không lành mạnh và ảnh hưởng của nó đến hành vi con người

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**



### 6.1 Giáo trình

- Nguyễn Thị Hồng Nga, Hành vi con người và môi trường xã hội, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2011.

- Dương Văn sao, Hành vi con người và môi trường xã hội, NXB Dân Trí, Hà Nội, 2014.

### 6.2 Bài giảng

- Bài giảng môn hành vi con người và môi trường xã hội của Khoa Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2014

- Bài giảng môn hành vi con người và môi trường xã hội của Khoa Xã hội học – Trường Đại học Mở Bán công – TP Hồ Chí Minh, 2014

- Tài liệu tập huấn hành vi con người và MTXH, Đại học Mở, TP.HCM, 2010.

### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1 Chuyên cần: 10%

- Điềm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

7.2 Giữa kỳ: 20%

7.3 Thi cuối kỳ: 70%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**17. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

Mã học phần: 1090067

Tên tiếng Anh: Technical English

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành
- Mã học phần: 1090031                      Số tín chỉ: 02
- Yêu cầu của học phần : Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong chương trình *Tiếng Anh 1, 2* và *3*, tức là trình độ Tiếng Anh của sinh viên tương đương trình độ B.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận:
  - + Thực hành, thực tập:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Ngoại Ngữ

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần**

Môn học này nhằm mục đích:

- Trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về ngành công tác xã hội bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn sau này.
- Giúp học viên nâng cao kỹ năng đọc, nói, viết, ứng dụng ngôn ngữ để phục vụ nhu cầu giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh.

**2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần**

- Kiến thức: nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành công tác xã hội, giúp sinh viên có kiến thức về khái niệm, lịch sử, đặc điểm của ngành công tác xã hội.
- Kỹ năng: Sinh viên được luyện kỹ năng giao tiếp sử dụng các thuật ngữ chuyên môn, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành công tác xã hội. Sau học phần tiếng Anh chuyên ngành này, sinh viên có khả năng đọc, dịch, viết, phân tích các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành đã học. Sinh viên được rèn luyện phương pháp nghiên cứu tài liệu chuyên

môn bằng tiếng Anh nhằm phục vụ tốt cho các môn chuyên ngành cũng như tự nghiên cứu nâng cao trình độ sau này

- Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện ý thức học tập nghiêm túc cho sinh viên.

### 3. Tóm tắt nội dung của học phần

Học phần tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội gồm 9 bài. Tài liệu nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành công tác xã hội, giúp sinh viên có kiến thức về khái niệm, lịch sử, đặc điểm của ngành công tác xã hội. Sinh viên được luyện kỹ năng giao tiếp sử dụng các thuật ngữ chuyên môn, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành công tác xã hội. Sau học phần tiếng Anh chuyên ngành này, sinh viên có khả năng đọc, dịch, viết, phân tích các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành đã học. Sinh viên được rèn luyện phương pháp nghiên cứu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh nhằm phục vụ tốt cho các môn chuyên ngành cũng như tự nghiên cứu nâng cao trình độ sau này.

### 4. Nội dung chi tiết của học phần

Lessons	Titles	Periods
1	Nature of social work.....	2
2	Origins.....	2
3	Types of Social Work .....	4
4	Work Environment – Employment.....	4
5	Training – Qualifications- Advancement .....	4
6	National Association of Social Workers.....	4
7	Standards for Professional Preparation and	4
8	Development	4
	Types of Professional Interventio.....	2
	REVIEW –TEST	
	Further Reading:	
	Role of the Professional.....	
	Ethical Principles.....	
	Job Outlook .....	
	Earnings .....	
	Professional and Related Occupations.....	

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, làm bài tập

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Tài liệu tham khảo**

- Chân dung cán bộ xã hội trong hoạt động hỗ trợ xã hội đối với trẻ thiếu sự chăm sóc của gia đình -24-08-2008
- Child & Family Social Work, 11/2009 (13-10-2009)
- Child Welfare Information Gateway - 02-09-2008
- Femmie Juffer and Wendy Tieman Being adopted: Internationally adopted children's interest and feelings - International Social Work 2009 52: 635-647.
- International Social Work 2009 52: 595-607.
- Jesús Palacios, Maite Román, Carmen Moreno, and Esperanza León Family context for emotional recovery in internationally adopted children-International Social Work 2009 52: 609-620.
- Jini L. Roby and Jim Ife Human rights, politics and intercountry adoption: An examination of two sending countries - International Social Work 2009 52: 661-671.
- Jonathan Dickens Social policy approaches to intercountry adoption
- Kathleen Ja Sook Bergquist Operation Babylift or Babyabduction?: Implications of the Hague Convention on the humanitarian evacuation and 'rescue' of children - International Social Work 2009 52: 621-633.
- Kelley McCreery Bunkers, Victor Groza, and Daniel P. Lauer International adoption and child protection in Guatemala: A case of the tail wagging the dog - International Social Work 2009 52: 649-660.
- Occupational Outlook Handbook, 2008-09 Edition O\*NET 23-2093.00
- Peter Selman The rise and fall of intercountry adoption in the 21st century International Social Work 2009 52: 575-594.
- Samantha L. Wilson and Terri L. Weaver Brief Note: Follow-up of developmental attainment and behavioral adjustment for toddlers adopted internationally into the USA - International Social Work 2009 52: 679-684
- Thomas M. Crea Brief Note: Intercountry adoptions and domestic home study practices: SAFE and the Hague Adoption Convention - International Social Work 2009 52: 673-678.
- vnsocialwork.net - [www.socialwork](http://www.socialwork) - [www.socialwork.ubc.ca](http://www.socialwork.ubc.ca)
- [www.socialworkers.org](http://www.socialworkers.org) - [socialworkexam.com](http://socialworkexam.com)

## 6.2 Bài giảng

Khoa Ngoại ngữ, Ngoại ngữ chuyên ngành, Trường đại học Quy Nhơn, 2015.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá

Phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau:

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Tham gia học tập trên lớp
- Phát biểu, làm bài tập

### 7.2. Giữa kỳ: 20%

- Phần tự học, tự nghiên cứu (hoàn chỉnh tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ,...);

- Hoạt động theo nhóm;
- Kiểm tra giữa kỳ: 01 bài
- Các kiểm tra khác (nếu có):

### 7.3. Thi cuối kỳ: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ

- Kiểm tra giữa kỳ: tuần thứ 8
- Thi cuối kỳ: sau tuần thứ 15, thi lần 2: sau tuần thứ 20.

KT. TRƯỞNG KHOA

Phó trưởng khoa

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trưởng Bộ Môn

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Xuân Trang

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**18. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN**

**Mã học phần: 1100006**

**Tên tiếng Anh: Social work with personal**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với cá nhân
- Mã học phần: 1100006 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Giới thiệu cho sinh viên mục đích, vị trí, vai trò và nội dung của phương pháp Công tác xã hội với cá nhân, lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này, quan hệ giữa nhân viên Công tác xã hội với khách hàng (thân chủ), hiểu rõ các bước đi, nguyên tắc của phương pháp này. Qua đó, sinh viên vừa được nâng cao nhận thức, vừa được trang bị một số kỹ năng riêng của công tác xã hội với cá nhân (với từng thân chủ cụ thể).

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên mục đích, vị trí, vai trò và nội dung của phương pháp. Công tác xã hội với cá nhân, lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này, quan hệ giữa nhân viên Công tác xã hội với khách hàng (thân chủ), hiểu rõ các bước đi, nguyên tắc của phương pháp này. Qua đó, sinh viên vừa được nâng cao nhận thức, vừa được trang bị một số kỹ năng riêng của công tác xã hội với cá nhân (với từng thân chủ cụ thể).
- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, bài tập và các giờ tự học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Công tác xã hội với cá nhân là một trong ba phương pháp cơ bản nhất của ngành Công tác xã hội. Học phần này nhằm giới thiệu những kiến thức cơ bản và rất quan trọng cho sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Đó là hệ thống các khái niệm của công tác xã hội cá nhân; Mục đích, vị trí, vai trò và nội dung; Lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này; Các phương pháp và các thành tố trong công tác xã hội cá nhân; Những giả định triết học về con người; Các nguyên tắc hành động; Tiến trình giải quyết vấn đề; Những công cụ và những kỹ thuật giúp đỡ trong Công tác xã hội với cá nhân ... Thông qua học phần này, sinh viên vừa được nâng cao kiến thức, hình thành các kỹ năng làm việc với thân chủ vừa có thể ứng dụng các kiến thức vào giải quyết các trường hợp thân chủ cụ thể.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

##### **Bài 1: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN**

(6 tiết lý thuyết, 2 tiết thảo luận)

1. Khái niệm về công tác xã hội với cá nhân
2. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội với cá nhân
3. Mục đích, ý nghĩa của công tác xã hội với cá nhân
4. Các phương pháp trong công tác xã hội với cá nhân
  - 4.1 Kiểu tâm lý xã hội
  - 4.2 Kiểu chức năng
  - 4.3 Phương pháp giải quyết vấn đề
5. Các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân
  - 5.1. Con người thân chủ
  - 5.2 Vấn đề
  - 5.3. Cơ quan xã hội
  - 5.4 Tiến trình CTXH cá nhân

##### **Bài 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN**

(4 tiết lý thuyết, 2 tiết thảo luận)

1. Những giả định triết học về con người
2. Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội cá nhân
  - 2.1. Chấp nhận thân chủ
  - 2.2. Thái độ không kết án
  - 2.3. Tôn trọng quyền tự quyết định của thân chủ
  - 2.4 Khuyến khích TC tham gia giải quyết vấn đề
  - 2.5 Cá nhân hoá
  - 2.6 Đảm bảo sự bí mật riêng tư cho đối tượng
  - 2.7 Sự can dự có kiểm soát
3. Vai trò của nhân viên xã hội

- 3.1. Vai trò giáo dục
- 3.2. Vai trò trung gian, nối kết
- 3.3. Vai trò người tạo thuận lợi
- 3.4. Vai trò biện hộ

**Bài 3: TIỀN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN**  
(8 tiết lý thuyết, 2 tiết thảo luận, 4 tiết bài tập)

- 1. Tiến trình giải quyết vấn đề
  - 1.1. Tiếp cận đối tượng
  - 1.2 Nhận diện vấn đề
  - 1.3 Thu thập thông tin
  - 1.4. Phân tích, đánh giá, chẩn đoán/ xác định vấn đề
  - 1.5. Lên kế hoạch giải quyết vấn đề
  - 1.6. Thực hiện kế hoạch
  - 1.7. Lượng giá các hoạt động
- 2. Cách viết một trường hợp cụ thể
- 3. Thực hành các trường hợp cụ thể theo tiến trình giải quyết vấn đề

**Bài 4: NHỮNG CÔNG CỤ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN**  
(6 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận)

- 1 Khái niệm công cụ công tác xã hội cá nhân
- 2. Ý nghĩa của công cụ công tác xã hội với cá nhân
  - 2.1. Thu thập thông tin trực tiếp về thân chủ
  - 2.2. Thu thập thông tin gián tiếp
  - 2.3 Đem đến sự giúp đỡ cho thân chủ
- 3. Các công cụ của công tác xã hội cá nhân
  - 3.1. Lắng nghe
    - 3.1.1 Khái niệm
    - 3.1.2 Những trở ngại đối với lắng nghe
      - 3.1.2.1 Sự xao nhãng
      - 3.1.2.2 Sự lo âu
      - 3.1.2.3 Nghe có chọn lọc
    - 3.1.3 Những kỹ năng lắng nghe hiệu quả
  - 3.2 Quan sát
    - 3.2.1 Khái niệm
    - 3.2.2 Các yếu tố cần quan sát
      - 3.2.2.1 Quan sát đáng vẻ bên ngoài
      - 3.2.2.2 Quan sát những gì ngoài những cái đã rõ



- 3.3. Vấn đàm
  - 3.3.1. Khái niệm
  - 3.3.2. Mục đích của vấn đàm
  - 3.3.3 Yêu cầu của vấn đàm
  - 3.3.4 Các loại vấn đàm
  - 3.3.5 Các bước tiến hành một cuộc vấn đàm
    - 3.3.5.1 Giai đoạn chuẩn bị
    - 3.3.5.2 Giai đoạn mở đầu
    - 3.3.5.3 Giai đoạn triển khai
    - 3.3.5.4 Giai đoạn kết thúc
  - 3.3.6 Một số kỹ năng cần có trong vấn đàm
    - 3.3.6.1 Giao tiếp và tạo lập mối quan hệ
    - 3.3.6.2 Cách đưa ra câu hỏi
    - 3.3.6.3 Dẫn dắt, định hướng buổi vấn đàm
    - 3.3.6.4 Lắng nghe
    - 3.3.6.5 Kỹ năng quan sát “chủ động nhìn”
    - 3.3.6.6 Kỹ năng lãnh đạo
    - 3.3.6.7 Kỹ năng thăm dò
- 3.4. Vãng gia (thăm viếng gia đình thân chủ)
  - 3.4.1 Khái niệm
  - 3.4.2 Mục đích của vãng gia
- 3.5. Mối quan hệ
  - 3.5.1 Các loại quan hệ
  - 3.5.2 Quan hệ nghề nghiệp là những mục đích cụ thể
  - 3.5.3 Uy quyền ngầm định trong quan hệ nghề nghiệp
  - 3.5.4 Quan hệ của nhân viên xã hội chan hòa
  - 3.5.5 Quan hệ chan hòa tạo ra sự ràng buộc mạnh mẽ
  - 3.5.6 Nuôi dưỡng sự phát triển của thân chủ
  - 3.5.7 Mối quan hệ phải tích cực
  - 3.5.8 Sự hòa hợp biểu thị mối quan hệ tích cực
- 3.6. Ghi chép và hồ sơ công tác xã hội cá nhân
  - 3.6.1 Ghi chép
    - 3.6.1.1 Khái niệm
    - 3.6.1.2 Mục đích của ghi chép
    - 3.6.1.3 Các loại ghi chép
    - 3.6.1.4 Những nội dung cơ bản cần ghi chép

- 3.6.1.5 Một số lưu ý trong khi ghi chép
  - 3.6.2 Hồ sơ công tác xã hội cá nhân
    - 3.6.2.1 Mục đích của việc lưu giữ hồ sơ
    - 3.6.2.2 Tiêu chuẩn của một hồ sơ cá nhân tốt
- Bài 5: NHỮNG KỸ THUẬT GIÚP ĐỠ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN  
( 6 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận)

1. Những kỹ thuật hỗ trợ

1.1 Chấp nhận

1.1.1 Không chấp nhận dễ dàng trong mọi trường hợp

1.1.2 Các yếu tố tạo thuận lợi cho sự chấp nhận

1.1.3 Chấp nhận cảm xúc của thân chủ

1.1.4 Thông cảm và thấu hiểu

1.2 Sự đảm bảo

1.2.1 Tạo điều kiện cho việc bộc lộ cảm nghĩ

1.2.2 Làm dịu đi những cảm xúc đang áp đảo

1.3 Gây tin tưởng và tạo sự tự tin

1.4 Khuyến khích và làm yên tâm

1.5 Có mặt cùng thân chủ

1.6 Hỗ trợ cảm xúc

1.7 Hỗ trợ hướng vào hành động

1.8 Biện hộ

2. Những kỹ thuật tăng cường tài nguyên

2.1 Cung cấp hay tìm kiếm sự giúp đỡ vật chất

2.2 Thay đổi môi trường vật chất

2.3 Tăng cường thông tin và kiến thức

2.3.1 Giảm thiểu việc thiếu thông tin và thông tin sai lệch

2.3.2 Cung cấp thông tin mới

3. Những kỹ thuật tư vấn

3.1 Thảo luận có suy nghĩ, phản ánh

3.2 Lời khuyên

3.3 Thúc đẩy

3.4 Làm sáng tỏ

3.5 Sửa đổi nhận thức

3.6 Làm mẫu

3.7 Hướng dẫn cho thấy trước

3.8 Sắm vai

- 3.9 Hướng vào hiện thực
- 3.10 Gạt bỏ những cảm nghĩ tội lỗi
- 3.11 Sử dụng những cảm nghĩ tội lỗi một cách tích cực
- 3.12 Bộ phận hóa
- 3.13 Giải thích
- 3.14 Phở biến hóa
- 3.15 Đặt ra giới hạn
- 3.16 Đối chất
- 3.17 Hướng ngoại
- 3.18 Nổi lại quan hệ với gia đình
- 3.19 Cải thiện những kiểu truyền thống
- 3.20 Thay đổi thái độ
- 3.21 Lượng giá

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

- Lê Chí An (biên dịch); Công tác xã hội với cá nhân; NXB Đại học Mở Bán công; TP.HCM; 2006
- Nguyễn Thị Kim Hoa; CTXH với người khuyết tật; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2014
- Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai; CTXH với cá nhân và gia đình NXB Lao động - Xã hội Hà Nội; 2010
- Nguyễn Thị Kim Thanh; Nhập môn CTXH; NXB Giáo dục Việt Nam, 2011

**6.2 Bài giảng**

- Võ Thuấn, Công tác xã hội với cá nhân; Trường Đại học Đà Lạt; 2014.
- Bùi Thị Xuân Mai, Công tác xã hội với cá nhân; Trường Đại học Lao động - xã hội, Hà Nội, 2014
- Nguyễn Ngọc Lâm, Công tác xã hội với cá nhân; Trường Đại học Mở, TP. HCM, 2014
- Phan Thị Kim Dung, Công tác xã hội với cá nhân; Trường Đại học Quy Nhơn, 2014

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

- Phan Thị Kim Dung, Công tác xã hội với cá nhân; Trường Đại học Quy Nhơn,  
2014

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1 Chuyên cần: 10%**

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2 Giữa kỳ: 20%**

**7.3 Thi cuối kỳ: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**19. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI 1  
(CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN)**

**Mã học phần: 1100223**

**Tên tiếng Anh: Social work with personal practice**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thực hành công tác xã hội 1 (công tác xã hội cá nhân)
- Mã học phần: 1100223 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Thực hành: 90 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu học phần**

**2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản sau trong khi thực hành Công tác xã hội với cá nhân và có được kỹ năng làm việc thực tế với thân chủ tại cơ sở xã hội.

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Trong công tác xã hội thực hành, nghĩa là thực hành các phương pháp Công tác xã hội dưới sự hướng dẫn của một cán bộ công tác xã hội có kinh nghiệm, sinh viên sẽ có cơ hội tiếp cận với các vấn đề xã hội được nghe ở lớp, nối kết lý thuyết và thực tế, nhất là phát triển thái độ nghề nghiệp và áp dụng phương pháp, kỹ năng Công tác xã hội học trên lớp. Sinh viên thực tập về phương pháp Công tác xã hội cá nhân tại một số cơ sở có áp dụng Công tác xã hội chuyên môn. Trong trường hợp ngược lại và tại đơn vị không có cán bộ Công tác xã hội chuyên nghiệp thì nhà trường phải gửi cán bộ xã hội tới đó để hướng dẫn sinh viên.

- Kỹ năng: Thực hành Công tác xã hội với cá nhân với một thân chủ cụ thể.

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở xã hội.

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Thực hành công tác xã hội cá nhân là một trong ba nội dung thực hành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần thực hành này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thực hành Công tác xã hội với cá nhân chuyên nghiệp; Vai trò, trách nhiệm của những bên tham gia thực hành; Những yêu cầu trong đợt thực tập; Cách đánh

giá kết quả thực tập; Các thủ tục hành chính trong đợt thực tập. Sau đó, người học có thể nói kết lý thuyết và thực tế, nhất là phát triển thái độ nghề nghiệp và áp dụng phương pháp, kỹ năng Công tác xã hội cá nhân tại một số cơ sở có áp dụng Công tác xã hội chuyên môn.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### BÀI 1: TIẾP CẬN ĐỐI TƯỢNG 10 tiết

1. Tiếp xúc và làm quen với đối tượng
  - 1.1 Gặp gỡ TC, xác định đúng đối tượng cần giúp đỡ
  - 1.2 Vấn đàm với thân chủ và những người có liên quan
2. Nhận diện vấn đề thân chủ gặp phải
3. Mở hồ sơ thân chủ

##### BÀI 2: THU THẬP THÔNG TIN VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CỦA THÂN CHỦ 20 tiết

1. Thu thập thông tin của thân chủ
  - 1.1 Thông tin về vấn đề hiện nay cần giải quyết của TC
  - 1.2. Thông tin tổng quát về thân chủ và những người liên quan
  - 1.3. Thông tin về môi trường sống hiện tại của TC và những người liên quan:
    - 1.3.1 MT gia đình (vẽ sơ đồ thế hệ)
    - 1.3.2 MT xã hội: hàng xóm, chính quyền địa phương, trường học, bệnh viện... (Vẽ sơ đồ sinh thái)
  - 1.4. Thông tin về nguồn giới thiệu hay chuyển giao
  - 1.5 Thông tin về các biểu hiện phi ngôn ngữ
2. Xác định nhu cầu của thân chủ (theo tháp nhu cầu của Maslow)
3. Tìm hiểu mô hình nội lực, ngoại lực tương tác lên thân chủ
4. Xác định điểm mạnh, điểm yếu của thân chủ
5. Phân tích, đánh giá và xác định vấn đề của thân chủ

##### BÀI 3: LÊN KẾ HOẠCH TRỢ GIÚP THÂN CHỦ 10 tiết

1. Xác định mục tiêu trị liệu
2. Đưa ra các phương pháp trị liệu cho từng vấn đề
3. Đưa ra các hoạt động trị liệu cụ thể
4. Xác định các thành phần tham gia vào kế hoạch trị liệu
5. Xác định thời gian hoàn thành trị liệu
6. Xác định địa điểm thực hiện trị liệu
7. Xác định nguồn hỗ trợ (nhân lực và vật lực) cho tiến trình trị liệu
8. Xác định phương pháp theo dõi trị liệu cho từng vấn đề
9. Dự báo những khó khăn gặp phải
10. Đưa ra kết quả dự kiến đạt được

#### BÀI 4: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRỢ GIÚP THÂN CHỦ

40 tiết

1. Cung cấp một dịch vụ trị liệu cụ thể
2. Tham vấn thân chủ
3. Quan sát thân chủ
4. Vãng gia thân chủ (tùy điều kiện)
5. Ghi chép vào hồ sơ thân chủ

#### BÀI 5: LƯỢNG GIÁ TIỀN TRÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI THÂN CHỦ 10 tiết

1. Kết quả đạt được của mục tiêu trị liệu
2. Kết quả từng hoạt động của thân chủ
3. Kết quả của phương pháp trị liệu đã được sử dụng
4. Hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ
5. Những khó khăn, trở ngại trong tiến trình trị liệu và giải pháp khắc phục khó khăn
6. Rút ra kinh nghiệm và đề xuất giải pháp cải tiến dịch vụ trị liệu hiệu quả hơn
7. Đóng hồ sơ thân chủ và lưu lại ở cơ sở thực hành.

##### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

- Hoạt động các nhân tại cơ sở thực hành: mỗi sinh viên làm việc với một đối tượng cụ thể.

- Hai giảng viên sẽ làm kiểm huấn viên tại cơ sở thực hành.

##### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

###### **6.1 Giáo trình**

1. Mary Ann Forgey, Carol S. Cohen [1997], Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh
2. Nguyễn Ngọc Lâm, Sách bỏ túi dành cho Nhân viên công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Ngọc Lâm [1998], Khoa học giao tiếp, Khoa Phụ nữ học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Oanh [1998], Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả [1997], An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Ban Xuất bản Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

###### **6.2 Bài giảng**

Phan Thị Kim Dung, Bài giảng Công tác xã hội với cá nhân, Trường Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần.**

**7.1 Hình thức kiểm tra, đánh giá, thang điểm:** Sinh viên viết bài thu hoạch

**7.2 Thời điểm kiểm tra, đánh giá:**

- Bài thu hoạch nộp sau đợt thực hành 1 tuần

- Trong số các cột điểm đánh giá: Điểm bài thu hoạch được đánh giá tương đương điểm thi kết thúc học phần – 3 tín chỉ. Trong đó:

+ Ý thức thái độ: 30% tổng số điểm

+ Bài thu hoạch: 70% tổng số điểm

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Phan Thị Kim Dung



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**20. HỌC PHẦN: Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội**

**Mã học phần: 1100071**

**Tên tiếng Anh: Research methods in social work**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội
- Mã học phần: 1100071                      Số tín chỉ: 3
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc.
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Địa chỉ khoa / Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Tâm lý-Giáo dục & CTXH

**2. Mục tiêu học phần**

**2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và hệ thống về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học cụ thể và vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu và hoạt động xã hội, cụ thể là: phương pháp luận, một số phương pháp cụ thể như phương pháp quan sát, phân tích tư liệu, phương pháp phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn nhóm, phương pháp phỏng vấn sâu, phỏng vấn tiêu sử, phương pháp chọn mẫu, phương pháp dân tộc học.

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản: Cơ cấu của xã hội học thực nghiệm; Chương trình của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm; Phương pháp chọn mẫu; Các phương pháp thu thập thông tin; Phương án xử lý thông tin; Một số phương pháp nghiên cứu đặc thù trong công tác xã hội.

- Kỹ năng: Phân tích, đánh giá, thiết kế bảng hỏi, xử lý thông tin, giao tiếp, tham vấn,...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, và tự nghiên cứu.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, Đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học, một số các khái niệm cơ bản của xã hội học khái niệm cơ cấu xã hội, các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội, Xã hội học đô thị Một số phương pháp điều tra xã hội học...Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được các thức giải quyết các vấn đề xã hội

### 4. Nội dung chi tiết học phần.

Chương I: VỊ TRÍ CỦA XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM TRONG NHẬN THỨC XÃ HỘI HỌC 4 tiết LT, 1 tiết TL, 10 giờ TH

I. Vài nét về sự phát triển của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm:

1. Một số quan điểm:

a. Tomat và Znaneski

b. Park và Pargess

c. Xã hội học Mácxit

2. Một số thành tựu và những vấn đề còn tồn tại

II. Mỗi quan hệ giữ nhận thức thực nghiệm và nhận thức lý luận trong Xã hội học

1. Mỗi quan hệ

2. Các mức độ chủ yếu của nhận thức thực nghiệm

a. Thông tin cá biệt

b. Thông tin tổng thể

III. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

1. Đối tượng của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

2. Phạm vi của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

3. Nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

IV. Nguồn thông tin của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

1. Nguồn thông tin từ các cơ quan Nhà nước, cơ quan thống kê

2. Nguồn thông tin từ các khoa học khác

3. Nguồn thông tin từ nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

Chương II: CƠ CẤU CỦA XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM

4 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL, 10 giờ TH

I. Các giai đoạn của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm:

1. Giai đoạn chuẩn bị

2. Giai đoạn nghiên cứu thử

3. Giai đoạn thực hiện

4. Giai đoạn xử lý kết quả
- II. Các yếu tố trong từng giai đoạn
  1. Các yếu tố trong giai đoạn chuẩn bị
  2. Các yếu tố của giai đoạn nghiên cứu thử
  3. Các yếu tố của giai đoạn thực hiện
  4. Các yếu tố của giai đoạn xử lý kết quả

### Chương III: CHƯƠNG TRÌNH CỦA NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM

5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 15 giờ TH

- I. Đề tài và nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm
  1. Đề tài nghiên cứu
  2. Nhiệm vụ nghiên cứu
- II. Xây dựng các giả thiết nghiên cứu
  1. Giả thiết là gì:
  2. Một số yêu cầu khi xây dựng giả thiết nghiên cứu
  3. Các loại giả thiết:
    - a. Giả thiết về trạng thái thực tế (Giả thiết mô tả)
    - b. Giả thiết về nguyên nhân (Giả thiết giải thích)
    - c. Giả thiết về xu hướng (Giả thiết qui luật)
- III. Cơ sở phương pháp luận cho việc xây dựng chương trình nghiên cứu
  1. Mô hình và mô hình Xã hội học
    - a. Mô hình
    - b. Mô hình Xã hội học
  2. Các dạng mô hình Xã hội học
    - a. Mô hình của cơ cấu xã hội
    - b. Mô hình của một hiện tượng xã hội riêng biệt
  3. Cơ sở để xây dựng mô hình Xã hội học
- IV. Thao tác hóa khái niệm
  1. Mối quan hệ giữa khái niệm cơ bản và thông tin thực nghiệm
  2. Hệ thống các chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm
- V. Bảng hỏi trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm
  1. Khái niệm
  2. Vai trò của bảng hỏi
  3. Các dạng câu hỏi
  4. Một số yêu cầu khi xây dựng câu hỏi
  5. Bố cục bảng hỏi

6. Kỹ thuật lập bảng hỏi

Chương IV: PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU 4 tiết LT, 2 tiết BT, 1 tiết TL, 15 giờ TH

I. Tính đại diện và độ tin cậy của thông tin trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

1. Tính đại diện của thông tin

2. Độ tin cậy của thông tin

II. Nghiên cứu tổng thể

1. Khái niệm tổng thể

2. Nghiên cứu tổng thể

III. Nghiên cứu chọn mẫu

1. Khái niệm mẫu

2. Nghiên cứu chọn mẫu

a. Nghiên cứu theo phương pháp chọn tỉ lệ

b. Nghiên cứu mẫu theo hướng ứng

c. Nghiên cứu theo mẫu chọn ngẫu nhiên

Chương V: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN 5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 15 giờ TH

I. Phương pháp quan sát

1. Đặc điểm

2. Yếu tố kỹ thuật trong quan sát

3. Phân loại quan sát

II. Phương pháp phỏng vấn

1. Đặc điểm

2. Phân loại phỏng vấn

a. Theo mức độ tự do của điều tra viên

b. Theo mức độ tiếp xúc giữa điều tra viên và đối tượng

c. Theo số lần phỏng vấn

3. Một số lưu ý trong phỏng vấn

III. Phương pháp trưng cầu ý kiến (phương pháp ANKET)

1. Đặc điểm

2. Phân loại trưng cầu ý kiến

IV. Phương pháp phân tích tài liệu

1. Đặc điểm

2. Phân loại phân tích tài liệu

Chương VI: PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ THÔNG TIN (8 tiết) 4 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 15 giờ TH

I. Vấn đề đo đạc trong xã hội học

1. Khái niệm
2. Những vấn đề đo đạc trong xã hội học hiện nay
- II. Bước chuyển từ thông tin cá biệt sang thông tin tổng thể
  1. Đặc tính của thông tin cá biệt và thông tin tổng thể
  2. Bước chuyển từ thông tin cá biệt sang thông tin tổng thể
- III. Các loại thang đo trong xã hội học
  1. Khái niệm thang đo
  2. Các loại thang đo
  3. Xây dựng thang đo
- IV. Mã hóa và xử lý thông tin
  1. Mã hóa
  2. Xử lý thông tin

**Chương VII: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI**      4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL, 20 giờ TH

- I. Vấn đàm
  1. Khái niệm
  2. Đặc điểm chủ yếu của vấn đàm:
  3. Các loại hình vấn đàm trong Công tác xã hội :
  4. Các bước tiến hành vấn đàm.
  5. Những yêu cầu về thái độ của nhân viên xã hội khi vấn đàm:
- II. Tham vấn
  1. Khái niệm về tham vấn.
  2. Mục đích của tham vấn.
  3. Các nguyên tắc cơ bản của tham vấn
  4. Những kỹ năng cần thiết của nhân viên xã hội khi thực hiện tham vấn và đảm bảo tham vấn thành công.
- III. Vãng gia
  1. Khái niệm
  2. Mục đích của vãng gia
- IV. Phúc trình trường hợp
  1. Khái niệm
  2. Mục đích của phúc trình:
  3. Các dạng phúc trình:
  4. Một số lưu ý khi thực hiện phúc trình:

**5. Phương pháp giảng dạy**

**5.1 Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề. Sử dụng phần mềm power point hỗ trợ giảng dạy

**5.2 Hình thức:** lớp- bài.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Sách, giáo trình chính**

- L. Therese Baker, Thực hành nghiên cứu xã hội
- Nguyễn Minh Hòa, 1995, Xã hội học thực nghiệm, NXB Trẻ, TP. HCM
- Học viện chính trị Quốc gia HCM, 1993, Một số vấn đề trong phương pháp nghiên cứu, NXB Chính trị Quốc gia.

- Viện Xã hội học, 2004, Thiết kế và qui trình lấy mẫu,

**6.2 Bài giảng:**

- Phạm Huy Dũng, Bài giảng CTXH, NXB ĐH Sư Phạm, năm 2006; NXB Thống kê, Hà Nội
- Đinh Anh Tuấn, Bài giảng Phương pháp nghiên cứu trong CTXH, 2015, Đại học Quy Nhơn.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

**7.1 Chuyên cần: 10%**

- Điềm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

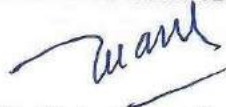
**7.2 Giữa kỳ: 20%**

**7.3 Thi cuối kỳ: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



TS. Đinh Anh Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**21. Học phần: THỰC TẾ CHUYÊN MÔN**

**Mã học phần: 1100129**

**Tên tiếng Anh: Actual expertise**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Thực tế chuyên môn
- Mã học phần : 1100129 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Thực hành : 120 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần:**

Giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế những vấn đề liên quan đến học phần Nhập môn Công tác xã hội để có sự đối chiếu, so sánh và khắc sâu kiến thức. Từ đó, sinh viên biết vận dụng tri thức vào thực tế công việc học tập, nghiên cứu và đáp ứng những kỹ năng chuyên môn khi ra trường.

**2.2 Mục tiêu cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên có điều kiện được trang bị kiến thức, kỹ năng thực tiễn trong lĩnh vực Công tác xã hội.
- Kỹ năng: Thông qua đợt thực tế chuyên môn, giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết của người làm công tác xã hội: kỹ năng tiếp cận với các đối tượng, kỹ năng thu thập thông tin với nhiều đối tượng, kỹ năng giải quyết vấn đề với đối tượng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổng hợp tư liệu để viết báo cáo thu hoạch...
- Thái độ: Sinh viên có thái độ, nghiêm túc, cầu thị và tích cực, chủ động trong việc tiếp xúc thực tiễn cũng như làm việc với từng nhóm khách thể, cá nhân khác nhau

**3. Tóm tắt nội dung của học phần:**

Thực tế chuyên môn là học phần hỗ trợ người học có điều kiện liên hệ các kiến thức đã học với thực tế. Thông qua học phần thực tế chuyên môn, sinh viên được nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm nhiều đối tượng khác nhau: trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi, đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, giáo dục...

#### **4. Nội dung chi tiết của học phần & mô tả hoạt động thực tế:**

1. Tham quan, tìm hiểu hoạt động chung của cơ sở thực tế và tiếp xúc với các đối tượng để tìm hiểu biểu đặc điểm của các đối tượng tại cơ sở thực tế
2. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về tổ chức, hoạt động chung của cơ sở thực tế và những lưu ý đối với từng đối tượng đặc trưng của mỗi cơ sở dưới sự hướng dẫn, báo cáo của một số cán bộ có kinh nghiệm tại cơ sở thực tế
3. Sinh viên có cơ hội tiếp cận các đối tượng đặc trưng đã được tìm hiểu nghiên cứu trên bình diện lý thuyết, nối kết giữa lý thuyết và thực tiễn
4. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận và làm việc với các nhóm đối tượng gắn với các vấn đề khác nhau thông qua kiến thức nền tảng về Công tác xã hội đã được trang bị
5. Sinh viên hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực và áp dụng phương pháp, kỹ năng nghiên cứu Công tác xã hội đã được hình thành vào thực tiễn cuộc sống

6. Cuối đợt thực tế, sinh viên viết:

- Báo cáo thu hoạch:
- Nhật ký thực tế chuyên môn

Các loại hình cơ sở thực tế chuyên môn có thể liên hệ:

- 1/ Trung tâm bảo trợ xã hội
- 2/ Trường Giáo dục đặc biệt, (SOS, câm điếc, mù, thiếu năng trí tuệ) hoặc trường giáo dưỡng
- 3/ Trung tâm Giáo dục lao động và xã hội (05-06)
- 4/ Làng SOS
- 5/ Mái ấm tình thương, nhà mở

#### **5. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Mary Ann Forgey, Carol S. Cohen [1997], Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ngọc Lâm, Sách bỏ túi dành cho Nhân viên công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Ngọc Lâm [1998], Khoa học giao tiếp, Khoa Phụ nữ học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Oanh [1998], Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục.
- 5- Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả [1997], An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Ban Xuất bản Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

#### **6. Phương pháp - hình thức triển khai thực tế chuyên môn**

Sinh viên đến các cơ sở thực tế và hoạt động theo nhóm



**7. Hình thức kiểm tra, đánh giá**

**7.1 Hình thức kiểm tra, đánh giá, thang điểm:** Sinh viên viết bài thu hoạch

**7.2 Thời điểm kiểm tra, đánh giá:** Bài thu hoạch nộp sau đợt thực tế chuyên môn 1 tuần

Trong số các cột điểm đánh giá: Điểm bài thu hoạch được đánh giá tương đương điểm thi kết thúc học phần – 2 tín chỉ. Trong đó:

+ Ý thức thái độ: 30% tổng số điểm

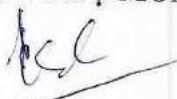
+ Bài thu hoạch: 70% tổng số điểm

**TRƯỞNG KHOA**



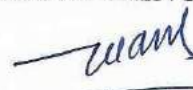
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



Th.S Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Th.S Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)****22. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM****Mã học phần: 1100010****Tên tiếng Anh: Social work with groups****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với Nhóm
- Mã học phần: 1100010                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần Công tác xã hội với Nhóm cung cấp cho sinh viên một cái nhìn thấu đáo vào lĩnh vực công tác xã hội, làm quen với thực tế này ở Việt Nam về mặt thực tiễn cũng như nghiên cứu vấn đề.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần**

Thông qua môn học, các mục tiêu được hướng đến như sau:

- Kiến thức: Giúp sinh viên có kiến thức về tâm lý nhóm và các kỹ năng điều hoà sinh hoạt nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Giúp sinh viên có nền tảng kiến thức, các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội với nhóm. Đồng thời hiểu biết một số vấn đề cần quan tâm trong công tác với nhóm.

- Kỹ năng: Giúp sinh viên có khả năng thực hành phương pháp công tác xã hội nhóm với các thân chủ có cùng vấn đề giống nhau.

- Thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, làm chủ tri thức khoa học.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Đây là môn học trình bày phương pháp thứ hai trong công tác xã hội khi làm việc với thân chủ (cùng với phương pháp công tác xã hội với cá nhân và phương pháp phát triển cộng đồng là ba phương pháp chính trong công tác xã hội) có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau về nhu cầu và trong giải quyết vấn đề. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm. Mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực dựa vào mục tiêu của nhóm. Nhân viên công tác xã hội giúp cho các thành viên trong nhóm tham gia vào các hoạt động của nhóm, nhóm cùng nhau đưa ra kế hoạch hành động chung. Vai trò của nhân viên công tác xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các hoạt động, giúp cho các thành viên trong nhóm đóng góp cho mục tiêu của nhóm, thực hiện sự phân công của nhóm, đánh giá sự chuyển biến hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM**

Lý thuyết:06; Bài tập:0; Thực hành:0

- I. Khái niệm:
  1. Khái niệm Nhóm
  2. Nhóm trong cuộc sống
  3. Phân loại nhóm
  4. Khái niệm Công tác xã hội với nhóm
- II. Các đặc điểm của công tác xã hội với nhóm:
- III. Các loại hình công tác xã hội với nhóm:
  1. Nhóm giải trí
  2. Nhóm giáo dục
  3. Nhóm tự giúp
  4. Nhóm với mục đích xã hội hóa
  5. Nhóm trị liệu
  6. Nhóm trợ giúp
- IV. Lịch sử phát triển công tác xã hội với nhóm

#### **Chương II. TÂM LÝ NHÓM VÀ NĂNG ĐỘNG NHÓM**

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:0

- I. Khái niệm tâm lý nhóm
- II. Khái niệm năng động nhóm
- III. Nhóm nhỏ giúp cá nhân thay đổi hành vi
- VI. Các giai đoạn phát triển của nhóm:
  1. Giai đoạn hình thành:

2. Giai đoạn bão tố - Cạnh tranh và liên kết
3. Giai đoạn ổn định - Lập quy chuẩn mới
4. Giai đoạn trưởng thành - Phát huy tối đa năng suất
5. Giai đoạn kết thúc

### CHƯƠNG III: TIẾN TRÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

Lý thuyết:10; Bài tập:5; Thực hành:5

#### I. Tiến trình công tác xã hội Với Nhóm

1. Thành lập nhóm
2. Duy trì nhóm
3. Kết thúc nhóm
4. Lượng giá nhóm

#### II. Các vai trò được thể hiện trong nhóm

#### III. Một số vấn đề cần quan tâm trong công tác xã hội nhóm

1. Hiểu biết một số vấn đề để tác động hiệu quả
2. Các điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ trong tương tác và bầu không khí tâm

lý xã hội

### Chương IV: VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ CỦA TRƯỞNG NHÓM

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:0

#### I. Vai trò của nhân viên công tác xã hội

#### II. Vai trò của trưởng nhóm

#### III. Vai trò của các nhóm viên

### CHƯƠNG V: CÁC KỸ NĂNG CẦN CÓ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

Lý thuyết:06; Bài tập:05; Thực hành:05

#### I. Kỹ năng lắng nghe

1. Định nghĩa
2. Lợi ích của việc lắng nghe
3. Ba yếu tố chính của lắng nghe có hiệu quả
4. Các nguyên tắc trong lắng nghe
5. Những trở ngại cho việc lắng nghe tốt
6. Một số kỹ năng cần thiết để lắng nghe hiệu quả

#### II. Kỹ năng Truyền thông trong nhóm nhỏ: ◀

1. Khái niệm
2. Các mô hình truyền thông
3. Các loại hình truyền thông
4. Những vấn đề truyền thông trong nhóm

- 5. Những yếu tố cải tiến truyền thông trong nhóm
- III. Kỹ năng thương lượng và giải quyết mâu thuẫn
- IV. Kỹ năng lãnh đạo
- V. Kỹ năng sắm vai

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

Giảng dạy trên lớp kết hợp giữa dạy lí thuyết và thảo luận nhóm.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

- Nguyễn Thị Oanh [1998], Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả [1997], An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Ban Xuất bản Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Ngọc Lâm, Sách bỏ túi dành cho Nhân viên công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Ngọc Lâm [1998], Khoa học giao tiếp, Khoa Phụ nữ học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Mary Ann Forgey, Carol S. Cohen [1997], Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Robert Martin Chazin, Shela Berger Chazin [1999], Hành vi con người và môi trường xã hội, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng lãnh đạo nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.
- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng tham vấn, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% (sinh viên đi học đủ số tiết quy định, tham gia phát biểu)

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 30%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: khi đã học được 2/3 số tiết

- Thi cuối kì: theo năm học kế hoạch

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Th.S Nguyễn Đình Khoa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)****23. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI II  
(CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM)****Mã học phần: 1100224****Tên tiếng Anh: Practice of Social work with groups****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thực hành Công tác xã hội II (Công tác xã hội với Nhóm)
- Mã học phần: 1100224                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết:
  - + Làm bài tập trên lớp:
  - + Thảo luận:
  - + Thực hành, thí nghiệm: 90 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần Thực hành Công tác xã hội với Nhóm giúp cho sinh viên ứng dụng những lí thuyết đã học vào thực tế những lĩnh vực công tác xã hội, có được những kĩ năng cần thiết của người làm công tác xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Thông qua môn học, các mục tiêu được hướng đến như sau:

- Kiến thức: Giúp sinh viên có kiến thức về tâm lý nhóm và các kỹ năng điều hoà sinh hoạt nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Giúp sinh viên có nền tảng kiến thức, các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội với nhóm. Đồng thời hiểu biết một số vấn đề cần quan tâm trong công tác với nhóm.

- Kỹ năng: Giúp sinh viên có khả năng thực hành phương pháp công tác xã hội nhóm với các thân chủ có cùng vấn đề giống nhau.

- Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực trong thực hành, nắm vững tri thức khoa học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Đây là môn học trình bày phương pháp trong công tác xã hội nhóm khi làm việc với nhóm thân chủ (cùng với phương pháp công tác xã hội với cá nhân và phương pháp phát triển cộng đồng là ba phương pháp chính trong công tác xã hội) có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau về nhu cầu và trong giải quyết vấn đề. Nhân viên

công tác xã hội giúp cho các thành viên trong nhóm tham gia vào các hoạt động của nhóm, nhóm cùng nhau đưa ra kế hoạch hành động chung. Vai trò của nhân viên công tác xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các hoạt động, giúp cho các thành viên trong nhóm đóng góp cho mục tiêu của nhóm, thực hiện sự phân công của nhóm, đánh giá sự chuyển biến hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm.

Sinh viên sẽ được chia làm những nhóm nhỏ để tiếp cận và làm việc với nhóm thân chủ của mình dựa vào các bước trong tiến trình nhóm.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Bài 1: CHUẨN BỊ VÀ THÀNH LẬP NHÓM (20 tiết)**

3. Xác định mục đích hỗ trợ nhóm
4. Đánh giá khả năng thành lập nhóm
5. Chuẩn bị môi trường
6. Viết đề xuất
7. Thành lập nhóm

##### **Bài 2: GIAI ĐOẠN NHÓM BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG (20 tiết)**

1. Giới thiệu các thành viên trong nhóm
2. Cùng với nhóm xây dựng mục tiêu
3. Thảo luận và đưa ra giới hạn
4. Thỏa thuận các công việc
5. Dự đoán những khó khăn cản trở
6. Kích lệ động cơ của các thành viên

##### **Bài 3: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DUY TRÌ NHÓM (40 tiết)**

1. Đưa ra các vấn đề cần thiết, trao đổi trong nhóm
2. Học hỏi những kĩ năng mới
3. Học hành vi mới
4. Chia sẻ những thành quả đạt được
5. Khuyến khích những người khác chia sẻ.
6. Cân bằng yếu tố tình cảm và công việc

##### **Bài 4: KẾT THÚC VÀ LƯỢNG GIÁ (10 tiết)**

1. Tổng hợp, đúc kết một cách có hệ thống
2. Hỗ trợ các thành viên vượt qua cảm xúc của chính họ
3. Làm việc với từng nhóm viên, thỏa thuận kế hoạch tương lai
4. Lượng giá về mặt công tác và tiến trình

#### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

Sinh viên tiến hành thực tế tại các cơ sở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định.

#### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Nguyễn Thị Oanh [1998], Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả [1997], An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Ban Xuất bản Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Ngọc Lâm, Sách bỏ túi dành cho Nhân viên công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Ngọc Lâm [1998], Khoa học giao tiếp, Khoa Phụ nữ học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Mary Ann Forgey, Carol S. Cohen [1997], Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Robert Martin Chazin, Shela Berger Chazin [1999], Hành vi con người và môi trường xã hội, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.
- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng lãnh đạo nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.
- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng tham vấn, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.
- Vũ Nhi Công [1999], Phương pháp công tác xã hội với nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Nghiên cứu Tư vấn CTXH và PTCĐ (SPRC) 2 tập [2004], Công tác xã hội nhóm, Tp Hồ Chí Minh.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

Sau khi kết thúc đợt thực tập, sinh viên sẽ viết bài thu hoạch. Cách chấm điểm:

**7.1. Chuyên cần:** 10% (sinh viên tham gia thực hành đúng số tiết quy định)

**7.2. Ý thức, thái độ:** 20%

**7.3. Bài thu hoạch:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Bài thu hoạch: theo kế hoạch năm học

**TRƯỞNG KHOA**

  
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

  
ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

  
Th.S Nguyễn Đình Khoa



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT****24. HỌC PHẦN: AN SINH XÃ HỘI****Mã học phần: 1100183****Tên tiếng Anh: Social Security****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: An sinh xã hội
- Mã học phần: 1100183      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: TL-GD&CTXH

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần giúp sinh viên nắm được tổng quan về an sinh xã hội, cơ sở khoa học và mối quan hệ của an sinh xã hội với việc làm và thu nhập, phúc lợi xã hội, chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế... đặc biệt là công tác xã hội. Hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam cùng với những thành tựu, hạn chế và giải pháp cho hệ thống an sinh xã hội hiện nay. Sinh viên nắm được sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về an sinh xã hội cho cộng đồng; trách nhiệm của nhà nước đối với vấn đề an sinh xã hội; trách nhiệm của các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân đối với vấn đề an sinh xã hội; các biện pháp nâng cao nhận thức về an sinh xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tổng quan về an sinh xã hội và các vấn đề liên quan; lịch sử hình thành và phát triển của an sinh xã hội; cơ sở khoa học, mối quan hệ của an sinh xã hội; hệ thống an sinh xã hội tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao nhận thức về chuyên ngành.

- Kỹ năng: Nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận. Hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

An sinh xã hội là học phần nhằm giới thiệu những kiến thức cơ bản và quan trọng cho sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội về khái niệm an sinh xã hội và các vấn đề liên quan; sự hình thành và phát triển của an sinh xã hội, cơ sở khoa học, cơ sở triết lý; mạng lưới an sinh xã hội Việt Nam; nâng cao nhận thức về an sinh xã hội trong cộng đồng. Thông qua học phần này, giúp sinh viên nắm được cơ bản hệ thống tổ chức an sinh xã hội ở Việt Nam cũng như vai trò của hệ thống này đối với việc giải quyết các vấn đề của con người và xã hội. Sinh viên nâng cao trách nhiệm xã hội của cá nhân trong việc ngăn chặn và phòng ngừa các vấn đề xã hội.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ AN SINH XÃ HỘI (10 tiết LT, 2 tiết BT)

1. An sinh xã hội và các vấn đề cơ bản về an sinh xã hội
- 1.2. Định nghĩa An sinh xã hội
- 1.3. An sinh xã hội và các khái niệm, thuật ngữ liên quan
- 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.5. Khuôn khổ lý thuyết về an sinh xã hội
2. Sự hình thành và phát triển an sinh xã hội
- 2.1. Sự hình thành an sinh xã hội trên thế giới
- 2.2. Sự hình thành và phát triển an sinh xã hội tại Việt Nam

Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA AN SINH XÃ HỘI. MỐI QUAN HỆ CỦA AN SINH XÃ HỘI (5 tiết lý thuyết, 10 tiết thảo luận, 4 tiết BT)

1. Cơ sở triết lý, cơ sở khoa học của an sinh xã hội
- 1.1. Cơ sở triết lý của an sinh xã hội
- 1.2. Cơ sở khoa học của an sinh xã hội
2. Mối quan hệ của an sinh xã hội
- 2.1. An sinh xã hội với việc làm và thu nhập
- 2.1. An sinh xã hội với phúc lợi xã hội
- 2.3. An sinh xã hội và chính sách xã hội
- 2.4. An sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế
- 2.5. An sinh xã hội và chính sách thuế tài chính
- 2.6. An sinh xã hội và hội nhập quốc tế
- 2.7. An sinh xã hội và công tác xã hội

Chương 3: HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM (10 tiết LT, 2 tiết BT)

1. Hệ thống an sinh xã hội Việt Nam

- 1.1. Thể chế chính sách
- 1.2. Thể chế tài chính
- 1.3. Thể chế tổ chức và cán bộ
2. Thành tựu, hạn chế của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam
  - 2.1. Những thành tựu chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội
  - 2.2. Những hạn chế chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay
  - 2.3. Định hướng công tác an sinh xã hội đến năm 2020

#### Chương 4: SỰ CẦN THIẾT PHẢI NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG CỘNG ĐỒNG (5 tiết LT, 2 tiết BT)

1. Sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về an sinh xã hội
2. Trách nhiệm của nhà nước đối với vấn đề an sinh xã hội
  - 2.1. Trách nhiệm của chính phủ
  - 2.2. Trách nhiệm của chính quyền địa phương
  - 2.3. Trách nhiệm của các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân đối với vấn đề an sinh xã hội
3. Các biện pháp nâng cao nhận thức về an sinh xã hội
  - 3.1. Xây dựng kế hoạch chiến lược nâng cao nhận thức về an sinh xã hội
  - 3.2. Thực hiện tuyên truyền giáo dục về an sinh xã hội
  - 3.3. Phát triển các kênh thông tin về an sinh xã hội
  - 3.4. Huy động và xây dựng đủ nguồn lực để nâng cao nhận thức về an sinh xã hội

#### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

##### 5.1 Phương pháp:

Thuyết trình

Vấn đáp

Nêu vấn đề

##### 5.2 Hình thức giảng dạy:

- Lên lớp

- Thảo luận

#### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

##### 6.1. Giáo trình

1. Bùi Thị Chóm (2008), Giáo trình Ưu đãi xã hội, NXB Lao động – Xã hội
2. Nguyễn Văn Định (2008), Giáo trình An sinh xã hội, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2000), Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội, NXB Khoa học và Kỹ thuật

4. Nguyễn Hải Hữu (2007), Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội, NXB Lao động – Xã hội
5. Trần Xuân Kỳ (2007), Giáo trình Trợ giúp xã hội, NXB Lao động – Xã hội.
6. Nguyễn Thị Oanh (1997), Giáo trình An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.

#### 6.2. Tài liệu tham khảo

1. Mai Ngọc Cường (2009), Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia
2. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội,
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Bộ Luật Lao động
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Luật Bảo hiểm Xã hội,
5. Diệp Thành Nguyên (2011), Luật An sinh xã hội, Đại học Cần Thơ.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật Bảo hiểm Y tế

#### 6.3 Bài giảng

Võ Thị Diệu Quế, An sinh xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015.

#### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

7.1. **Chuyên cần:** 10% bao gồm điểm danh, ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

7.2. **Giữa kì:** 20%

7.3. **Thi cuối kì:** 70%

7.4. **Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: Giữa môn học

- Thi cuối kì: Kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





TS. Đinh Anh Tuấn

ThS. Phan Thị Kim Dung

Th.S Võ Thị Diệu Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT****25. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CHĂM SÓC  
SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG****Mã học phần: 1100225****Tên tiếng Anh: Social work in the field of community health care****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- Mã học phần: 1100225                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, được xây dựng nhằm phục vụ đào tạo cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội. Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sức khỏe, bệnh tật, sức khỏe cộng đồng và công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, giúp sinh viên có những kỹ năng cơ bản trong lập kế hoạch trị liệu và cung cấp các dịch vụ xã hội cần thiết cho những cá nhân, nhóm người trong cộng đồng có vấn đề về sức khỏe.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: trình bày được khái niệm sức khỏe cộng đồng và các thành phần tạo nên sức khỏe cộng đồng. Nhận biết được các yếu tố chính ảnh hưởng đến sức khỏe của một cộng đồng. Chỉ ra các chỉ số cơ bản đánh giá tình trạng sức khỏe cộng đồng và nguyên lý hoạt động sàng lọc phát hiện các vấn đề sức khỏe cộng đồng thực hiện bởi hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nhận biết được vai trò và nghĩa của hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng

đồng thực hiện bởi một người làm công tác xã hội, các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có của nhân viên công tác xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Về kỹ năng: tính được các chỉ số sức khỏe cộng đồng cơ bản, nêu ra phương án phân tích và đánh giá tình trạng sức khỏe của cộng đồng đó. Chỉ ra nước trình tự kiểm soát một vấn đề sức khỏe cộng đồng trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Về thái độ: chuyển hướng thái độ tích cực hoạt động theo hướng giáo dục dự phòng, nhận ra vai trò của nhân viên công tác xã hội đóng góp trong hoạt động giáo dục sức khỏe và triển khai biện pháp can thiệp cộng đồng, hướng đến một cộng đồng

### **3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Học phần gồm 5 chương với các nội dung cơ bản liên quan đến: sức khỏe cộng đồng và các chỉ số đánh giá, hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nguyên lý chăm sóc sức khỏe ban đầu, dịch bệnh và các nguyên lý phòng chống dịch, nhân viên công tác xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; một số loại bệnh tật thông thường, phổ biến trong cộng đồng và những can thiệp được tiếp cận dưới góc độ công tác xã hội.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

*Chương I: Tổng quan về sức khỏe và sức khỏe cộng đồng*

( 3 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Khái quát về sức khỏe và bệnh tật
  - 1.1. Khái niệm sức khỏe và bệnh tật
  - 1.2. Các tiêu chí đánh giá sức khỏe con người
  - 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe con người
2. Sức khỏe cộng đồng và các yếu tố liên quan
  - 2.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng
  - 2.2. Các tiêu chí đánh giá sức khỏe cộng đồng
  - 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư

*Chương II: Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng*

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Lịch sử công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe
2. Khái niệm công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe
3. Đặc trưng của công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng
4. Đối tượng của công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe
5. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe
  - 5.1. Vai trò của cán bộ công tác xã hội trong lĩnh vực y tế
  - 5.2. Vai trò của cán bộ công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Chương III: Các phương pháp nhằm giáo dục và nâng cao sức khỏe cộng đồng

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Phương pháp truyền thông-giáo dục sức khỏe cộng đồng
  - 1.1. Khái niệm
  - 1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của truyền thông-giáo dục sức khỏe cộng đồng
  - 1.3. Các phương tiện truyền thông-giáo dục sức khỏe cộng đồng
  - 1.4. Quy trình lập kế hoạch truyền thông-giáo dục sức khỏe cộng đồng
2. Phương pháp tham vấn sức khỏe
  - 2.1. Khái niệm
  - 2.2. Các loại tham vấn sức khỏe
    - 2.2.1. Tham vấn tập trung vào giải pháp
    - 2.2.2. Tham vấn hành vi
    - 2.2.3. Tham vấn quyết định
3. Phương pháp học tập điển hình tích cực

3.1. Khái niệm

3.2. Quy trình học tập điển hình tích cực

4. Các hoạt động dự phòng bệnh tật được thúc đẩy bởi nhân viên công tác xã hội

4.1. Thể dục, thể thao trị liệu

4.2. Làm vườn trị liệu

4.3. Dưỡng Sinh

Chương IV: Quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Chăm sóc sức khỏe ban đầu

1.1. Khái niệm

1.2. Các nguyên lý trong chăm sóc sức khỏe ban đầu

1.3. Các nội dung cơ bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam

2. Chẩn đoán vấn đề sức khỏe cộng đồng

2.1. Khái niệm

2.2. Phân biệt chẩn đoán sức khỏe cộng đồng và chẩn đoán y học

2.3. Phương pháp chẩn đoán cộng đồng

3. Quy trình chăm sóc và giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng

3.1. Thu thập thông tin và các chỉ số

3.2. Xác định vấn đề sức khỏe

3.2. Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên

3.4. Lập kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng

Chương V: Một số vấn đề sức khỏe và bệnh tật phổ biến ở cộng đồng hiện nay

( 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với người bị nhiễm HIV/AIDS

2. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với người bị bệnh tâm thần

3. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với người bị bệnh ung thư

4. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân bị bạo lực gia đình

5. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em bị rối nhiễu về tâm

lý

6. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với người bị bệnh tim



7. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với người bị sa sút trí tuệ
8. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với trẻ em bị các tai nạn thương tích
9. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe với các vấn đề sức khỏe khác

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1. Hình thức giảng dạy:** giảng dạy trên lớp, kết hợp làm bài tập và thảo luận nhóm nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên.

**5.2. Phương pháp giảng dạy:**

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projecto (bài giảng được soạn trên phần mềm Power Point)
- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp người học tự tìm kiếm và xử lý thông tin trên các phương tiện hiện đại để phục vụ môn học.
- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.
- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Giáo trình**

[1] Trần Tuấn & Văn Thị Mai Dung (2005) Module đào tạo “sức khỏe cộng đồng”- Trung tâm Nghiên Cứu và Đào tạo Phát triển Cộng Đồng (RTCCD), Hà Nội.

[2] Trần Tuấn, Trần Đức Thạch, Văn Thị Mai Dung & Trần Thu Hà (2005); Module đào tạo “ các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong dự án phát triển sức khỏe cộng đồng” – Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD), Hà Nội.

[3] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe. NXB Y học – Hà Nội – năm 2005

**6.2 Bài giảng**

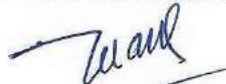
Nguyễn Văn Nga, Sức khỏe cộng đồng, Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

TT	Yêu cầu	Trọng số
7.1. Chuyên cần	- Tham dự đầy đủ các buổi học; - Hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ.....	10%

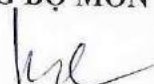
7.2. Giữa kì	Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân, nhóm,	20%
7.3. Thi cuối kì	Yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi học và các yêu cầu khác về đạo đức	70%
<b>7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra giữa kì: sau khi kết thúc ½ chương trình của học phần</li> <li>- Thi cuối kì: Theo lịch chung của Trường</li> </ul>		

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Ths. Nguyễn Văn Nga

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**26. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ GIỚI**

**Mã học phần: 1100226**

**Tên tiếng Anh: Social work with gender issues**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với vấn đề giới
- Mã học phần: 1100226                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm: 0
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học, giúp sinh viên có được những kiến thức về công tác xã hội với những vấn đề liên quan đến giới, bình đẳng giới, những kỹ năng cơ bản trong quá trình phòng chống bạo lực gia đình.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ:

- Về kiến thức: Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về giới và phát triển; công tác xã hội với giới và bình đẳng giới; các lý thuyết công tác xã hội cá nhân, nhóm được ứng dụng trong quá trình trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- Về kỹ năng: Nắm bắt được các nguyên tắc, kỹ năng cơ bản khi tiếp cận và hỗ trợ người bị bạo lực và người gây bạo lực; Nắm bắt được các bước trong quy trình can thiệp/ hỗ trợ người bị bạo lực và người gây bạo lực gia đình

- Về thái độ: Có khả năng hỗ trợ người bị bạo lực, người gây bạo lực tại địa phương thông qua việc kết nối, huy động nguồn lực tại cộng đồng

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản liên quan đến vấn đề giới, bình đẳng giới và bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, bài giảng còn giúp người học nắm bắt được những vấn đề liên quan đến chuyên ngành công tác xã hội trong quá trình trợ giúp các nạn nhân bị bạo lực gia đình hiện nay. Một số phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội tiếp tục được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp với nhóm đối tượng có hành vi gây nên bạo lực gia đình.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương I: Những vấn đề cơ bản về giới và phát triển

1. Khái quát chung về giới
    - 1.1. Giới tính (Sex) và giới (Gender)
    - 1.2. Phân biệt giới, giới tính và ý nghĩa của nó
    - 1.3. Khuôn mẫu và định kiến giới
    - 1.4. Bản sắc giới - Vai trò giới
  2. Các quan điểm nghiên cứu về giới và phát triển
    - 2.1. Phát triển là gì?
    - 2.2. Phụ nữ trong phát triển (WID), Phụ nữ và phát triển (WAD)
  3. Nhu cầu giới và phân tích giới
    - 3.1. Nhu cầu giới
      - 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm và sự cần thiết tìm hiểu nhu cầu giới
      - 3.1.2. Các loại nhu cầu giới
    - 3.2. Phân tích giới
      - 3.2.1. Khái niệm
      - 3.2.2. Nội dung phân tích giới
  4. Lồng ghép giới
    - 4.1. Khái niệm
    - 4.2. Sự cần thiết của phương pháp tiếp cận lồng ghép giới
    - 4.3. Các bước lồng ghép giới
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- + Nghe giảng lý thuyết: 6
  - + Làm bài tập trên lớp: 2
  - + Thảo luận: 2

Chương II: Công tác xã hội với vấn đề giới

1. Khái niệm về công tác xã hội với vấn đề giới
2. Chức năng của công tác xã hội trong lĩnh vực giới

3. Nhiệm vụ của công tác xã hội trong lĩnh vực vực giới
4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực giới
5. Phương pháp tiếp cận của công tác xã hội đối với vấn đề giới
  - 5.1. Phương pháp công tác xã hội cá nhân
  - 5.2. Phương pháp công tác xã hội nhóm
6. Một số lý thuyết công tác xã hội ứng dụng trong lĩnh vực giới
  - 6.1. Lý thuyết Hệ thống
  - 6.2. Lý thuyết Nhu cầu
  - 6.3. Lý thuyết Vai trò xã hội
  - 6.4. Lý thuyết nữ quyền
  - 6.5. Lý thuyết trao đổi

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 7
- + Làm bài tập trên lớp: 5
- + Thảo luận: 2

Chương III: Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới

1. Bình đẳng giới
  - 1.1. Khái niệm bình đẳng giới
  - 1.2. Các yếu tố cấu thành bình đẳng giới
  - 1.3. Bản chất của bình đẳng giới
  - 1.4. Tầm quan trọng của bình đẳng giới
2. Bất bình đẳng giới
  - 2.1. Khái niệm
  - 2.2. Các biểu hiện của Bất bình đẳng giới
3. Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay
4. Các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến bình đẳng giới
  - 4.1. Các quyền của phụ nữ trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992
  - 4.2. Luật Bình đẳng giới

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 7
- + Làm bài tập trên lớp: 1
- + Thảo luận: 2

Chương IV: Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình

1. Hiểu biết cơ bản về Bạo lực gia đình
  - 1.1. Các khái niệm cơ bản về bạo lực gia đình
  - 1.2. Các dạng bạo lực gia đình

1.3. Nguyên nhân – hậu quả của bạo lực gia đình  
2. Thực trạng bạo lực gia đình tại Việt Nam và trên thế giới

2.1. Trên thế giới

2.2. Tại Việt Nam

3. Quy trình hỗ trợ người bị bạo lực

3.1. Đặc điểm tâm lý của người bị bạo lực

3.2. Các nguyên tắc khi làm việc với người bị bạo lực

3.3. Các kỹ năng cần thiết trong việc hỗ trợ người bị bạo lực

3.4. Quy trình hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình

3.4.1. Tư vấn

3.4.2. Nhận dạng và phân tích vấn đề.

3.4.3. Thảo luận và xây dựng các giải pháp khả thi.

3.4.4. Kế hoạch thực hiện của người được tư vấn.

3.4.5. Đánh giá và kết thúc.

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lí thuyết: 7

+ Làm bài tập trên lớp: 1

+ Thảo luận: 2

Chương V: Các mô hình can thiệp và tư vấn trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình

1. Mô hình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng

2. Mô hình về đào tạo

3. Mô hình Câu lạc bộ Nhóm nhỏ

4. Mô hình can thiệp trong các trường hợp khẩn cấp và tư vấn

5. Mô hình Nhà tạm lánh

6. Mô hình “địa chỉ tin cậy”

7. Mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ dành cho người bị bạo lực

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lí thuyết: 3

+ Làm bài tập trên lớp: 1

+ Thảo luận: 2

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức:** lên lớp

**5.2 Phương pháp:** vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, hoạt động nhóm.

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Anh, Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Vân Anh (2006), *Bạo lực tình dục và những rủi ro lây nhiễm HIV, những bằng chứng từ cuộc sống của phụ nữ*, Hà Nội.

- Barbara A.K.Franklin (2001), *Báo cáo nghiên cứu, phân tích đối tượng truyền thông và chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới*, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Chính phủ Việt Nam, Liên hiệp quốc(2010), *Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam*.

- Ngô Thị Tuấn Dung (2007), *Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới ở một số nước trên thế giới*, Viện Gia đình và Giới.

- Trần Thị Minh Đức, *Giáo trình tham vấn tâm lý*, NXB ĐHQGHN 2009

- Nguyễn Thị Hoài Đức và các cộng sự (2001), *Bạo lực gia đình chống lại phụ nữ - thái độ và thực hành của nhân viên y tế đối với nạn nhân của bạo lực gia đình chống lại phụ nữ*, Trung tâm sức khỏe Phụ nữ và Gia đình/ RaFH và Đại sứ quán Newzealand, Hà Nội.

- Luật bình đẳng giới, 2006

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, 2007

### 6.2 Bài giảng

Phạm Thị Hải Lý, giới và phát triển, Trường đại học Quy Nhơn, 2015

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2. Giữa kì: 20%

### 7.3. Thi cuối kì: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì: Theo lịch nhà trường

- Thi cuối kì: Theo lịch trường

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Đinh Anh Tuấn



ThS. Phan Thị Kim Dung



ThS. Phạm Thị Hải Lý

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**27. Học phần: TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

Mã học phần: 1100133

Tên tiếng Anh:

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tổ chức và phát triển cộng đồng
- Mã học phần: 1100133 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 80
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Giúp sinh viên hiểu rõ khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng và phương pháp tổ chức và phát triển cộng đồng. Hiểu rõ mục đích, nội dung, biện pháp tổ chức và phát triển cộng đồng, chú trọng đặc biệt xây dựng nguồn lực và tạo quyền chủ động cho cộng đồng để giải quyết các vấn đề hiện tại, tương lai để phát triển bền vững.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm Tổ chức và phát triển cộng đồng. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ Tổ chức và phát triển cộng đồng. Học phần có thể đi chi tiết về Tổ chức và phát triển cộng đồng trong công tác xã hội.
- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Tổ chức và Phát triển cộng đồng là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần



thiết về tổ chức và phát triển cộng đồng như: Tổng quan về tổ chức và phát triển cộng đồng; Tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng; Phát triển cộng đồng trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay; Sự hòa nhập xã hội và dự án phát triển cộng đồng. Thông qua học phần này, người học hiểu rõ người làm công tác xã hội cần có những kiến thức và kỹ năng gì, biết đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của tổ chức và phát triển cộng đồng.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### Chương I: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 20 giờ tự học

###### I. Một số khái niệm

1. Cộng đồng
2. Phát triển
3. Phát triển cộng đồng

###### II. Đối tượng và tiến trình phát triển cộng đồng

1. Đối tượng của phát triển cộng đồng
2. Tiến trình phát triển cộng đồng

###### III. Mục đích và các nguyên tắc hành động của phát triển cộng đồng

1. Mục đích của phát triển cộng đồng
2. Các nguyên tắc hành động của Phát triển cộng đồng

###### IV. Các giá trị và các thành tố của phát triển cộng đồng

1. Các giá trị của phát triển cộng đồng
2. Các thành tố của phát triển cộng đồng

##### Chương II: TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 20 giờ tự học

###### I. Vai trò của tổ chức cộng đồng trong phát triển cộng đồng

###### II. Tiến trình tổ chức cộng đồng

1. Lựa chọn cộng đồng
2. Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người có khả năng, tích cực trong cộng đồng
3. Xây dựng, bồi dưỡng tập huấn cho nhóm nòng cốt:
4. Tìm hiểu phân tích cộng đồng
5. Tìm hiểu, đánh giá nhu cầu
6. Xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển cộng đồng
7. Rút kinh nghiệm, lượng giá các hoạt động
8. Liên kết các nhóm
9. Rút lui

###### III. Vai trò của tác viên cộng đồng

1. Tạo thuận lợi
2. Nhà nghiên cứu
3. Nhà huấn luyện
4. Vạch kế hoạch
5. Người vận động, biện hộ

Chương III: PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY      6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 20 giờ tự học

- I. Bối cảnh xã hội ở các nước đang phát triển
- II. Những chỉ số, chỉ tiêu trong quản lý sự phát triển xã hội.
- III. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm trong phát triển cộng đồng
  1. Khái niệm
  2. Tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm
  3. Nhận thức về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm

IV. Xóa đói giảm nghèo trong phát triển cộng đồng

1. Tầm quan trọng của việc xóa đói giảm nghèo
2. Nguyên nhân của tình trạng đói nghèo
3. Khái niệm và chuẩn của nghèo đói
4. Nhận thức về việc xóa đói giảm nghèo

V. Thực trạng vấn đề đói nghèo ở Việt Nam

VI. Một số giải pháp chủ yếu trong công tác xóa đói giảm nghèo

Chương IV: SỰ HÒA NHẬP XÃ HỘI      6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 15 giờ tự học

- I. Khái niệm hòa nhập xã hội
- II. Sự hòa nhập xã hội đối với phụ nữ
- III. Sự hòa nhập xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số
- IV. Sự hòa nhập xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn
- V. Hòa nhập xã hội đối với người mắc các tệ nạn xã hội

Chương V: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

6 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 10 giờ tự học

- I. Khái niệm
- II. Sự cần thiết của những dự án phát triển cộng đồng trong giai đoạn hiện nay
- III. Chu trình dự án phát triển cộng đồng
  1. Thiết kế dự án
  2. Triển khai dự án

3. Đánh giá:

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

**5.1 Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề. Sử dụng phần mềm power point hỗ trợ giảng dạy

**5.2 Hình thức:** lớp- bài.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Sách, giáo trình chính**

- Mai Thanh Các (chủ biên), Phát triển nông thôn, 2012, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Nguyễn Thị Oanh; 2009, Lý thuyết phát triển cộng đồng, NXB Hà Nội.

- Trương Văn Tuyển, 2010, Phát triển cộng đồng, NXB Đại học Nông Lâm Huế.

**6.2 Bài giảng**

- Tạ Xuân Hoài, Phát triển cộng đồng, Đại học Tôn Đức Thắng, TP. HCM

- Đinh Anh Tuấn, Tổ chức và phát triển cộng đồng, Đại học Quy Nhơn.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1 Chuyên cần:** 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2 Giữa kỳ:** 20%

**7.3 Thi cuối kỳ:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Đinh Anh Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**28. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI 3  
(TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG)**

**Mã học phần: 1100227**

**Tên tiếng Anh: Practice organization and community development**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thực hành công tác xã hội 3 (Tổ chức và Phát triển cộng đồng)
- Mã học phần: 1100227                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Thực hành, thí nghiệm: 90 tiết
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa TLGD & Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng và phát triển tác phong chuyên nghiệp của tác viên Tổ chức và Phát triển cộng đồng; là cơ hội để sinh viên nối kết lý thuyết học ở trường vào thực hành tại cộng đồng. Sinh viên được tạo điều kiện để làm việc tại một địa bàn dân cư có chương trình phát triển cộng đồng hay một chương trình xóa đói giảm nghèo, tiết kiệm tín dụng v.v...

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: thực hành Tổ chức và Phát triển cộng đồng nhằm củng cố cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết đã được học và thực hiện mục tiêu chung của ngành học, môn học. Mặt khác, giúp người học tìm hiểu tình hình thực tế, có cái nhìn tổng quan về cộng đồng về các mặt: địa lý, dân số, kinh tế, xã hội, tài nguyên, hạ tầng cơ sở, các mặt mạnh yếu, tiềm năng của cộng đồng, các vấn đề, nhu cầu cộng đồng và mạng lưới hỗ trợ đối với cộng đồng hiện nay.

- Về kỹ năng: rèn kỹ năng tư duy, quan sát, phỏng vấn, phân tích các chức năng xã hội của ngành, nghề. Trên cơ sở những lý thuyết đã được học, sinh viên vận dụng những phương

pháp, kỹ năng cơ bản, tiếp cận đối tượng; hướng tới phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống cộng đồng.

- Về thái độ: giúp người học làm quen với thực tế, ý thức trách nhiệm với cộng đồng; qua đó, giúp người học hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học; góp phần xây dựng một ngành học lấy cộng đồng làm trọng tâm, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ, dân chủ và công bằng xã hội.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Thực hành phát triển cộng đồng là một môn học thực hành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội bậc cử nhân. Môn học trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tiếp cận cộng đồng; những vấn đề của các cộng đồng. Qua thực hành, giúp người học tiếp cận, nghiên cứu một số vấn đề thực tế, sử dụng những kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội, nhằm gợi mở khả năng tư duy, phát huy năng lực thực tế của người học trong thực hành nghề nghiệp. Thông qua thực hành, sinh viên hình thành được kỹ năng làm việc với cộng đồng, xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án - cách giải quyết vấn đề, đồng thời giáo dục, bồi dưỡng cho người học những tình cảm, ý thức trách nhiệm với xã hội.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Bài 1: Lựa chọn cộng đồng (15 tiết)

1. Sinh viên tham khảo các thông tin đại chúng về tình hình kinh tế-xã hội của các phường trên địa bàn Thành phố Quy Nhơn
2. Các nhóm tiến hành quan sát thực tế
3. Trên cơ sở các thông tin trên, các nhóm lựa chọn cộng đồng với 1 vấn đề nổi cộm của cộng đồng (có quy mô khoảng 150 hộ gia đình)
4. Các nhóm vẽ sơ đồ vị trí cộng đồng trên địa bàn

Bài 2: Xây dựng bảng hỏi khảo sát cộng đồng (20 tiết)

Dựa trên cộng đồng có vấn đề đã được xác định, các nhóm SV tiến hành:

1. Xây dựng 01 bản Anket
2. Xây dựng 01 bảng hỏi phỏng vấn sâu dành cho người dân trong cộng đồng
3. Xây dựng 01 bảng hỏi phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo địa phương

Bài 3: Tìm hiểu tổng quan về cộng đồng (15 tiết)

1. Tham khảo nguồn thông tin từ các phương tiện
  2. Sinh viên nghe cán bộ lãnh đạo địa phương báo cáo về tình hình kinh tế-xã hội địa phương
  3. Dựa trên 03 bảng hỏi được xây dựng, SV tiến hành khảo sát thực tế
  4. Tổng hợp các thông tin thu thập được. SV mô tả bức tranh tổng quan về cộng đồng
- 4.1. Vị trí địa lý

- 4.2. Tình hình dân số, sức khỏe
  - 4.3. Cơ sở hạ tầng, môi trường sống
  - 4.4. Tình hình giáo dục: Hệ thống trường lớp, trình độ học vấn,...
  - 4.5. Tình hình an ninh trật tự
  - 4.6. Tình hình kinh tế: Thu nhập, việc làm,...
  - 4.7. Các vấn đề xã hội: Tôn giáo, Tệ nạn xã hội
  - 4.8. Các mối quan hệ trong cộng đồng
- Bài 4: Đánh giá nhu cầu, tiềm năng hạn chế của cộng đồng (20 tiết)

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, SV tiến hành

1. Xác định các nhu cầu của cộng đồng
2. Xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu
3. Xác định nhu cầu có thể giải quyết
4. Xác định những tiềm năng trong cộng đồng
5. Xác định nguồn lực bên ngoài có thể hỗ trợ cộng đồng giải quyết nhu cầu
6. Xác định những hạn chế, khó khăn trở ngại của cộng đồng

Bài 5: Xây dựng dự án phát triển cộng đồng (20 tiết)

1. Dựa trên kết quả của 4 bài thực hành 1,2,3,4, SV tiến hành xây dựng dự án giúp cộng đồng giải quyết vấn đề
2. Dự án cần chú ý phát huy nguồn lực bên trong và bên ngoài cộng đồng, trong đó nguồn lực bên trong cộng đồng là quan trọng nhất

#### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

- Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (tùy số lượng), tiến hành hướng dẫn sinh viên tiếp cận người dân tại các cộng đồng; xử lý những vướng mắc mà sinh viên có thể gặp phải trong quá trình thực hành tại cộng đồng.

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projecto, Laptop nhằm hướng dẫn sinh viên xử lý số liệu thông qua phần mềm SPSS.

- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.

- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.

#### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

##### **6.1 Giáo trình**

[1] Vũ Ngọc Bình, *Những điều cần biết về quyền trẻ em*, NXBCTQG - 1997.

[2] Phạm Huy Dũng. *Nhập môn Công tác xã hội*, Bài giảng của Trường Đại học Thăng Long, Hà Nội, 2006.

[2] Phạm Huy Dũng, *Nhập môn Công tác xã hội*, Bài giảng của Trường Đại học Thăng Long, Hà Nội, 2006.

[3] Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, NXBGD, 1966.

[4] Hồ Chí Minh, *Về bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em*, NXBCTQG, Hà Nội, 1997.

[5] Lê Văn Phú, *Công tác xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

[6] Nguyễn Thị Oanh, *Công tác xã hội nội cương*, NXBGD, 1998.

[7] Nguyễn Thị Oanh, *Tâm lý truyền thông và giao tiếp*, khoa Phụ nữ học, ĐHMBC thành phố HCM.

[8] Rex A. Skidmore, *Quản trị ngành công tác xã hội (Social Work Administration)*, biên dịch Lê Chí An, ĐH mở bán công TPHCM, 1998.

### **7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

#### **7.1 Hình thức kiểm tra, đánh giá, thang điểm**

Sinh viên viết bài thu hoạch

#### **7.2 Thời điểm kiểm tra, đánh giá**

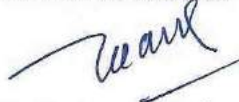
- Bài thu hoạch nộp sau đợt thực hành 1 tuần

- Trong số các cột điểm đánh giá: Điểm bài thu hoạch được đánh giá tương đương điểm thi kết thúc học phần – 3 tín chỉ. Trong đó:

+ Ý thức thái độ: 30% tổng số điểm

+ Bài thu hoạch: 70% tổng số điểm

**TRƯỞNG KHOA**




TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



TS. Đinh Anh Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)****29. HỌC PHẦN: CHÍNH SÁCH XÃ HỘI****Mã học phần: 1100003****Tên tiếng Anh: Social policies****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Chính sách xã hội
- Mã học phần: 1100003                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:** Học phần chính sách xã hội cung cấp cho sinh viên một cái nhìn xã hội học vào lĩnh vực chính sách xã hội, làm quen với thực tế này ở Việt Nam về mặt thực tiễn chính sách cũng như nghiên cứu.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: kết thúc học phần, người học hiểu được những khía cạnh chủ yếu xung quanh khái niệm chính sách xã hội, các lý thuyết và kiểu nghiên cứu chính sách xã hội thực nghiệm; các mô hình chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; những trục phát triển của chính sách xã hội Việt Nam đương đại, một số lĩnh vực chính sách xã hội ở Việt Nam;

- Kỹ năng: rèn luyện kỹ năng phân tích một vấn đề chính sách xã hội thông qua việc làm bài tập, thảo luận, tham quan.

- Thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, làm chủ tri thức khoa học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu hoạt động của con người cũng càng đa dạng, phong phú, đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Cho nên việc nghiên cứu chính sách xã hội càng trở nên bức bách, mục tiêu trước mắt của nó là giảm bớt những vấn



đề xã hội phức tạp, hướng tới sự cân bằng xã hội trong chừng mực nhất định, mục tiêu xa hơn là tiến tới thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng cho sự phát triển toàn diện của cá nhân con người trong xã hội. Tiếp cận môn này, người học hiểu được những khía cạnh chủ yếu xung quanh khái niệm chính sách xã hội, các lý thuyết và kiểu nghiên cứu chính sách xã hội thực nghiệm; các mô hình chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; những trục phát triển của chính sách xã hội Việt Nam đương đại, một số lĩnh vực chính sách xã hội ở Việt Nam

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.

Lý thuyết:06

Bài tập:0

Thảo luận:0

I. Vấn đề cách mạng công nghiệp và quá trình hình thành chính sách xã hội.

1. Phương Tây:

2. Phương Đông.

3. Việt Nam.

II. Vị trí, ý nghĩa của việc nghiên cứu chính sách xã hội.

Chương II: NHỮNG KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.

Lý thuyết:06

Bài tập:0

Thảo luận:0

I. Chính sách xã hội là gì?

II. Đặc trưng của chính sách xã hội

III. Đối tượng, chức năng và mục tiêu của chính sách xã hội

1. Đối tượng nghiên cứu của chính sách xã hội

2. Chức năng của chính sách xã hội

3. Mục tiêu của chính sách xã hội

IV. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội

V. Quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội

Chương III CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC LIÊN QUAN

Lý thuyết:03

Bài tập: 0

Thảo luận: 0

I. Chính sách xã hội và chính trị.

II. Chính sách xã hội và công tác xã hội

III. Chính sách xã hội và xã hội học

IV. Mối quan hệ chính sách xã hội với luật học:

Chương IV: CẤU TRÚC VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.

Lý thuyết: 06

Bài tập: 5

Thảo luận: 5

I. Hệ thống (Phân loại) các chính sách xã hội

II. Một số chính sách xã hội cụ thể

1. Chính sách dân số
2. Chính sách việc làm
3. Chính sách giáo dục và đào tạo
4. Chính sách tham nhũng
5. Chính sách bảo hiểm xã hội

III. Cơ sở khoa học của việc đề ra và thực hiện chính sách xã hội.

Chương V: CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Lý thuyết: 04 tiết

Bài tập: 0

Thảo luận: 0

I. Quá trình nhận thức và thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam.

II. Ba kiểu chính sách phúc lợi ở Việt Nam.

III. Khung chính sách và pháp luật phúc lợi xã hội

VI. Một số vấn đề xã hội cấp bách ở Việt Nam hiện nay.

Chương VI: HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.

Lý thuyết: 04 tiết

Bài tập: 05 tiết

Thảo luận: 5 tiết

I. Vị trí, mục đích của việc hoạch định chính sách xã hội

1- Khái niệm về hoạch định chính sách xã hội

2. Vị trí của hoạch định chính sách xã hội

3. Mục đích của hoạch định chính sách xã hội

II - Quan điểm và nguyên tắc hoạch định chính sách xã hội

1. Quan điểm chỉ đạo việc hoạch định chính sách xã hội

2. Nguyên tắc trong hoạch định chính sách xã hội

III- Quá trình hoạch định chính sách xã hội

1. Xác định và lựa chọn vấn đề

2. Xác định mục tiêu của chính sách xã hội

3. Xây dựng các phương án chính sách xã hội

4. Lựa chọn phương án chính sách tối ưu

5- Thông qua và quyết định chính sách

**5.1 Phương pháp:** giảng dạy trên lớp kết hợp giữa dạy lí thuyết và thảo luận nhóm.

**5.2 Hình thức:** Lên lớp

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

- Báo nhân dân điện tử (<http://www.nhandn.org.vn/phapluat>)

- Đoàn Nam Hương, Chính sách xã hội, tài liệu giảng dạy

- Phạm Xuân Nam, Đổi mới chính sách xã hội- Luận cứ và giải pháp, NXB Chí Tri Quốc gia Hà Nội, 1997

- Bùi Đình Thanh, Xã hội học và Chính sách xã hội, NXB KHXH, Hà Nội, 2004

**6.2 Bài giảng**

Nguyễn Đình Khoa, Chính sách xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% (đi học đủ số tiết quy định, tham gia xây dựng phát biểu bài)

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 30%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: khi đã học được 2/3 số tiết

- Thi cuối kì: theo năm học kế hoạch

TRƯỜNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỜNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Đình Khoa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**30. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỐI TƯỢNG  
NGHIỆN MA TÚY, MẠI DÂM, HIV/AIDS**

**Mã học phần: 1100228**

**Tên tiếng Anh: Social work with drug addicts, prostitutes, HIV/AIDS**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.
- Mã học phần: 1100228                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: TL-GD& CTXH

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Sinh viên nắm được nội dung công tác xã hội với người nghiện ma túy gồm khái niệm nghiện ma túy và các khái niệm liên quan; đặc điểm tâm lý, nhu cầu và những khó khăn của người nghiện ma túy; nguyên nhân, hậu quả của nghiện ma túy; cai nghiện ma túy và công tác xã hội với người nghiện ma túy. Đối với công tác xã hội với người mại dâm gồm khái niệm mại dâm và các khái niệm liên quan; đặc điểm tâm lý, nhu cầu và những khó khăn của người mại dâm, tìm hiểu quan điểm của xã hội về người mại dâm và công tác xã hội với đối tượng mại dâm. Đối với công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS cần làm rõ Khái niệm HIV/AIDS và các khái niệm liên quan; những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS, tính nghiêm trọng của đại dịch HIV/AIDS; đối tượng và những hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao; tâm lý, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; Những khó khăn của người nhiễm HIV/AIDS; Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết về công tác xã hội với người nghiện ma túy; công tác xã hội với người mại dâm; công tác xã hội

với người nhiễm HIV/AIDS. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên nâng cao nhận thức về chuyên ngành, kỹ năng làm việc với những nhóm người này.

- Kỹ năng: Nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết, thảo luận...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận. Hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người nghiện ma túy, người mại dâm và người nhiễm HIV/AIDS thông qua đó sinh viên nâng cao trách nhiệm xã hội của bản thân trong việc ngăn chặn và phòng ngừa các vấn đề xã hội với tư cách là nhân viên công tác xã hội.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY( 10 tiết lý thuyết, 3 tiết thảo luận, 3 tiết bài tập)

1. Khái niệm nghiện ma túy và các khái niệm liên quan
2. Phân loại ma túy và các con đường đưa ma túy vào cơ thể
3. Một số đặc trưng và các giai đoạn của quá trình nghiện ma túy
4. Dấu hiệu nhận biết người sử dụng ma túy
5. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu và những khó khăn của người nghiện ma túy
  - 5.1. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người nghiện ma túy
  - 5.2. Những khó khăn của người nghiện ma túy
6. Thực trạng nghiện ma túy
7. Nguyên nhân, hậu quả của nghiện ma túy
  - 7.1. Nguyên nhân nghiện ma túy
  - 7.2. Hậu quả của nghiện ma túy
8. Cai nghiện ma túy
9. Công tác xã hội với người nghiện ma túy

Chương 2: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỐI TƯỢNG MẠI DÂM( 10 tiết lý thuyết, 3 tiết thảo luận, 3 bài tập)

1. Khái niệm mại dâm và các khái niệm liên quan
2. Lịch sử hình thành mại dâm
3. Phân loại mại dâm
4. Tính chất của mại dâm
5. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu và những khó khăn của người mại dâm
  - 5.1. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người mại dâm
  - 5.2. Những khó khăn của người mại dâm
6. Thực trạng tệ nạn mại dâm

- 6.1. Trên thế giới
- 6.2. Tại Việt Nam
- 7. Nguyên nhân, hậu quả của mại dâm
  - 7.1. Nguyên nhân mại dâm
  - 7.2. Hậu quả của mại dâm
- 8. Quan điểm của xã hội về người mại dâm
- 9. Công tác xã hội với đối tượng mại dâm
- Chương 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI HIV/AIDS( 10 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận, 4 bài tập)
  - 1. Khái niệm HIV/AIDS và các khái niệm liên quan
  - 2. Lịch sử xuất hiện và các giai đoạn của HIV/AIDS
  - 3. Thực trạng nhiễm HIV/AIDS trên thế giới và tại Việt Nam
    - 3.1. Thực trạng nhiễm HIV/AIDS trên thế giới
    - 3.2. Thực trạng nhiễm HIV/AIDS tại Việt Nam
  - 4. Những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS, tính nghiêm trọng của đại dịch HIV/AIDS
    - 4.1. Những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS
    - 4.2. Tính nghiêm trọng của đại dịch HIV/AIDS
  - 5. Đối tượng và những hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao
    - 5.1. Đối tượng
    - 5.2. Những hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao
  - 6. Tâm lý, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS
  - 7. Những khó khăn của người nhiễm HIV/AIDS
    - 7.1. Học tập
    - 7.2. Việc làm
    - 7.3. Kỳ thị/Phân biệt đối xử
    - 7.4. Hôn nhân
    - 7.5. Sức khỏe
  - 8. Hậu quả của nhiễm HIV/AIDS
    - 8.1. Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS
    - 8.2. Đối với gia đình
    - 8.3. Đối với xã hội
  - 9. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong công tác phòng chống HIV/AIDS
  - 10. Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS
    - 10.1. Khía cạnh xã hội của HIV/AIDS

- 10.2. Cách phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS
- 10.3. Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

#### 5.1 Phương pháp

- Thuyết trình
- Vấn đáp
- Nêu vấn đề

#### 5.2 Hình thức giảng dạy

- Lên lớp
- Thảo luận

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

#### 6.1 Bài giảng

1. Nguyễn Duy Nhiên (2010), Công tác xã hội nhóm, NXB Đại học Sư phạm
2. Nguyễn Thị Kim Thanh (2011), Nhập môn công tác xã hội, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Phạm Văn Thúc (2010), Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, NXB Y học

#### 6.2 Tài liệu tham khảo

Nguyễn Xuân Yêm (2003), Mại dâm ma túy cờ bạc tội phạm thời hiện đại, NXB Công an nhân dân.

#### 6.3 Bài giảng

Võ Thị Diệu Quế, Bài giảng Công tác xã hội với đối tượng mại dâm, ma túy, Đại học Quy Nhơn, 2015.

### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

**7.1. Chuyên cần:** 10% bao gồm điểm danh, ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu đóng góp ý kiến trong quá trình học tập

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 70%

#### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: Giữa môn học
- Thi cuối kì: Kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



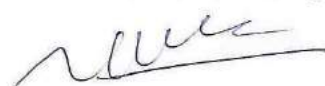
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Diệu Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**31. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO**

**Mã học phần: 1100229**

**Tên tiếng Anh: Social work with poorer**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với người nghèo
- Mã học phần: 1100229 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Công tác xã hội với người nghèo là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về vấn đề nghèo đói và công tác xã hội với vấn đề nghèo. Thông qua học phần này, người học vừa được nâng cao kiến thức vừa có thể ứng dụng các kiến thức vào việc nghiên cứu các vấn đề về nghèo và thực hiện các dự án giảm nghèo ở Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề nghèo đói ở Việt Nam hiện nay cũng như tiến trình làm công tác xã hội với người nghèo nhằm giúp sinh viên ý thức được việc nghiên cứu, học tập những kiến thức về nghèo có vai trò quan trọng đối với chuyên ngành công tác xã hội cũng như trong việc giải quyết các vấn đề xã hội nói chung.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...



- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về vấn đề nghèo đói và công tác xã hội với vấn đề nghèo trên thế giới và ở Việt Nam. Người học biết về tiến trình làm công tác xã hội với người nghèo và một số chính sách xã hội đối với người nghèo để có thể ứng dụng trong thực tiễn làm công tác xã hội với người nghèo.

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Bài 1: VẤN ĐỀ NGHÈO ĐÓI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

6 tiết LT, 3 tiết

TL

#### I. Những vấn đề chung về nghèo đói

##### 1. Khái niệm

- a. Khái niệm nghèo theo quan niệm của thế giới
- b. Khái niệm nghèo theo quan niệm của Việt Nam

##### 2. Chuẩn nghèo

- a. Chuẩn nghèo trên thế giới
- b. Chuẩn nghèo ở Việt Nam
- c. Đặc điểm của chuẩn nghèo

#### II. Thực trạng về vấn đề nghèo đói

1. Thực trạng vấn đề nghèo đói trên thế giới
2. Thực trạng về vấn đề nghèo đói ở Việt Nam

#### III. Nguyên nhân nghèo đói

1. Nguyên nhân nghèo trên thế giới
2. Nguyên nhân nghèo ở Việt Nam

#### IV. Mối quan hệ của nghèo đói

1. Nghèo và dinh dưỡng
2. Nghèo và môi trường
3. Nghèo và bình đẳng xã hội, bình đẳng giới
4. Nghèo và môi trường pháp lý
5. Nghèo – thị trường lao động và nắm bắt cơ hội
6. Nghèo và vốn xã hội

#### V. Vấn đề, đặc điểm và nhu cầu của người nghèo

1. Những vấn đề của cuộc sống người nghèo
2. Đặc điểm và nhu cầu của người nghèo

#### VI. Ảnh hưởng của nghèo đói và phản ứng của người nghèo

1. Ảnh hưởng của nghèo đói

2. Phản ứng của con người khi đối mặt với nghèo đói

VII. Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020

Bài 2: DỊCH VỤ XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO, HỘ NGHÈO 6 tiết LT, 2 tiết bài tập, 3 tiết TL

I. Dịch vụ xã hội

1. Dịch vụ

2. Dịch vụ xã hội

3. Khái niệm dịch vụ xã hội

4. Các loại dịch vụ xã hội

II. Dịch vụ xã hội đối với người nghèo, hộ nghèo

1. Dạy nghề cho người nghèo

2. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

3. Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và nước sạch

4. Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

5. Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số<sup>1</sup>

6. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

7. Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hoá, thông tin

8. Khuyến nông - lâm - ngư; hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề

9. Nhân rộng mô hình giảm nghèo

10. Tham vấn cho người nghèo và gia đình nghèo

Bài 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO

8 tiết LT, 3 tiết bài tập,

4 tiết thảo luận

I. Công tác xã hội với vấn đề nghèo

1. Những vấn đề chung về công tác xã hội với vấn đề nghèo

2. Tiến trình công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo

a. Bước 1: Tiếp nhận trường hợp / mở hồ sơ trường hợp (ca):

b. Bước 2: Thu thập thông tin

c. Bước 3: Đánh giá, xác định vấn đề và tiềm năng, hạn chế

d. Bước 4: Lập kế hoạch hỗ trợ

e. Bước 5: Thực hiện kế hoạch can thiệp

f. Bước 6: Lượng giá

II. Kỹ năng công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo

1. Kỹ năng làm việc với người nghèo

2. Kỹ năng làm việc với gia đình nghèo

<sup>1</sup> Quyết định 134/2004/QĐ-TTg, 20/7/2004, của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và Quyết định 198/2007/QĐ-TTg, 31/12/2007, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg.

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

### 5.1 Hình thức giảng dạy: Lên lớp

5.2 Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Giáo trình

- Nguyễn Thị Chinh, Giáo trình Công tác xã hội với người nghèo, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012 .

- Bùi Thị Hoàn, Giáo trình Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị - Hành chính, 2013.

- Lê Quốc Lý, Giáo trình Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật Hà Nội, 2012.

- Vũ Thị Vinh, Giáo trình Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị quốc gia HN, 2014

### 6.2 Tài liệu tham khảo

- Công ty ADUKI, Vấn đề nghèo ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

- Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng, Xã hội học, NXB ĐHQG, Hà Nội, 1997.

- Nguyễn Minh Hòa, Xã hội học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

### 6.3 Bài giảng

Phan Thị Kim Dung, Công tác xã hội với vấn đề nghèo, Trường đại học Quy Nhơn, 2015.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2 Giữa kỳ: 20%

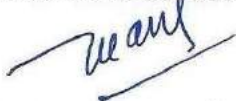
### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

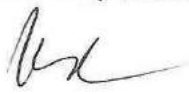
- Thi cuối kì: kết thúc môn

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)**

**32. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM**

**Mã học phần: 1100011**

**Tên tiếng Anh: Social work with Children**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với trẻ em
- Mã học phần: 1100011                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần Công tác xã hội với Trẻ em cung cấp cho sinh viên một cái nhìn thấu đáo vào lĩnh vực công tác xã hội với Trẻ em, làm quen với thực tế này ở Việt Nam về mặt thực tiễn cũng như nghiên cứu vấn đề.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Môn học này sẽ cung ứng một số hướng dẫn về lý thuyết và thực hành để nhân viên xã hội có được ý nghĩa rõ ràng về :

- Kiến thức:
  - + Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với trẻ em.
  - + Nhân viên xã hội cần biết gì trước khi làm việc với đứa trẻ đặc biệt trong những hoàn cảnh đặc biệt này.
  - + Nhân viên xã hội và trẻ có thể cùng làm gì với nhau.
  - + Làm thế nào để trở thành người làm việc tốt hơn với trẻ.

+ Quan điểm lịch sử về mối quan hệ giữa trẻ em, gia đình và quốc gia. Sự phân tích về bản chất của dịch vụ an sinh của đứa trẻ mô tả phong trào từ sự cứu vớt đứa trẻ cho đến quyền trẻ em và những bình luận về lịch sử thực hành công tác xã hội chăm sóc trẻ em trong công tác với trẻ em.

- Kỹ năng: Những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản và kỹ thuật làm việc với trẻ em có thể ứng dụng rộng rãi trong nhiều tình huống công tác xã hội.

+ Vai trò của công tác xã hội với trẻ em có nhu cầu và trẻ em cần được bảo vệ.

+ Công tác với trẻ em là một phần của mạng lưới phức tạp về hoạt động công tác xã hội liên quan tới mạng lưới của nhân viên chuyên nghiệp và các gia đình có con.

+ Đối với những trẻ em không còn sống với gia đình và được chính quyền địa phương chăm sóc tại trung tâm nuôi dưỡng hay nhà nuôi hộ, nhu cầu đối với đứa trẻ hiểu về sự mất mát của trẻ và tham gia vào các kế hoạch tương lai sẽ có tác động quan trọng đối với trọng tâm công tác.

+ Phương pháp và kỹ năng liên quan để làm việc với trẻ em được chăm sóc.

- Thái độ: sinh viên có thái độ học tập tích cực, làm chủ tri thức khoa học.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Công tác với trẻ em là một phần của mạng lưới phức tạp về hoạt động công tác xã hội liên quan tới mạng lưới của nhân viên chuyên nghiệp và các gia đình có con. Công tác xã hội với trẻ em bao gồm những nội dung như sau :

- Các chức năng của công tác xã hội và các nhu cầu đặc biệt của trẻ em : trị liệu, hỗ trợ, phục hồi, bảo vệ liên quan đến trẻ em có nhu cầu đặc biệt.

- Các lĩnh vực thực thi công tác xã hội với trẻ : cộng đồng, trường học, bệnh viện, các cơ sở xã hội.

- Các vai trò của nhân viên xã hội trong công tác xã hội với trẻ em

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Bài 1: Khái niệm và sự hình thành công tác xã hội với trẻ em

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:0

1. Khái niệm Công tác xã hội với trẻ em
2. Sự hình thành công tác xã hội với trẻ em
3. Quyền của Trẻ em

Bài 2 : Bối cảnh công tác xã hội với trẻ em

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:0

1. Chính sách chăm sóc trẻ em, quyền trẻ em và đạo luật trẻ em
2. Chế độ gia trưởng và bảo vệ trẻ em của các nước phương Tây

Bài 3 : Tiến trình phát triển tuổi thơ

Lý thuyết:04; Bài tập:05; Thực hành:0

1. Sự phát triển ở trẻ em là gì ?
2. Trẻ em ở giai đoạn tiền học đường
3. Trẻ ở tuổi đi học
4. Tuổi thanh thiếu niên

Bài 4 : Trẻ em, gia đình và các nhu cầu đặc biệt

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:0

1. Nhận biết nhu cầu của trẻ
2. Các phương diện đa dạng của sự phát triển ở trẻ em

Bài 5: Tiến trình công tác xã hội với trẻ em

Lý thuyết:04; Bài tập:0; Thực hành:10

1. Tìm hiểu trẻ và gia đình của trẻ
2. Các bước tìm hiểu trẻ và gia đình của trẻ
3. Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội với trẻ em

#### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Giảng dạy trên lớp kết hợp giữa dạy lý thuyết và thảo luận nhóm.

#### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

1. Đại học Fordham, Hành vi con người và Môi trường xã hội, Khoa PNH, 1997
2. Karen V. Harper-Dorton & Martin Herbert, Working with Children and their Families, Revised Edition, Lyceum Book, Chicago, 1997.
3. Joachim Welp, Children in Crisis : Development point of view, Thông tin khoa học, Hội TLGD TP.HCM, 2002, tr.30. (người dịch : TS Đinh Phương Duy)
4. Marian Brandon, Gillian Schofield & Liz Trinder, Social Work with Children, MacmillianPress LTD, 1998 (người dịch : Nguyễn Thị Nhãn- BXB ĐHMBCTP. HCM)

#### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

7.1. Chuyên cần: 10% (sinh viên đi học đủ số tiết quy định, tham gia xây dựng bài)

7.2. Giữa kì: 20%

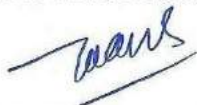
7.3. Thi cuối kì: 30%

7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: khi đã học được 2/3 số tiết

- Thi cuối kì: theo năm học kế hoạch

TRƯỞNG KHOA



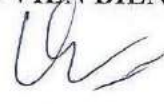
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Đình Khoa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT****33. HỌC PHẦN: THAM VẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI****Mã học phần: 1100230****Tên tiếng Anh: Consultation in social work****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tham vấn trong công tác xã hội
- Mã học phần: 1100230                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Sinh viên tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về tham vấn. Các giá trị đạo đức, kỹ năng và tiến trình tham vấn. Tham vấn trong công tác xã hội và mục đích và ý nghĩa của tham vấn trong công tác xã hội. Nguyên tắc đạo đức của nhân viên công tác xã hội trong tham vấn, một số lý thuyết, cách tiếp cận trong tham vấn cá nhân. Quy trình tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình và tham vấn nhóm trong công tác xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về tham vấn bao gồm khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, điều kiện thành công, nguyên nhân phát sinh vấn đề tham vấn ( cá nhân, gia đình, nhóm) trong công tác xã hội và cách giải quyết. Giá trị và kỹ năng tham vấn. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao nhận thức về chuyên ngành.

- Kỹ năng: Nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận. Hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tham vấn cung cấp cho sinh viên ngành công tác xã hội những kiến thức và kỹ năng tham vấn cơ bản và tham vấn trong công tác xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Bao gồm lịch sử phát triển nghề tham vấn. Nguyên tắc, quan điểm, quy trình về tham vấn, cách giải quyết tham vấn cá nhân, gia đình và nhóm trong công tác xã hội.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Phần I: THAM VẤN ( 8 tiết LT)

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THAM VẤN ( 4 tiết LT)

1. Tham vấn và các khái niệm liên quan

1.1. Khái niệm tham vấn

1.2. Mục đích, ý nghĩa của tham vấn

1.3. Các hình thức tham vấn

1.4. Các khái niệm liên quan

2. Lịch sử hình thành và phát triển ngành tham vấn

2.1. Sơ lược hình thành và phát triển nghề tham vấn trên thế giới

2.2. Vài nét về hoạt động tham vấn ở Việt Nam

3. Mối quan hệ và giá trị đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn

3.1. Mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ trong quá trình tham vấn

3.2. Giá trị đạo đức của tham vấn

Chương 2: TIẾN TRÌNH THAM VẤN VÀ KỸ NĂNG THAM VẤN (4 tiết LT, 5 tiết BT)

1. Tiến trình tham vấn

2. Các kỹ năng tham vấn

3. Một số yếu tố tác động đến kỹ năng tham vấn của nhà tham vấn

PHẦN II: THAM VẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (22 tiết LT)

Chương 1: KHÁI NIỆM THAM VẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (2 tiết LT)

1. Khái niệm tham vấn trong công tác xã hội

2. Mục đích, ý nghĩa của tham vấn trong công tác xã hội

3. Nguyên tắc đạo đức của nhân viên xã hội với tham vấn trong công tác xã hội

Chương 2: THAM VẤN CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (10 tiết lý thuyết, 5 tiết thảo luận, 2 tiết BT)

1. Khái niệm tham vấn cá nhân trong công tác xã hội

2. Mục đích tham vấn cá nhân trong công tác xã hội

3. Một số lý thuyết và cách tiếp cận của tham vấn cá nhân trong công tác xã hội

3.1. Lý thuyết nhu cầu của Abraham Maslow

3.2. Lý thuyết về các giai đoạn phát triển của Erik Erikson

3.3. Cách tiếp cận phân tâm của S. Freud



- 3.4. Cách tiếp cận lấy thân chủ làm trọng tâm của Carl Rogers
  - 3.5. Cách tiếp cận hành vi
  - 3.6. Cách tiếp cận nhận thức
  - 4. Quy trình tham vấn cá nhân trong công tác xã hội
    - 4.1. Tạo lập mối quan hệ-lòng tin
    - 4.2. Xác định vấn đề- Giúp thân chủ phát hiện vấn đề đang tồn tại đối với họ
    - 4.3. Lựa chọn giải pháp
    - 4.4. Triển khai giải pháp
    - 4.5. Kết thúc
    - 4.6. Theo dõi
  - 5. Các kỹ năng tham vấn cá nhân trong công tác xã hội
    - 5.1. Các kỹ năng giao tiếp không lời
    - 5.2. Kỹ năng lắng nghe
    - 5.3. Kỹ năng hỏi
    - 5.4. Kỹ năng phản hồi
    - 5.5. Kỹ năng thấu hiểu
    - 5.6. Kỹ năng tóm lược
    - 5.7. Kỹ năng khuyến khích làm rõ ý
    - 5.8. Kỹ năng giúp thân chủ trực diện vấn đề
    - 5.9. Kỹ năng xử lý im lặng
    - 5.10. Kỹ năng khai thác suy nghĩ, cảm xúc, hành vi
    - 5.11. Kỹ năng chia sẻ bản thân
    - 5.12. Kỹ năng cung cấp thông tin
- Chương 3: THAM VẤN GIA ĐÌNH TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (5 tiết lý thuyết, 3 tiết thảo luận, 2 tiết BT)
- 1. Một số vấn đề chung về tham vấn gia đình trong công tác xã hội
    - 1.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục đích của tham vấn gia đình trong công tác xã hội
    - 1.2. Gia đình và những vấn đề trong gia đình
  - 2. Một số mô hình can thiệp của tham vấn gia đình trong công tác xã hội
    - 2.1. Mô hình can thiệp cấu trúc gia đình
    - 2.2. Mô hình học tập xã hội
    - 2.3. Mô hình can thiệp tập trung vào giải pháp
    - 2.4. Mô hình can thiệp hệ thống gia đình
  - 3. Quy trình tham vấn gia đình trong công tác xã hội
    - 3.1. Tiếp xúc ban đầu- Tạo lập mối quan hệ
    - 3.2. Giai đoạn triển khai (giai đoạn trung gian)

### 3.3. Giai đoạn kết thúc

#### 4. Một số kỹ năng tham vấn gia đình trong công tác xã hội

4.1. Kỹ năng hướng dẫn cây phá hệ

4.2. Kỹ năng lắng nghe và quan sát các thành viên trong gia đình

4.3. Kỹ năng thấu hiểu với các thành viên trong gia đình

4.4. Kỹ năng giao nhiệm vụ cho các thành viên trong gia đình

4.5. Kỹ năng điều phối sự tham gia của các thành viên trong gia đình tại buổi tham vấn

4.6. Kỹ năng đặt câu hỏi xoay vòng

4.7. Kỹ năng làm mẫu

4.8. Kỹ năng làm việc với những thành viên gia đình tỏ ra không hợp tác

4.9. Kỹ năng hướng dẫn sử dụng mệnh đề tôi

4.10. Một số điều cần chú ý trong tham vấn gia đình

#### Chương 4: THAM VẤN NHÓM TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (5 tiết LT, 3 tiết thảo luận, 1 tiết BT)

##### 1. Tổng quan về tham vấn nhóm trong công tác xã hội

1.1. Khái niệm, mục đích tham vấn nhóm trong công tác xã hội

1.2. Một số lý thuyết tiếp cận tham vấn nhóm trong công tác xã hội

##### 2. Tiến trình tham vấn nhóm trong công tác xã hội

2.1. Thiết lập nhóm

2.2. Tiến hành hoạt động nhóm

2.3. Kết thúc cuộc tham vấn nhóm

##### 3. Một số công cụ/hoạt động tạo sự tham gia của các thành viên trong nhóm

3.1. Viết

3.2. Những hoạt động thể chất

3.3. Hoạt động theo nhóm hai hoặc ba người

3.4. Hoạt động theo vòng tròn

3.5. Tranh vẽ

3.6. Những hoạt động thực tiễn hay trò chơi

3.7. Thảo luận nhóm

3.8. Sắm vai

##### 4. Một số kỹ năng trong quá trình tham vấn nhóm

4.1. Những kỹ năng cơ bản của nhà tham vấn nhóm trong công tác xã hội

4.2. Một số kỹ năng xử lý tình huống khó khăn và hành vi lệch chuẩn trong nhóm

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

### 5.1 Phương pháp

- Thuyết trình
- Vấn đáp
- Nêu vấn đề

### 5.2 Hình thức giảng dạy

- Lên lớp
- Thảo luận

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Minh Đức(2014), Giáo trình Tham vấn tâm lý, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Bùi Thị Xuân Mai, *Tham vấn trẻ em lang thang và gia đình có trẻ em lang thang*, Tài liệu tập huấn công tác xã hội với trẻ em lang thang và trẻ em có nguy cơ lang thang, Dự án hợp tác Bộ LĐTBXH- Ủy ban Châu Âu.
3. Bùi Thị Thanh Mai(2008), *Giáo trình Tham vấn*, NXB Lao động- xã hội, Hà Nội, 2008.
4. Hà Nhật Thăng(1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn cho học sinh trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Oanh, *Tư vấn học đường*, Tuyển tập các bài đăng trên báo phụ nữ Chủ nhật Thành phố Hồ Chí Minh.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

- 7.1. **Chuyên cần:** 10% bao gồm điểm danh, ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu đóng góp ý kiến trong quá trình học tập
- 7.2. **Giữa kì:** 20%
- 7.3. **Thi cuối kì:** 70%
- 7.4. **Lịch thi kiểm tra, thi**
  - Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
  - Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Diệu Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**34. HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100079**

**Tên tiếng Anh: Manage of Social work**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Quản trị ngành công tác xã hội
- Mã học phần: 1100079 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Giúp sinh viên hiểu khái niệm Quản trị và Quản trị công tác xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng quản lý như cán bộ của mọi ngành khác. Xu hướng hành chính hoá có thể bỏ quên nhu cầu của con người nói chung và những nhóm dễ bị tổn thương nói riêng. Quản trị ngành Công tác xã hội sẽ giúp khắc phục nguy cơ này. Đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của quản trị trong Công tác xã hội. Học phần có thể đi chuyên sâu vào các vấn đề quản lý của cơ sở xã hội, của dự án phát triển tùy nhu cầu của cơ sở.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm Quản trị và Quản trị công tác xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng quản lý như cán bộ của mọi ngành khác. Xu hướng hành chính hoá có thể bỏ quên nhu cầu của con người nói chung và những nhóm dễ bị tổn thương nói riêng. Quản trị ngành Công tác xã hội sẽ giúp khắc phục nguy cơ này. Đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của quản trị trong Công tác xã

hội. Học phần có thể đi chuyên sâu vào các vấn đề quản lý của cơ sở xã hội, của dự án phát triển tùy nhu cầu của cơ sở.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Quản trị ngành Công tác xã hội là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như: Các khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc của Quản trị công tác xã hội; Các đặc trưng của Nhà Quản trị công tác xã hội; Một số lý thuyết về quản trị và ứng dụng trong Quản trị công tác xã hội; Những vấn đề chính trong Quản trị công tác xã hội như: lãnh đạo, hoạch định, ra quyết định, tổ chức, công tác nhân sự, truyền thông và giao tiếp trong quản trị... Thông qua học phần này, người học hiểu rõ nhà quản trị Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng quản lý như nhà quản trị của mọi ngành khác, biết đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của quản trị trong Công tác xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng làm công tác quản trị tại cơ sở xã hội.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Phần 1: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Bài 1: NHẬP MÔN QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (4 tiết LT, 1 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận, 10 giờ tự học)

##### **I. Khái niệm**

1. Khái niệm quản trị
2. Khái niệm Quản lý
3. Khái niệm quản trị công tác xã hội

II. Vai trò của hoạt động Quản trị công tác xã hội tại các tổ chức, cơ sở xã hội

III. So sánh với Quản trị công tác xã hội với quản trị kinh doanh

IV. Mục đích, vai trò và nguyên tắc của Quản trị công tác xã hội

1. Mục đích
2. Vai trò của quản trị công tác xã hội
3. Một số nguyên tắc của Quản trị công tác xã hội

Bài 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ QUẢN TRỊ VÀ ỨNG DỤNG TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI (4 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL, 15 giờ tự học)

##### **I. Lý thuyết quản trị thời Trung Hoa cổ đại**

1. Quan điểm Đức trị của Khổng Tử (551-479 TCN)
2. Quan điểm Pháp trị của Hàn Phi Tử (280-233 TCN)

##### **II. Lý thuyết quản trị kinh điển**

1. Lý thuyết quản trị hành chính theo Max Weber (1864-1920)

2. Lý thuyết quản trị hành chính của Henry Fayol (1841-1925)

III. Lý thuyết tâm lý - xã hội trong quản trị

1. Lý thuyết quan hệ con người trong quản trị của Mayo (1880-1949)

2. Lý thuyết nhu cầu của Maslow

3. Lý thuyết động viên của Herzberg

IV. Lý thuyết tiếp cận văn hóa của Ouchi

Bài 3: NHÀ QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI (4 tiết LT, 1 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận, 10 giờ tự học)

I. Chức năng và vai trò của nhà Quản trị công tác xã hội

II. Những kiến thức, thái độ và năng lực cần có của nhà Quản trị công tác xã hội

1. Kiến thức của nhà Quản trị công tác xã hội

2. Thái độ của nhà quản trị

3. Năng lực cần có của nhà Quản trị công tác xã hội

III. Nguyên tắc hành động của nhà Quản trị công tác xã hội

1. Chấp nhận

2. Chăm sóc

3. Sáng tạo

4. Dân chủ hóa

5. Tin tưởng

6. Sự chấp thuận

7. Duy trì sự cân bằng và thăng bằng bản thân

8. Hoạch định

9. Tổ chức

10. Đặt ưu tiên

11. Ủy quyền

12. Tương tác với cộng đồng và những ngành nghề khác

13. Ra quyết định

14. Tạo thuận lợi

15. Truyền thông

16. Định thời gian

17. Xây dựng

18. Động viên

Phần hai – TIỀN TRÌNH QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Bài 4: HOẠCH ĐỊNH (4 tiết lý thuyết, 2 tiết bài tập, 2 tiết thảo luận, 10 giờ tự học)

I. Khái niệm, vai trò của hoạch định

- II. Cơ sở khoa học của hoạch định
- III. Chức năng, nguyên tắc của hoạch định
- IV. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định
- V. Tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội
  - 1. Chọn lọc mục tiêu
  - 2. Xem xét các tài nguyên cơ sở
  - 3. Liệt kê các phương án
  - 4. Dự báo thành quả của mỗi phương án
  - 5. Quyết định phương án tốt nhất
  - 6. Hoạch định một chương trình hành động cụ thể
  - 7. Sẵn sàng thay đổi

Bài 5: RA QUYẾT ĐỊNH (4 tiết, 1 tiết BT, 1 tiết TL, 10 giờ tự học)

- I. Khái niệm
- II. Những cách thức ra quyết định
  - 1. Kiểu trực giác
  - 2. Kiểu phán đoán
  - 3. Kiểu giải quyết vấn đề
- III. Hướng dẫn ra quyết định
  - 1. Xác định tình huống hay vấn đề
  - 2. Thu thập và nghiên cứu các dữ kiện
  - 3. Hình thành các chọn lựa
  - 4. Dự đoán trước kết quả của các chọn lựa
  - 5. Xem xét các cảm nghĩ
  - 6. Chọn hành động vững chắc
  - 7. Theo đuổi đến cùng
  - 8. Linh hoạt
  - 9. Lượng giá kết quả
- IV. Đánh giá quyết định
- V. Những kỹ thuật ra quyết định
  - 1. Cá nhân hay nhóm ra quyết định
  - 2. Những kỹ thuật ra quyết định
- VI. Những khó khăn trong việc ra quyết định
  - 1. Con người có hạn chế về khả năng lý luận và kiến thức
  - 2. Thiếu thời gian để phân tích sâu
  - 3. Các mục tiêu tìm kiếm không tối đa

4. Sức ép do người khác tác động quan trọng hơn là các dữ kiện thu thập được ủng hộ các phương án

Bài 6: LÃNH ĐẠO (4 tiết, 1 tiết BT, 2 tiết TL, 10 giờ tự học)

I. Khái niệm lãnh đạo

II. Tại sao người ta muốn trở thành nhà lãnh đạo công tác xã hội?

III. Những hoạt động lãnh đạo

IV. Các phong cách lãnh đạo

1. Theo Carlisle
2. Theo Kotin và Sharaf
3. Theo Zaleznik

V. Những thuộc tính quan trọng để lãnh đạo có hiệu quả

1. Tin cậy - Không tin cậy
2. Xây dựng - Phá hoại
3. Ủng hộ - Từ bỏ
4. Tính kiên định - Không kiên định
5. Chăm sóc - Hờ hững

VI. Kỹ năng lãnh đạo

1. Sự kiên nhẫn
2. Quản lý (kiểm soát) thời gian
3. Thỏa hiệp
4. Nhẹ nhàng, khéo léo
5. Sự sáng tạo

Bài 7: TỔ CHỨC (3 tiết, 2 tiết BT, 1 tiết TL, 10 giờ tự học)

I. Định nghĩa tổ chức

II. Những yếu tố của một tổ chức

III. Các đặc trưng của tổ chức

IV. Phân loại tổ chức

1. Tổ chức chính thức
2. Tổ chức không chính thức

V. Các yếu tố cấu thành tổ chức

1. Quy tắc, quy chế ổn định
2. Phương thức quản lý phù hợp, quan tâm đến các nhân tố, năng lực, phẩm

chất

3. Quan tâm đến sự phân công một cách hợp lý và sự liên kết giữa các thành viên được quan tâm một cách chặt chẽ

4. Đảm bảo hiệu quả cao, tổ chức thì tinh giản



## VI. Tiến trình tổ chức

1. Tổ chức theo chiều dọc
2. Tổ chức theo chiều ngang

## VII. Hệ thống hành chính tập trung và ứng dụng trong tổ chức dịch vụ

1. Theo Weber
2. Theo Stein

## VIII. Những yếu tố trong tổ chức

1. Sự phân công lao động
2. Thiết lập thứ bậc và chức năng
3. Cơ cấu tổ chức
4. Tâm hạn kiểm soát

## IX. Những yếu tố con người trong tổ chức

1. Nguyên tắc của John Gardner
2. Nguyên tắc Peter

## Bài 8: CÔNG TÁC NHÂN SỰ (3 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL, 10 giờ tự học)

### I. Khái niệm

### II. Tiến trình chủ yếu của công tác nhân sự

1. Tuyển mộ
2. Tuyển chọn
3. Bổ nhiệm
4. Định hướng
5. Thăng thưởng
6. Đánh giá
7. Chấm dứt công việc

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

#### 5.1 Hình thức giảng dạy: Lên lớp

5.2 Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

#### 6.1 Giáo trình chính

- Lê Chí An (biên dịch); Quản trị ngành công tác xã hội, NXB.TP.HCM, 1998.- Trịnh Thị Chính, Quản trị ngành công tác xã hội, Trường đại học Lao động xã hội, HN,2009.

#### 6.2 Tài liệu tham khảo:

- Đề cương Quản trị ngành công tác xã hội, Đại học Mở, TP.HCM, 2014
- Vũ Hào Quang; Xã hội học quản lý; NXB. ĐHQG Hà Nội, 2004

- Vũ Hào Quang; Xã hội học quản lý; NXB. ĐHQG Hà Nội, 2004
- Nguyễn Thanh Hội, Phạm Thăng, Quản trị học, NXB Thống Kê, 2005.

### 6.3 Bài giảng

- Phan Thị Kim Dung, Bài giảng Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015.
- Trần Văn Kham, Bài giảng Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học KHXH NV Hà Nội, 2014.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2 Giữa kỳ: 20%

### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT****35. HỌC PHẦN: KIỂM HUẤN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Mã học phần: 1100044

Tên tiếng Anh: Supervision in social work

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kiểm huấn trong công tác xã hội
- Mã học phần: 1100044                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm huấn trong công tác xã hội, hình thành các kỹ năng thực hiện quá trình kiểm huấn đối với cá nhân, hay nhóm những người được kiểm huấn. Đồng thời, giúp sinh viên tự giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hành nghề nghiệp tại cộng đồng và các cơ sở xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: Giảng dạy cho sinh viên ngành chuyên ngành công tác xã hội. Truyền thụ cho người học những nội dung kiến thức cơ bản nhất liên quan đến kiểm huấn trong công tác xã hội.

- Về kỹ năng: Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản khi tiến hành làm việc đối với cá nhân, nhóm những người được kiểm huấn, cũng như quá trình lập kế hoạch can thiệp trợ giúp thân chủ.

- Về thái độ: Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong quá trình trợ giúp thân chủ và người được kiểm huấn

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm có 4 chương, với các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử, khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kiểm huấn trong công tác xã hội; các chức năng cơ bản của kiểm huấn và những mô hình kiểm huấn được thực hiện phổ biến hiện nay. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến bối cảnh, tiến trình và kỹ năng cơ bản của kiểm huấn trong công tác xã hội.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

##### **Chương I. GIỚI THIỆU KIỂM HUẤN**

( 3 tiết LT, 1 tiết BT, 1 TL)

1. Lịch sử phát triển kiểm huấn
2. Định nghĩa kiểm huấn
3. Mối quan hệ giữa kiểm huấn và quản trị
4. Mục đích và mục tiêu của kiểm huấn
  - 4.1. Đối với thân chủ
  - 4.2. Đối với người được kiểm huấn
  - 4.3. Đối với kiểm huấn viên và công tác quản trị
5. Cơ sở kiểm huấn
  - 5.1. Kiến thức
  - 5.2. Nguyên tắc
  - 5.3. Giá trị
  - 5.4. Thái độ
  - 5.5. Đạo đức
6. Tính cá nhân, nghề nghiệp và tổ chức của kiểm huấn

## 7. Chức năng của kiểm huấn

### 7.1. Chức năng quản lý

### 7.2. Chức năng đào tạo

### 7.3. Chức năng hỗ trợ

## *Chương II: MÔ HÌNH VÀ LOẠI HÌNH KIỂM HUẤN*

( 7 tiết LT, 2 tiết BT, 4 TL)

### 1. Các mô hình kiểm huấn

#### 1.1. Lý thuyết thực hành là mô hình kiểm huấn

#### 1.2. Mô hình cấu trúc – chức năng

##### 1.2.1. Mô hình chức năng kiểm huấn

##### 1.2.2. Mô hình hợp nhất

##### 1.2.3. Mô hình thẩm quyền

#### 1.3. Mô hình cơ sở xã hội

##### 1.3.1. Mô hình kiểm huấn cá nhân

##### 1.3.2. Mô hình kiểm huấn nhóm

##### 1.3.3. Mô hình kiểm huấn ngang hàng

##### 1.3.4. Mô hình kiểm huấn theo đội

##### 1.3.5. Thực hành tự quản

#### 1.4. Mô hình quá trình tương tác

#### 1.5. Mô hình hợp tác nữ quyền

### 2. Các loại hình kiểm huấn

#### 2.1. Kiểm huấn nhân viên xã hội tại cơ sở

##### 2.1.1. Khái niệm

##### 2.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kiểm huấn viên

#### 2.2. Kiểm huấn sinh viên thực tập

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Vai trò và nhiệm vụ của kiểm huấn viên

2.3. Kiểm huấn nhân viên xã hội bán chuyên nghiệp

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Vai trò và nhiệm vụ của kiểm huấn viên

2.4. Kiểm huấn tình nguyện viên

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Vai trò và nhiệm vụ của kiểm huấn viên

### *Chương III: BỒI CẢNH, TIẾN TRÌNH VÀ KỸ NĂNG KIỂM HUẤN*

( 7 tiết LT, 2 tiết BT, 4 TL)

1. Bối cảnh kiểm huấn

1.1. Khái niệm

1.2. Phân loại bối cảnh kiểm huấn

1.2.1. Bối cảnh vật chất của kiểm huấn

1.2.2. Bối cảnh tương quan cá nhân của kiểm huấn

1.2.3. Bối cảnh văn hóa của kiểm huấn

1.2.4. Bối cảnh tâm lý của kiểm huấn

1.2.5. Quan niệm tổng thể về bối cảnh kiểm huấn

2. Tiến trình kiểm huấn trong công tác xã hội

2.1. Khái niệm

2.2. Các thành phần của tiến trình kiểm huấn

2.2.1. Hợp đồng kiểm huấn

2.2.2. Sự lựa chọn hình thức kiểm huấn phù hợp

2.2.3. Quá trình phát triển quan hệ kiểm huấn và người được kiểm huấn

3. Các giai đoạn của tiến trình kiểm huấn

- 3.1. Giai đoạn sơ bộ (preliminary stage)
- 3.2. Giai đoạn bắt đầu (beginning stage)
- 3.3. Giai đoạn làm việc (work stage)
- 3.4. Giai đoạn kết thúc (termination stage)
- 4. Các kỹ năng kiểm huấn
  - 4.1. Kỹ năng điều chỉnh
  - 4.2. Kỹ năng thỏa thuận phiên làm việc
  - 4.3. Kỹ năng làm rõ
  - 4.4. Kỹ năng thấu cảm
  - 4.5. Kỹ năng chia sẻ cảm xúc
  - 4.6. Kỹ năng quyết đoán
  - 4.7. Kỹ năng chỉ ra trở ngại
  - 4.8. Kỹ năng chia sẻ dữ liệu
  - 4.9. Kỹ năng kết thúc phiên làm việc
  - 4.10. Đặt câu hỏi kiểm huấn

#### *Chương IV: YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG KIỂM HUẤN*

( 3 tiết LT, 0 tiết BT, 1 TL)

- 1. Kiểm huấn viên
  - 1.1. Vai trò và trách nhiệm
  - 1.2. Đặc điểm của người kiểm huấn viên có hiệu quả
- 2. Người được kiểm huấn
  - 2.1. Vai trò và trách nhiệm
  - 2.2. Yêu cầu về năng lực
- 3. Mối quan hệ kiểm huấn
- 4. Kiểm huấn và đạo đức nghề nghiệp

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

**5.1. Hình thức giảng dạy:** giảng dạy trên lớp, kết hợp làm bài tập và thảo luận nhóm nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên.

### 5.2. Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projecto (bài giảng được soạn trên phần mềm Power Point)
- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp người học tự tìm kiếm và xử lý thông tin trên các phương tiện hiện đại để phục vụ môn học.
- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.
- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

### 6.1 Giáo trình

- Lê Chí An (2007). *Quản trị ngành công tác xã hội*. Nhà xuất bản Thanh Hóa.
- Bùi Thị Xuân Mai (2010). *Nhập môn Công tác xã hội*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
- Trần Đình Tuấn (2010). *Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Alfred Kadushin & Daniel Harkness (2002). *Supervision in Social Work*. USA: Columbia University Press.
- Boje, David, et al. (1996). *Postmodern Management and Organizational Theory*. Sage Publications, International.
- Cordero, Erlinda Abustan (1985). *Administration and Supervision in Social Work*. Manila: Schools of Social Work Association of the Philippines.
- Coulshed, Veronica, et al. (2006). *Management in Social Work*. New York: Palgrave Mcmillan

### 6.2 Bài giảng

Nguyễn Văn Nga, Kiểm huấn trong công tác xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015.



**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

TT	Yêu cầu	Trọng số
<b>7.1. Chuyên cần</b>	- Tham dự đầy đủ các buổi học; - Hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ.....	10%
<b>7.2. Giữa kì</b>	Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân, nhóm.	20%
<b>7.3. Thi cuối kì</b>	Yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi học và các yêu cầu khác về đạo đức	70%
<b>7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra giữa kì: sau khi kết thúc ½ chương trình của học phần</li> <li>- Thi cuối kì: Theo lịch chung của Trường</li> </ul>		

**TRƯỜNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Ths. Nguyễn Văn Nga

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**36. HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CA TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100231**

**Tên tiếng Anh: Managing shifts in social work**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Quản lý ca trong công tác xã hội
- Mã học phần: 1100231                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm: 0
  - + Tự học: 55

- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong công tác xã hội, qua đó hình thành những kỹ năng về nhận diện vấn đề, lập kế hoạch trị liệu và quản lý ca đối với các thân chủ, biết kết nối các nguồn tài nguyên nhằm hỗ trợ thân chủ giải quyết vấn đề vướng mắc trong cuộc sống.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ:

- Về kiến thức: Nhằm cung cấp cho người học kiến thức kỹ năng cơ bản khi làm việc với các nhóm đối tượng yếu thế như trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ với các vấn đề mà họ đang gặp phải như bị bạo hành, ngược đãi hay bị xâm hại, các đối tượng khuyết tật, tâm thần hoặc nhiễm HIV hiện đang cần sự trợ giúp tại cộng đồng.

- Về kỹ năng: Hình thành các kĩ năng nhận diện vấn đề, đánh giá nguy cơ và tổn hại, giao tiếp, điều phối giám sát, ghi chép và lưu trữ hồ sơ trong tiến trình quản lý ca hơn là việc trình bày về lý thuyết quản lý ca.

- Về thái độ: nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phương pháp và kỹ năng làm việc.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý ca nhằm cung cấp kiến thức kỹ năng cơ bản trong quản lý ca cho sinh viên ngành công tác xã hội và nhân viên xã hội làm việc trong lĩnh vực này. Những nguyên lý chung trong quản lý ca được giới thiệu mang tính khái quát. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản được sử dụng trong quản lý ca.

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: Khái quát chung về quản lý ca (5 lý thuyết, 4 thảo luận)

1. Khái niệm quản lý ca
2. Mục đích của quản lý ca
3. Đặc điểm của quản lý ca
4. Các khái niệm có liên quan
  - 4.1. Công tác xã hội cá nhân
  - 4.2. Hệ thống bảo vệ trẻ em với các loại dịch vụ xã hội cho trẻ em
5. Triết lý, nguyên tắc trong quản lý ca
  - 5.1. Triết lý của quản lý ca
  - 5.2. Nguyên tắc quản lý ca
6. Vai trò nhiệm vụ của nhân viên xã hội với tư cách là người quản lý ca
  - 6.1 Người xây dựng kế hoạch
  - 6.2. Người cầu nối
  - 6.3. Người biện hộ
  - 6.4. Người tham vấn
  - 6.5. Người giáo dục

Chương II: QUY TRÌNH QUẢN LÝ CA TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

(5 lý thuyết, 2 bài tập, 2 thảo luận)

1. Tiếp nhận thông tin và đánh giá sơ bộ
  - 1.1. Tiếp nhận ca
  - 1.2. Đánh giá sơ bộ
  - 1.3. Hỗ trợ dịch vụ
    - Lập hồ sơ
2. Thu thập thông tin và đánh giá toàn diện
  - Thu thập thông tin
  - Nội dung cần thu thập
  - Phương pháp thu thập thông tin
  - Công cụ

- Đánh giá toàn diện
  - Đánh giá mức độ nguy cơ, xác định vấn đề
3. Xây dựng kế hoạch
    - Mục đích
    - Xây dựng lập kế hoạch
    - Một số công cụ: Biểu đồ Venn, Biểu đồ Gantt
  4. Thực hiện kế hoạch
    - Các bước thực hiện
    - Kết nối, vận động
    - Cung cấp dịch vụ
    - Giám sát
  5. Lượng giá và kết thúc
    - Lượng giá
    - Kết thúc

### Chương III: MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG QUẢN LÝ CA (5 lý thuyết, 4 thảo luận)

1. Kỹ năng đánh giá
  - 1.1. Mục đích
  - 1.2. Các loại đánh giá
2. Kỹ năng biện hộ
  - 2.1. Khái niệm biện hộ
  - 2.2. Các nguyên tắc biện hộ
  - 2.3. Các hình thức biện hộ
  - 2.4. Quy trình biện hộ
3. Kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực trong quản lý ca
  - 3.1. Liên kết
  - 3.2. Điều phối nguồn lực
4. Kỹ năng thu hút sự tham gia
  - 4.1 Mục đích
  - 4.2 Các đối tượng cần thu hút sự tham gia
5. Kỹ năng lưu trữ thông tin, hồ sơ của thân chủ
  - 5.1. Mục đích
  - 5.2. Ý nghĩa
  - 5.3. Một số nguyên tắc trong lưu trữ hồ sơ thân chủ

### Chương IV: TIỀN TRÌNH QUẢN LÝ CA ĐỐI VỚI TRẺ EM (5 lý thuyết, 3 bài tập)

1. Tiếp nhận ca
2. Đánh giá
3. Lập kế hoạch can thiệp
  - 3.1. Các yêu cầu lập kế hoạch can thiệp
  - 3.2. Tham gia trong lập kế hoạch can thiệp
  - 3.3. Các bước lập kế hoạch can thiệp
4. Thực hiện kế hoạch can thiệp
  - 4.1. Sự tham gia thực hiện kế hoạch can thiệp
  - 4.2. Nguyên tắc triển khai kế hoạch can thiệp
  - 4.3. Các bước thực hiện kế hoạch can thiệp
5. Giám sát và lượng giá
  - 5.1. Giám sát và đánh giá tiến trình quản lý ca
  - 5.2. Giám sát (Monitoring)
  - 5.3. Lượng giá (Evaluation)
  - 5.4. Mối quan hệ giữa giám sát và lượng giá
  - 5.5. Xây dựng chỉ báo (indicator) trong giám sát và lượng giá
6. Kết thúc ca
  - 6.1. Kết thúc sự trợ giúp đối với trẻ
  - 6.2. Không kết thúc sự trợ giúp đối với trẻ

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

5.1 Hình thức: lên lớp

5.2 Phương pháp: vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, hoạt động nhóm.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

1/ Lê Chí An (biên dịch), *Công tác xã hội cá nhân*, Đại học Mở-bán công TP. Hồ Chí Minh, 2000, TP. Hồ Chí Minh.

2/ Bùi Thị Xuân Mai chủ biên (2010). *Quản lý ca. Tài liệu sản phẩm Hội thảo Lượng giá nhu cầu và Phát triển chương trình đào tạo Công tác xã hội*. USAID, WWO và Trường Đại học Lao động – Xã hội, Cơ sở II, Tp. Hồ Chí Minh.

3/ Bùi Thị Xuân Mai, Romeo Yap, Hoàng Huyền Trang (1996), *Tài liệu Tập huấn Hỗ trợ tâm lý xã hội cho những người dễ bị tổn thương*, Tổ chức Quốc tế phục vụ Cộng đồng và Gia đình - Tổ chức Liên Hợp quốc – Bộ LĐTBXH

4/ Bùi Thị Xuân Mai, (2008), *Giáo trình tham vấn*, Nxb Lao động Xã hội

5/ *Tài liệu tham khảo về công tác với trẻ em làm trái pháp luật*, UBBV& CS trẻ em Việt Nam - Tổ chức cứu trợ Thụy Điển Radda Barnen, 1996.

## 6.2 Bài giảng

Phan Thị Kim Dung, Công tác xã hội với cá nhân, Đại học Quy Nhơn, 2015.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2. Giữa kì: 20%

### 7.3. Thi cuối kì: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: Giữa kỳ
- Thi cuối kì: Cuối kỳ

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Thị Hải Lý

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**37. Học phần: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**Mã học phần: 1100127**

**Tên tiếng Anh: Graduation internship**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Thực tập tốt nghiệp
- Mã học phần : 1100127 Số tín chỉ: 5
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết :
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 300 giờ làm việc tại cơ sở thực tập
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần**

Giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế những vấn đề liên quan đến Công tác xã hội để có sự đối chiếu, so sánh và khắc sâu kiến thức. Từ đó, sinh viên biết vận dụng tri thức vào thực tế công việc học tập, nghiên cứu và đáp ứng những kỹ năng chuyên môn khi ra trường.

**2.2 Mục tiêu cụ thể của học phần**

- Về kiến thức:
  - + Hiểu biết các hoạt động của một cơ sở thực tập: Sở lao động thương binh và xã hội các tỉnh, phòng lao động và thương binh xã hội ở các huyện, thành phố; Một số cơ quan, tổ chức xã hội, các đoàn thể; Các trung tâm bảo trợ xã hội, ủy ban nhân dân các xã, phường, trường học, bệnh viện...
  - + Hiểu rõ đặc điểm, bản chất, quy luật của một số hiện tượng tâm lý của các nhóm khách thể tại các cơ sở thực tập (người khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh thiệt thòi - mồ côi, người cao tuổi, người bệnh tâm thần ...)
- Kỹ năng:
  - + Thực hành nghề nghiệp công tác xã hội với một thân chủ cụ thể, một nhóm thân chủ hay với cộng đồng
  - + Kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng sử dụng công nghệ; kỹ năng trình bày bài báo cáo.

- Thái độ, chuyên cần:
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập nghề nghiệp tại cơ sở thực tập.
- + Ý thức và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác xã hội.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần củng cố, khắc sâu, mở rộng cho sinh viên hệ thống tri thức Công tác xã hội đã học; đồng thời giúp sinh viên có được sự trải nghiệm thực tế về các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai tại các cơ quan, ban ngành, tổ chức xã hội,... với các nhóm đối tượng khác nhau, các vấn đề xã hội khác nhau. Qua đó, sinh viên có sự hiểu biết sâu rộng hơn về nghề nghiệp của chuyên ngành Công tác xã hội, có thái độ nghề nghiệp tích cực và hướng tới nghề nghiệp phù hợp, góp phần hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **I. Địa chỉ triển khai nội dung thực tập**

- Sở lao động thương binh và xã hội các tỉnh, phòng lao động và thương binh xã hội ở các huyện, thành phố, ...

- Một số cơ quan, tổ chức xã hội, các đoàn thể,...

- Trung tâm bảo trợ xã hội

- Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng người có công

- Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần

- Làng trẻ em SOS

- Trường học

- Bệnh viện

#### **II. Nội dung thực tập cụ thể**

Với đặc thù của mỗi cơ sở thực tập, nội dung thực tập của sinh viên gắn liền với các lĩnh vực kiến thức chuyên ngành đào tạo, như: An sinh xã hội; chính sách xã hội; giới và phát triển; công tác xã hội cá nhân; công tác xã hội nhóm, các chương trình phát triển cộng đồng (giáo dục, y tế, môi trường, xóa đói giảm nghèo, dân số, nước sạch nông thôn, giải quyết việc làm,...); các dự án hỗ trợ trẻ em, thanh niên, phụ nữ...; các chương trình hoạt động vì cộng đồng; những hoạt động của các tổ chức xã hội hỗ trợ cho cá nhân, nhóm, cộng đồng.

#### **III. Yêu cầu tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên**

##### **1. Giáo viên**

Giáo viên hướng dẫn đề tài thực tập cho sinh viên, sau khi kết thúc đợt thực tập, căn cứ trên hồ sơ thực tập của sinh viên (báo cáo kết quả thực tập + nhật ký thực tập + nhận xét của cơ sở thực tập) giáo viên sẽ cho điểm đánh giá kết quả thực tập.

##### **2. Cơ sở thực tập:**

- Giúp đỡ hướng dẫn cho sinh viên những vấn đề liên quan đến nội dung thực tập



- Sau khi kết thúc đợt thực tập, tiến hành nhận xét, đánh giá về ý thức thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập tại cơ sở.

3. Sinh viên:

- Ở những cơ sở có nhiều sinh viên thực tập, trưởng nhóm phối hợp với lãnh đạo ở cơ sở thực tập chịu trách nhiệm quản lý nhóm thực tập, khi cần thiết cần báo cáo với lãnh đạo nhà trường, Ban chủ nhiệm khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

- Trong quá trình thực tập tại các cơ sở, sinh viên phải nghiêm túc chấp hành tốt nội qui qui định của cơ sở, thực hiện những nhiệm vụ gắn liền với nội dung thực tập theo sự phân công, hướng dẫn của các cán bộ ở cơ sở thực tập.

- Có ý thức thái độ tốt, nghiêm túc khi tiếp xúc với thân chủ

- Sau khi kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên sẽ nộp lại hồ sơ thực tập cá nhân gồm:

+ Nhật ký thực tập

+ Bản nhận xét của cơ sở thực tập (có đóng dấu xác nhận)

+ Báo cáo thực tập

MẪU PHIẾU NHẬN XÉT

PHIẾU NHẬN XÉT  
CỦA CƠ SỞ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

Họ và tên sinh viên thực tập.....

Là sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội, đang thực tập nghề nghiệp tại  
.....

Cơ sở thực tập:.....

Nhận xét về việc thực hiện nội dung thực tập chuyên môn tại cơ sở của sinh viên như sau:

I. Về tinh thần, thái độ làm việc tại cơ sở  
.....

II. Về các hoạt động học viên tham gia tại cơ sở và thành tích đạt được  
.....

III. Về năng lực thực hiện công việc được giao.  
.....

IV. Về các mối quan hệ với thành viên trong cơ sở  
.....

.....ngày..... tháng..... năm

.....  
QUẢN LÝ CỦA CƠ SỞ THỰC

HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO

Các mục trong nội dung báo cáo

I. Giới thiệu chung về cơ sở thực tập

II. Kết quả đề tài thực tập

Bìa báo cáo:

<p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN</p> <p>BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</p> <p>Họ tên sinh viên: Lớp: Giáo viên hướng dẫn: Cơ sở giáo dục thực tập: Thời gian thực tập:</p>
---

### HƯỚNG DẪN VIẾT NHẬT KÝ THỰC TẬP

Nội dung: Ghi lại quá trình làm việc của sinh viên thực tập tại cơ sở theo từng ngày thực tập.

\* Lưu ý:

- Nhật ký thực tập trình bày thành một cuốn riêng với báo cáo thực tập.
- Nhật ký thực tập và báo cáo kết quả thực tập, sinh viên trình bày trên giấy A4
- Nộp báo cáo thực tập cá nhân trễ hơn một tuần so với lịch trình thực tập sẽ bị trừ 20% điểm số;

- Trường hợp bài báo cáo cá nhân trong lớp giống nhau và giống với các báo cáo hay nghiên cứu khác đã được công bố trên 50% sẽ bị buộc học lại môn học;

- Bài báo cáo có tham khảo tài liệu nhưng không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ 50% điểm số

#### **5. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Mary Ann Forgey, Carol S. Cohen [1997], Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh

- Robert Martin Chazin, Shela Berger Chazin [1999], Hành vi con người và môi trường xã hội, Tài liệu tập huấn Khoa Xã hội học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng lãnh đạo nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.

- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng lãnh đạo nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.

- Vũ Nhi Công [2004], Kỹ năng tham vấn, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh.

- Vũ Nhi Công [1999], Phương pháp công tác xã hội với nhóm, Tài liệu tập huấn công tác xã hội chuyên nghiệp Việt Nam Tp Hồ Chí Minh

- Nguyễn Ngọc Lâm, Sách bỏ túi dành cho Nhân viên công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Ngọc Lâm [1998], Khoa học giao tiếp, Khoa Phụ nữ học Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị Oanh [1998], Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục.

- Nguyễn Thị Oanh và nhóm tác giả [1997], An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, Ban Xuất bản Đại học Mở Bán công Tp Hồ Chí Minh.

#### **6. Phương pháp - hình thức triển khai thực tế chuyên môn**

Sinh viên đến các cơ sở thực tập và hoạt động theo cá nhân

#### **7. Hình thức kiểm tra, đánh giá**

##### **7.1 Hình thức kiểm tra, đánh giá, thang điểm**

Sinh viên viết bài thu hoạch

##### **7.2 Thời điểm kiểm tra, đánh giá**

- Bài thu hoạch nộp sau đợt thực tập 1 tuần

- Trọng số các cột điểm đánh giá: Điểm bài thu hoạch được đánh giá tương đương điểm thi kết thúc học phần – 5 tín chỉ. Trong đó:

+ Ý thức thái độ: 30% tổng số điểm

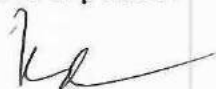
+ Bài thu hoạch: 70% tổng số điểm

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)**

**38. HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC TÔN GIÁO**

**Mã học phần: 1100232**

**Tên tiếng Anh: Sociology of Region**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Xã hội học tôn giáo
- Mã học phần: 1100232                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20
  - + Làm bài tập trên lớp: 05
  - + Thảo luận: 10
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa TL-GD&CTXH

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần Xã hội học tôn giáo cung cấp cho sinh viên một cái nhìn thấu đáo vào lĩnh vực tôn giáo, biết được sự phát triển của các loại hình tôn giáo trên thế giới và ở Việt nam.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử xã hội học tôn giáo, các quan điểm về tôn giáo, các loại hình tôn giáo, đồng thời cũng đề cập những vấn đề xã hội quan trọng của tôn giáo trong thời đại hiện nay.

- Kỹ năng: Sinh viên sẽ có những kỹ năng cần thiết để phân tích vấn đề, thực hiện các cuộc điều tra xã hội học.

- Thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, nắm vững tri thức khoa học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Chính sách tôn giáo là vấn đề mang tính quy luật của tất cả các quốc gia tuy nhiên việc thực hiện CSTG phụ thuộc vào đặc điểm tôn giáo và XH của mỗi quốc gia, ở những quốc gia đa tôn giáo vấn đề CSTG càng phải được thể hiện rõ. Nghiên cứu môn học là nghiên cứu quan niệm về tôn giáo của phương Đông và phương Tây, chức năng của tôn giáo, biến đổi tôn giáo, thực hành tôn giáo và niềm tin tôn giáo.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Bài 1: TÔN GIÁO VÀ CÁC LỐI TIẾP CẬN VỀ TÔN GIÁO

Lý thuyết: 04; Bài tập: 0; Thảo luận: 0

1. Tôn giáo trong quan điểm văn hóa phương Tây và phương Đông
2. Một số quan niệm không chính xác về tôn giáo
3. Hai định nghĩa cổ điển về tôn giáo: định nghĩa bản chất và chức năng
4. Lối tiếp cận xã hội học về tôn giáo

Bài 2: NIỀM TIN TÔN GIÁO

Lý thuyết: 04; Bài tập: 0; Thảo luận: 0

I/ QUAN HỆ VỀ NIỀM TIN TÔN GIÁO

II/ NGUỒN GỐC CỦA NIỀM TIN TÔN GIÁO:

1/ Tiếp cận niềm tin tôn giáo từ góc độ sinh học

2/ Tiếp cận từ góc độ xã hội

3/ Quan niệm của M. Weber

4/ Quan điểm của những nhà XHH chủ nghĩa Mác về niềm tin tôn giáo

III/ ĐẶC ĐIỂM CỦA NIỀM TIN TÔN GIÁO:

1/ Niềm tin là lực lượng siêu tự nhiên

2/ Niềm tin vào 1 thế giới khác

Bài 3: THỰC HÀNH TÔN GIÁO

Lý thuyết: 04; Bài tập: 0; Thảo luận: 10

I/ KHÁI NIỆM

II/ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỰC HÀNH TÔN GIÁO

III/ NGHIÊN CỨU XHH VỀ THỰC HÀNH TÔN GIÁO

Bài 4: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Lý thuyết: 04; Bài tập: 0; Thảo luận: 0

I/ LÝ LUẬN

II/ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM:

1/ Đặc điểm tình hình tôn giáo Việt Nam

2/ Những vấn đề cụ thể của chính sách tôn giáo Việt Nam

3/ Những vấn đề của chính sách tôn giáo Việt Nam

Bài 5: BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO Lý thuyết: 04

Lý thuyết: 04; Bài tập: 05; Thảo luận: 0

I/ TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO

II/ NHỮNG HÌNH THỨC BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO

1/ Xu hướng toàn cầu hoá

2/ Xu hướng đa dạng hoá tôn giáo

2. Xu hướng đa dạng hoá tôn giáo
3. Xu hướng thể tục hoá
4. Xu hướng dân tộc hoá tôn giáo
5. Phong trào dân chủ
6. Sự phát triển của khoa học công nghệ

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

Giảng dạy trên lớp kết hợp giữa dạy lí thuyết và thảo luận nhóm.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

- Đỗ Quang Hưng, Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam bộ, NXB KHXH, Hà nội, 2001
- Đỗ Quang Hưng, Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam bộ, NXB KHXH, Hà nội, 2001
- Nguyễn Xuân Nghĩa, Xã hội học tôn giáo và một số vấn đề tôn giáo ở Việt Nam, ĐHM, 1998-2010
- Viện nghiên cứu tôn giáo, Những vấn đề tôn giáo hiện nay, NXB KHXH, Hà Nội, 1994
- Đặng Nghiê n V ạn, Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam, NXB KHXH, Hà nội, 1998

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% (sinh viên đi học đủ số tiết quy định, tham gia xây dựng bài)

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 30%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: khi đã học được 2/3 số tiết

- Thi cuối kì: theo năm học kế hoạch

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**





TS. Đinh Anh Tuấn

ThS. Phan Thị Kim Dung

ThS. Nguyễn Đình Khoa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**39. Học phần: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100116**

**Tên tiếng Anh: Social Psychology**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tâm lý học xã hội
- Mã học phần: 1100116
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khoa học hiện đại về môn Tâm lý học xã hội, những quy luật hình thành, phát triển và các biểu hiện của tâm lý nhóm người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có được kỹ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ trong hoạt động thực tiễn.

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hiện tượng tâm lý xã hội: Bản chất, đặc điểm vai trò, quy luật hình thành; Các kiến thức về nhóm, mối quan hệ giữa cá nhân và nhóm, các yếu tố tâm lý của quan hệ liên nhân cách.
- Kỹ năng: Hình thành một số kỹ năng hoạt động xã hội, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thuyết phục, vận động quần chúng.
- Thái độ: Xây dựng thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc, khoa học cho sinh viên

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Tâm lý học xã hội cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý xã hội; mối quan hệ tương tác giữa cá nhân và xã hội...; quá trình thích nghi của cá

nhân vào các nhóm xã hội khác nhau; đặc điểm tâm lý của các nhóm xã hội; quan hệ liên nhân cách và các yếu tố tâm lý của quan hệ liên nhân cách... Trên cơ sở đó có thể vận dụng vào các lĩnh vực hoạt động xã hội mang lại hiệu quả cao.

Tâm lý học xã hội liên quan đến nhiều ngành khoa học khác nhau. Phạm vi ứng dụng của Tâm lý học xã hội rất rộng và ngày càng được mở rộng theo đòi hỏi của thực tiễn

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương I: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI LÀ MỘT KHOA HỌC ( 2LT + 1 BT)**

##### **I. Đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội**

1. Hiện tượng tâm lý xã hội
2. Bản chất hiện tượng tâm lý xã hội
3. Đối tượng của Tâm lý học xã hội
4. Nhiệm vụ của Tâm lý xã hội

##### **II. Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội**

1. Các nguyên tắc trong nghiên cứu tâm lý học xã hội
2. Các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội

##### **III. Sơ lược lịch sử hình thành Tâm lý học xã hội**

1. Những tiền đề nảy sinh Tâm lý học xã hội
2. Những hình thức đầu tiên của Tâm lý học xã hội
3. Giai đoạn thực nghiệm của Tâm lý học xã hội

##### **Chương II: CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI ( 4 LT + 2 BT + 2TL)**

##### **I. Các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống xã hội**

1. Bầu không khí tâm lý nhóm
2. Tâm trạng xã hội
3. Truyền thống nhóm
4. Dư luận xã hội

##### **II. Các quy luật hình thành tâm lý xã hội**

1. Quy luật kế thừa
2. Quy luật lấy lan
3. Quy luật bắt chước
4. Quy luật tác động qua lại

##### **Chương III: CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI ( 4LT +1 BT + 2TL)**

##### **I. Xã hội hóa cá nhân**

1. Khái niệm xã hội hóa
2. Tuổi thơ và các nhóm cơ bản
3. Nhập vai cái tôi

##### **II. Cá nhân trong nhóm**



1. Động cơ gia nhập nhóm
2. Tác động của cá nhân đến nhóm
3. Các nhóm không chính thức trong nhóm chính thức
4. Đẳng cấp trong nhóm

#### Chương IV: NHÓM ( 4LT + 2TL)

##### I. Nhóm lớn

1. Thế nào là nhóm xã hội lớn
2. Cơ cấu tâm lý của nhóm xã hội lớn
3. Đặc điểm tâm lý của các nhóm XH lớn

##### II. Nhóm nhỏ

1. Khái niệm nhóm nhỏ
2. Sự hình thành nhóm nhỏ
3. Các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ

#### Chương V: TÂM LÝ ĐÁM ĐÔNG ( 2LT + 2TL )

##### I. Khái niệm đám đông

##### II. Những hiện tượng của tâm lý đám đông quần chúng

1. Trí tuệ của đám đông quần chúng
2. Tình cảm của đám đông quần chúng
3. Nhân cách của cá nhân hợp quần
4. Thủ lĩnh của đám đông

##### III. Các cơ chế tâm lý của đám đông

1. Bất chước
2. Lây lan
3. Âm thị - thôi mien

#### Chương VI: QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH ( 4LT + 1 BT + 2TL )

##### I. Quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách

1. Quan hệ xã hội
2. Quan hệ liên nhân cách

##### II. Những yếu tố tâm lý của quan hệ liên nhân cách

1. Sự gần gũi
2. Sự giống nhau và khác nhau
3. Sự tương tác
4. Thân phận

##### III. Cô đơn và hòa nhập

1. Cô đơn
2. Hòa nhập

IV. Quan hệ liên nhân cách trong xã hội và trong nhà trường

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

**5.1 Phương pháp dạy học**

Thuyết trình kết hợp với phương pháp vấn đáp, kiểm tra đánh giá tri thức kỹ năng, kỹ xảo

**5.2 Hình thức dạy học**

Lên lớp, thảo luận, tự học tự nghiên cứu

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1. Giáo trình, bài giảng:**

1. Nguyễn Lê Thủy, *Tập bài giảng Tâm lý học xã hội (Tài liệu lưu hành nội bộ)*, Khoa TLGD và CTXH, 2013

2. Nguyễn Đình Chinh, *Tâm lý học xã hội*, Nxb Giáo dục, 1999

**6.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Hiệp, *Tâm lý học xã hội – Một số vấn đề lý luận*, Nxb KH - XH, 1992

2. Bùi Văn Huệ, *Tâm lý học xã hội*, Tài liệu biên soạn - Hà Nội, 1995

3. Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương*, Nxb ĐHSP, 2013

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% (Điểm danh; ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến xây dựng bài)

**7.2. Giữa kỳ:** 20% (kiểm tra viết)

**7.3. Thi cuối kỳ:** 70 % (thi tự luận)

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kỳ: Làm bài kiểm tra giữa kỳ sau chương 4

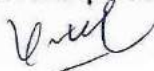
- Thi cuối kỳ: Theo lịch của nhà trường

TRƯỞNG KHOA



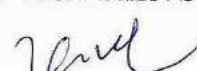
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Lê Thủy

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Lê Thủy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT****40. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI****Mã học phần: 1100008****Tên tiếng Anh: Social work with the older people****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với người cao tuổi
- Mã học phần: 1100008                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20
  - + Làm bài tập trên lớp: 5
  - + Thảo luận: 10
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55

- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:****2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản để hướng dẫn người học thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi tại cộng đồng, bao gồm đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương trình cho người cao tuổi.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác xã hội với người cao tuổi ở tâm vi mô và tầm vĩ mô.
- Về kỹ năng: Giúp sinh viên xây dựng được chiến lược và thực hiện can thiệp về mặt công tác xã hội, rèn luyện một số kỹ năng thực hiện công tác xã hội với người cao tuổi.
- Về thái độ: Sinh viên biết được sự cần thiết và thực hiện kết hợp giá trị của công tác xã hội và các nguyên lý đạo đức liên quan nền công tác xã hội với người cao tuổi nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi qua đó huy động được sự đóng góp của người cao tuổi cho xã hội.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình lão hóa, những thay đổi về thể chất và tinh thần ở người cao tuổi, những yếu tố môi trường, xã hội có ảnh hưởng đến sức khỏe người cao tuổi, các vấn đề về sức khỏe thường gặp ở người cao tuổi. Trọng tâm của học phần là các vấn đề: thích ứng với những thay đổi của tuổi già, nhu cầu chăm sóc của người già, trông coi người già mắc bệnh tại gia đình và tại cộng đồng, ngược đãi người già, xử lý trường hợp và hỗ trợ người cao tuổi. Nhiều khía cạnh cũng được đề cập trong các nội dung như: năng lực, tuổi, thành phần xã hội, giới, dân tộc, văn hóa, tín ngưỡng, tình trạng hôn nhân và gia đình.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI CAO TUỔI

(5 lý thuyết, 2 thảo luận)

##### 1. Khái niệm và đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi

###### 1.1. Khái niệm

###### 1.2. Đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi

##### 2. Các lĩnh vực hoạt động và vai trò của người cao tuổi

###### 2.1. Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của người cao tuổi

###### 2.1.1. Giai đoạn đầu của người cao tuổi

###### 2.1.2. Giai đoạn giữa của người cao tuổi

###### 2.1.3. Giai đoạn gần cuối của người cao tuổi.

###### 2.1.4. Giai đoạn cuối của người cao tuổi

###### 2.2. Vai trò của người cao tuổi

###### 2.2.1. Vai trò của người vợ trong gia đình

###### 2.2.2. Vai trò của người bà trong gia đình

###### 2.2.3. Vai trò của người chồng

###### 2.2.4. Vai trò của người ông trong gia đình

##### 3. Nhu cầu và các vấn đề cơ bản liên quan đến người cao tuổi

###### 3.1. Nhu cầu cơ bản của người cao tuổi

###### 3.2. Các vấn đề cơ bản liên quan đến người cao tuổi

###### 3.2.1. Vấn đề sức khỏe

###### 3.2.2. Vấn đề tâm lý

###### 3.2.3. Vấn đề kinh tế

##### 4. Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến người cao tuổi

###### 4.1. Những chủ trương của Đảng

###### 4.2. Luật pháp và chính sách của Nhà nước

## Chương II: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

(3 lý thuyết, 1 bài tập)

1. Khái niệm công tác xã hội với người cao tuổi
2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi
  - 2.1. Người tạo khả năng
  - 2.2. Người điều phối - kết nối dịch vụ
  - 2.3. Người giáo dục
  - 2.4. Người biện hộ
  - 2.5. Người tạo môi trường thuận lợi
  - 2.6. Người đánh giá và giám sát
3. Tiến trình trợ giúp người cao tuổi
  - 3.1. Tiếp cận người cao tuổi
  - 3.2. Xác định vấn đề
  - 3.3. Thu thập dữ liệu
  - 3.4. Chẩn đoán
  - 3.5. Lên kế hoạch trợ giúp
  - 3.6. Trợ giúp
  - 3.7. Đánh giá

## Chương III: MỘT SỐ LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ KHI TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI (8 lý thuyết, 4 bài tập, 4 thảo luận)

1. Một số lý thuyết cơ bản khi làm việc với người cao tuổi
  - 1.1. Lý thuyết hệ thống
  - 1.2. Lý thuyết nhu cầu
  - 1.3. Lý thuyết vai trò xã hội
  - 1.4. Lý thuyết thân chủ trọng tâm
  - 1.5. Lý thuyết mô hình tập trung vào giải pháp
  - 1.6. Lý thuyết nhận thức và hành vi
2. Một số công cụ được sử dụng khi trợ giúp người cao tuổi
  - 2.1. Các phương pháp Công tác xã hội
    - 2.1.1. Công tác xã hội cá nhân
    - 2.1.2. Công tác xã hội nhóm
3. Một số kỹ năng Công tác xã hội
  - 3.1. Kỹ năng quan sát
  - 3.2. Kỹ năng lắng nghe
  - 3.3. Kỹ năng xử lý sự im lặng

- 3.4. Kỹ năng thấu cảm
- 3.5. Kỹ năng diễn giải
- 3.6. Kỹ năng tóm tắt
- 3.7. Kỹ năng đặt câu hỏi
- 3.8. Kỹ năng tự bộc lộ
- 3.9. Kỹ năng cung cấp thông tin
- 3.10. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực
- 3.11. Kỹ năng điều phối
- 4. Một số kỹ thuật Công tác xã hội với người cao tuổi
  - 4.1. Kỹ thuật duy trì
  - 4.2. Kỹ thuật thăm dò, mô tả, làm thông thoáng
  - 4.3. Kỹ thuật phản ánh tình huống cá nhân
  - 4.4. Kỹ thuật phản ánh phát triển
  - 4.5. Kỹ thuật chuyển dịch tình cảm xuôi/ngược
  - 4.6. Kỹ thuật giải mã cảm hệ thống
  - 4.7. Kỹ thuật huấn luyện sự quyết đoán
  - 3.8. Kỹ thuật định hình cho hành vi
  - 4.9. Kỹ thuật làm mẫu
  - 4.10. Kỹ thuật sử dụng quan hệ cộng tác
  - 4.11. Kỹ thuật sử dụng bài tập về nhà
  - 4.12. Kỹ thuật sử dụng mô hình A-B-C
  - 4.13. Kỹ thuật tái xác lập
  - 4.14. Kỹ thuật lập lịch trình hoạt động
  - 4.15. Kỹ thuật giao nhiệm vụ
  - 4.16. Kỹ thuật đóng kịch phân vai
  - 4.17. Kỹ thuật sử dụng liệu pháp cơ cấu gia đình
  - 4.18. Kỹ thuật mô tả vấn đề
  - 4.19. Kỹ thuật phát triển các mục tiêu hoàn chỉnh
  - 4.20. Kỹ thuật “câu hỏi có phép lạ”
  - 4.21. Kỹ thuật sử dụng mệnh đề “Tôi”
  - 3.22. Kỹ thuật chiếc ghế trống

**Chương IV: CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI**  
(4 lý thuyết, 4 thảo luận)

- 1. Công tác xã hội cho người cao tuổi tại nhà
  - 1.1. Hỗ trợ tâm lý cho người cao tuổi
  - 1.2. Các hỗ trợ và kết nối hỗ trợ khác với người cao tuổi

2. Công tác xã hội cho người già tại cơ sở bảo trợ
  - 2.1. Quản lý ca
  - 2.2. Hỗ trợ tâm lý
  - 2.3. Tổ chức và điều phối các hoạt động hỗ trợ người cao tuổi
  - 2.4. Cầu nối giữa người cao tuổi và cơ sở bảo trợ
  - 2.5. Cầu nối giữa người cao tuổi và gia đình
  - 2.6. Cầu nối giữa người cao tuổi, cơ sở bảo trợ người cao tuổi với cộng đồng
3. Công tác xã hội cho người già tại Bệnh viện
  - 3.1. Hỗ trợ quá trình điều trị cho người cao tuổi trong bệnh viện
  - 3.2. Trợ giúp người cao tuổi phục hồi lại các hoạt động bình thường
  - 3.3. Tham vấn gia đình
  - 3.4. Lập kế hoạch cho người cao tuổi sau khi xuất viện

#### **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức:** lên lớp

**5.2 Phương pháp:** vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, hoạt động nhóm.

#### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

##### **6.1 Giáo trình**

- Chu Vĩnh Bình: *Cuộc sống người cao tuổi*. NXB Thế giới, Hà Nội, 2006.
- Bộ Tư pháp: *Luật người cao tuổi*. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2010.
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: *Gia đình tuổi trung niên* (Tài liệu giáo dục đời sống gia đình), 2009.
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: *Gia đình với người cao tuổi* (Tài liệu giáo dục đời sống gia đình), 2010.
- PTS. Phạm Khắc Chương: *Người già – tiềm năng to lớn trong giáo dục gia đình*. 1996.
- Đại học Dân lập Thăng Long: *Công tác xã hội lý thuyết và thực hành Công tác xã hội trực tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
- Đại học Lao động Xã hội: *Giáo trình Công tác xã hội nhóm*. NXB LĐ-XH, Hà Nội, 2010.
- Đại học Lao động - Xã hội: *Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình*, NXB LĐ-XH, Hà Nội, 2010.
- Nguyễn Văn Đồng, *Tâm lý học phát triển, giai đoạn thanh niên đến tuổi già*, NXB Chính trị Quốc gia, 2007.

##### **6.2 Bài giảng**

Phạm Thị Hải Lý, Công tác xã hội với người cao tuổi, Đại học Quy Nhơn, 2015

#### **7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

**7.1. Chuyên cần: 10%**

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2. Giữa kì: 20%**

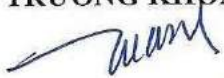
**7.3. Thi cuối kì: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì:

- Thi cuối kì:

**TRƯỞNG KHOA**



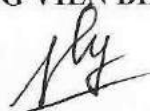
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Phạm Thị Hải Lý



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**41. HỌC PHẦN: DỊCH VỤ XÃ HỘI**  
**Mã học phần: 1100233**  
**Tên tiếng Anh: Social Service**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Dịch vụ xã hội
- Mã học phần: 1100233 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Dịch vụ xã hội là học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về các dịch vụ xã hội và việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội hiện nay. Qua đó người học có khả năng cung ứng các dịch vụ xã hội cũng như thực hiện các chính sách xã hội một cách tốt nhất cho các đối tượng xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm Dịch vụ, dịch vụ xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức về dịch vụ xã hội. Xu hướng hành chính hoá có thể bỏ quên nhu cầu của con người nói chung và những nhóm dễ bị tổn thương nói riêng. Đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của việc cung cấp các dịch vụ xã hội. Học phần có thể đi chuyên sâu vào các vấn đề quản lý các dịch vụ xã hội.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)

Dịch vụ xã hội là một học phần tự chọn trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như: Các khái niệm, mục đích, vai trò của dịch vụ xã hội; Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội; Chính sách và việc cung cấp tài chính cho dịch vụ xã hội; Chất lượng và quản lý các dịch vụ xã hội; Định hướng chính sách về dịch vụ xã hội.

### 4. Nội dung chi tiết học phần:

BÀI 1: NHẬP MÔN VỀ DỊCH VỤ XÃ HỘI 4 tiết LT, 2 tiết TL

I. Các khái niệm

1. Dịch vụ

2. Dịch vụ xã hội

II. Các loại dịch vụ xã hội

1. Dịch vụ xã hội cơ bản

2. Dịch vụ công cộng

III. Chức năng của dịch vụ xã hội

BÀI 2: TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI 4 tiết LT, 3 tiết BT, 2 tiết TL

I. Dịch vụ y tế

1. Các loại hình dịch vụ y tế

2. Đối tượng tiếp cận dịch vụ

3. Khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ

4. Hiệu quả sử dụng dịch vụ

II. Dịch vụ giáo dục

1. Các loại hình dịch vụ giáo dục

2. Đối tượng tiếp cận dịch vụ

3. Khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ

4. Hiệu quả sử dụng dịch vụ

II. Dịch vụ pháp lý

1. Các loại hình dịch vụ pháp lý

2. Đối tượng tiếp cận dịch vụ

3. Khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ

4. Hiệu quả sử dụng dịch vụ

BÀI 3: CHÍNH SÁCH VÀ CUNG CẤP TÀI CHÍNH CHO DỊCH VỤ XÃ HỘI

4 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL

I. Các khuôn khổ của chính sách

1. Cam kết chính sách về tiếp cận toàn dân

2. Phở cập hay hỗ trợ chọn lọc

3. Hệ thống phúc lợi xã hội và trợ cấp
4. Bảo trợ xã hội
5. Chính sách xã hội hóa
6. Xã hội hóa và thương mại hóa các dịch vụ xã hội

## II. Cung cấp tài chính cho dịch vụ xã hội

1. Cung cấp tài chính cho y tế
2. Cung cấp tài chính cho giáo dục

## BÀI 4: MỨC ĐỘ SẴN CÓ, CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI

4 tiết LT, 2 tiết TL

### I. Mức độ sẵn có của các dịch vụ xã hội

1. Dịch vụ y tế
2. Dịch vụ giáo dục
3. Dịch vụ pháp lý

### II. Chất lượng các dịch vụ xã hội

1. Các thách thức trong việc cung cấp dịch vụ xã hội
2. Sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ xã hội

### III. Quản lý các dịch vụ xã hội

1. Quản lý các tổ chức cung cấp các dịch vụ xã hội
2. Cơ chế quản lý và trách nhiệm giải trình đối với dịch vụ công và tư
3. Cải cách dịch vụ xã hội

## BÀI 5: CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ XÃ HỘI

4 tiết LT, 2 tiết TL

### I. Coi trọng con người hơn mục tiêu phát triển kinh tế

II. Cách dịch vụ xã hội có vai trò quan trọng trong việc kim chế bất bình đẳng đang ngày càng gia tăng

### III. Cách tiếp cận mới về an sinh xã hội

### IV. Một hệ thống lợi ích nhất quán hơn nhằm hỗ trợ tiếp cận toàn dân

### V. Đánh giá lại chính sách xã hội hóa

### VI. Gánh nặng tài chính được chia sẻ công bằng hơn

### VII. giải quyết tình trạng hai cấp trong việc cung cấp dịch vụ

### VIII. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ

### IX. Quản lý khu vực công và tư nhân hiệu quả hơn

## 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

### 5.1 Hình thức giảng dạy

Lên lớp

### 5.2 Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)...

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Giáo trình

- Bùi Thị Chóm (2008), Giáo trình Ưu đãi xã hội, NXB Lao động – Xã hội
- Nguyễn Văn Định (2008), Giáo trình An sinh xã hội, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Trần Xuân Kỳ (2007), Giáo trình Trợ giúp xã hội, NXB Lao động – Xã hội.
- Nguyễn Thị Oanh (1997), Giáo trình An sinh xã hội và các vấn đề xã hội, trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.

### 6.2 Bài giảng

- Báo cáo quốc gia về phát triển con người năm 2011, Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người.
- Đề cương Dịch vụ xã hội, Đại học Mở, TP.HCM

### 6.3 Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Hiến, Vai trò của nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ công - nhận thức, thực trạng và giải pháp, Hà Nội, 2002
- Lê Chi Mai, Cải cách dịch vụ công ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong học tập.

### 7.2 Giữa kỳ: 20%

### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phan Thị Kim Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**42. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI GIA ĐÌNH**

**Mã học phần: 1100234**

**Tên tiếng Anh: Social works with family**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với gia đình
- Mã học phần: 1100234 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20
  - + Làm bài tập trên lớp: 05
  - + Thảo luận: 10
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản nhằm giúp người học thực hành tốt vai trò và nhiệm vụ trong quá trình can thiệp giải quyết những vấn đề cơ bản nảy sinh trong đời sống các gia đình, bao gồm: đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương cho các thân chủ

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức về gia đình và công tác xã hội với gia đình: khái niệm, chức năng và các đặc trưng cơ bản của gia đình Việt Nam; các khái niệm liên quan đến công tác xã hội với gia đình, trị liệu gia đình, những nhu cầu và vấn đề cơ bản cần chú trọng trong quá trình tiếp cận giải quyết. Giúp người học hiểu biết về chính sách liên quan tới gia đình, có thể tạo cầu nối giữa gia đình và các chính sách liên quan

- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá một cách thấu đáo và có tính phân biện các vấn đề của thân chủ, từ đó xây dựng, thiết kế các kế hoạch can thiệp, các dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho gia đình

- Về thái độ: Giúp người học hiểu vai trò chuyên môn của mình, có thái độ đúng mực và chuyên nghiệp của một nhân viên công tác xã hội làm việc với gia đình

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến gia đình và công tác xã hội với gia đình. Học phần giúp người học nắm bắt được các nhu cầu cơ bản của gia đình và những vấn đề thường gặp phải trong đời sống gia đình hiện nay: vấn đề hôn nhân, bạo lực, xung đột gia đình ... Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên nắm bắt được quy trình giải quyết vấn đề gia đình dưới góc độ ngành công tác xã hội. Nhiều kỹ năng cơ bản của nhân viên công tác xã hội được đề cập, nhằm giúp sinh viên học tập và thực hành khi trợ giúp các gia đình có vấn đề

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

*Chương I: Những vấn đề chung về công tác xã hội với gia đình*

( 5 tiết LT, 2 tiết BT, 3 TL)

1. Sơ lược lịch sử công tác xã hội với gia đình
  - 1.1. Sự ra đời của các tổ chức tiền thân của công tác xã hội với gia đình
  - 1.2. Phương pháp thực hành công tác xã hội với gia đình và quá trình phát triển của nó
2. Các khái niệm
  - 2.1. Khái niệm về gia đình và chức năng của gia đình
    - 2.1.1. Khái niệm gia đình
    - 2.1.2. Chức năng của gia đình
    - 2.1.3. Phân loại gia đình
    - 2.1.4. Đặc trưng của gia đình Việt Nam
  - 2.2. Công tác xã hội với gia đình
    - 2.2.1. Khái niệm
    - 2.2.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội với gia đình

- 2.2.2.1. Vai trò kết nối
- 2.2.2.2. Vai trò biện hộ
- 2.2.2.3. Vai trò hòa giải
- 2.2.2.4. Vai trò giáo dục
- 2.2.2.5. Vai trò tham vấn
- 2.3. Các khái niệm liên quan khác
  - 2.3.1. Trị liệu gia đình
  - 2.3.2. Tham vấn gia đình
  - 2.3.3. Gia đình học
- 3. Những vấn đề cần chú trọng trong công tác xã hội với gia đình
  - 3.1. Áp lực từ hệ thống vĩ mô (vấn đề về văn hóa, xã hội và chính trị)
  - 3.2. Lợi ích của cá nhân hay gia đình
  - 3.3. Sự chấp thuận được thông báo trước
- 4. Các vấn đề thường gặp phải và nhu cầu của gia đình
  - 4.1 Những lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình
    - 4.1.1. Gia đình nghèo
    - 4.1.2. Gia đình có bạo lực
    - 4.1.3. Gia đình có thành viên lạm dụng chất gây nghiện
    - 4.1.4. Gia đình mối quan hệ lỏng lẻo và xung đột giữa các thế hệ
    - 4.1.5. Vấn đề giáo dục con cái trong gia đình
    - 4.1.6. Vấn đề ly hôn trong gia đình
  - 4.2. Cấp bậc nhu cầu của gia đình-những vấn đề và cách can thiệp phù hợp
    - 4.2.1. Nhu cầu gia đình cấp I
    - 4.2.2. Nhu cầu gia đình cấp II
    - 4.2.3. Nhu cầu gia đình cấp III

#### 4.2.4. Nhu cầu gia đình cấp IV

### 5. Văn bản pháp luật và chính sách của Việt Nam về gia đình

#### 5.1. Văn bản pháp luật

##### 5.1.1. Văn bản pháp luật về Hôn nhân và gia đình

##### 5.1.2. Luật đất đai

##### 5.1.3. Luật thừa kế

##### 5.1.4. Luật bình đẳng giới

#### 5.2. Chính sách liên quan

##### 5.2.1. Gia đình nghèo

##### 5.2.2. Gia đình chính sách

### *Chương II: Các cách tiếp cận trong công tác xã hội với gia đình*

( 5 tiết LT, 1 tiết BT, 3 TL)

#### 1. Tiếp cận thông qua hệ sinh thái

##### 1.1. Giới thiệu chung về lý thuyết hệ thống và sinh thái

##### 1.2. Quan niệm về hệ thống gia đình trong khung lý thuyết hệ sinh thái

##### 1.3. Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội với gia đình

#### 2. Tiếp cận trị liệu cấu trúc gia đình

##### 2.1. Giới thiệu chung về thuyết cấu trúc gia đình

##### 2.2. Chiến lược của phái Cấu Trúc Gia Đình và ứng dụng trong công tác xã hội

#### 3. Tiếp cận trị liệu tập trung vào giải pháp

##### 3.1. Giới thiệu chung về mô hình tập trung vào giải pháp

##### 3.2. Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội với gia đình

#### 4. Tiếp cận can thiệp thông qua học tập xã hội



- 4.1. Giới thiệu chung
- 4.2. Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội với gia đình
- 5. Tiếp cận can thiệp dựa vào hệ thống gia đình
  - 5.1. Giới thiệu chung về lý thuyết hệ thống gia đình
  - 5.2. Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội với gia đình
- 6. Tiếp cận can thiệp dựa trên phương pháp kể chuyện và sử dụng trò chơi truyền thống
  - 6.1. Giới thiệu chung
  - 6.2. Ứng dụng vào thực hành công tác xã hội với gia đình.

*Chương III: Phương pháp công tác xã hội làm việc với gia đình*

( 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

- 1. Tiến trình công tác xã hội với gia đình
  - 1.1. Giai đoạn bắt đầu
  - 1.2. Giai đoạn can thiệp
  - 1.3. Giai đoạn kết thúc
- 2. Các phương pháp làm việc cụ thể
  - 2.1. Phương pháp làm việc với gia đình dựa trên quan điểm thế mạnh
    - 2.1.1. Khái niệm
    - 2.1.2. Nguyên tắc chính của quan điểm thế mạnh khi làm việc với gia đình
    - 2.1.3. Phương pháp làm việc với gia đình dựa trên quan điểm thế mạnh
  - 2.2. Phương pháp quản lý trường hợp trong làm việc với gia đình
    - 2.1.1. Khái niệm quản lý ca
    - 2.1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của quản lý ca theo cấp độ nhu cầu
    - 2.1.3. Tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu

- 2.1.3.1. Tiếp nhận ca/mở hồ sơ
- 2.1.3.2. Thu thập thông tin
- 2.1.3.3. Đánh giá cấp độ nhu cầu gia đình
- 2.1.3.4. Xây dựng kế hoạch giúp đỡ
- 2.1.3.5. Hỗ trợ triển khai kế hoạch
- 2.1.3.6. Lượng giá và đóng hồ sơ
- 3. Một số công cụ để đánh giá cá nhân và gia đình
  - 3.1. Sơ đồ phá hệ gia đình
- 3.2. Bản đồ sinh thái

*Chương IV: Một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình*

( 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

- 1. Vãng gia
  - 1.1. Khái niệm
  - 1.2. Mục tiêu
  - 1.3. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội
- 2. Kỹ năng quan sát
  - 2.1. Khái niệm
  - 2.2. Nội dung
  - 2.3. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội
- 3. Kỹ năng biện hộ
  - 3.1. Khái niệm
  - 3.2. Mục tiêu
  - 3.3. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội
- 4. Kỹ năng tham vấn gia đình
  - 4.1. Khái niệm
  - 4.2. Các bước trong tham vấn gia đình
- 5. Kỹ năng vẽ sơ đồ phá hệ

- 5.1. Khái niệm
  - 5.2. Các bước vẽ sơ đồ phá hệ
  - 5.3. Một số lưu ý khi vẽ sơ đồ phá hệ
  - 6. Kỹ năng tổ chức các buổi họp gia đình
    - 6.1. Các bước tổ chức các buổi họp gia đình
  - 6.2. Những lưu ý khi tổ chức các buổi họp gia đình
- Chương V: Một số lĩnh vực thực hành công tác xã hội với gia đình  
( 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

- 1. Công tác xã hội với gia đình nghèo
  - 1.1. Khái niệm cơ bản
  - 1.2. Nguyên nhân, hậu quả nghèo đói
  - 1.3. Nguyên tắc làm việc với gia đình nghèo
  - 1.4. Một số hoạt động CTXH trong trợ giúp gia đình nghèo
- 2. Công tác xã hội với gia đình có người khuyết tật
  - 2.1. Khái niệm người khuyết tật
  - 2.2. Những đặc điểm tâm lý xã hội, khó khăn đối với gia đình có người khuyết tật
  - 2.3. Một số hoạt động CTXH trong trợ giúp gia đình có người khuyết tật
- 3. CTXH với gia đình có bạo lực
- 4. CTXH với gia đình có người nghiện chất gây nghiện
- 5. Công tác xã hội với gia đình vấn đề ly hôn trong gia đình

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1. Hình thức giảng dạy:** giảng dạy trên lớp, kết hợp làm bài tập và thảo luận nhóm nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên.

**5.2. Phương pháp giảng dạy:**

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projecto (bài giảng được soạn trên phần mềm Power Point)

- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.

- Coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp người học tự tìm kiếm và xử lý thông tin trên các phương tiện hiện đại để phục vụ môn học.

- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.

- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Tài liệu tham khảo

- Đặng Cảnh Khanh, (2003), *Gia đình, trẻ em và sự kế thừa các giá trị truyền thống*, NXB Lao động - Xã hội
- Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý (2009), *Gia đình học*, Nxb Chính trị – Hành chính
- Lê Ngọc Hùng (2002) – “*Lịch sử và lý thuyết xã hội học*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
- Nguyễn Thị Thái Lan – TS. Bùi Thị Xuân Mai (2011) – “*Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình*”, NXB Lao động – Xã hội
- Nguyễn Thị Thái Lan (chủ biên), *Giáo trình công tác xã hội nhóm*. NXB lao động-xã hội
- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và Nghị định hướng dẫn thi hành (2005), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Luật giáo dục, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, (2010)
- Bùi Thị Xuân Mai (2010), *Giáo trình nhập môn công tác xã hội* - NXB Đại học Lao động xã hội
- Nguyễn Duy Nhiên (2008), *Nhập môn Công tác xã hội*, NXB Lao động


### 6.2 Bài giảng

Nguyễn Văn Nga, Công tác xã hội với gia đình, Trường đại học Quy Nhơn, 2015


## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Yêu cầu	Trọng số
7.1. Chuyên cần	- Tham dự đầy đủ các buổi học; - Hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ.....	10%
7.2. Giữa kì	Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân, nhóm.	20%
7.3. Thi cuối kì	Yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi học và các yêu cầu khác về đạo đức	70%
<b>7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:</b> - Kiểm tra giữa kì: sau khi kết thúc ½ chương trình của học phần - Thi cuối kì: Theo lịch chung của Trường		

TRƯỞNG KHOA

  
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

  
ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

  
Ths. Nguyễn Văn Nga



### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Xã hội học truyền thông đại chúng là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như: Các khái niệm truyền thông đại chúng, các hướng tiếp cận truyền thông đại chúng, các lĩnh vực nghiên cứu truyền thông đại chúng và mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội... Qua đó, người học được nâng cao kiến thức về truyền thông đại chúng giúp hỗ trợ làm công tác xã hội.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TRUYỀN THÔNG, TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG, XÃ HỘI HỌC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL, 15 giờ tự học

#### I. Các khái niệm cơ bản

1. Truyền thông
2. Quy trình truyền thông
3. Công chúng
4. Truyền thông đại chúng
5. Phương tiện truyền thông đại chúng
6. Định chế truyền thông đại chúng
  - 6.1 Đặc trưng tổng quát của định chế truyền thông trong xã hội hiện đại
  - 6.2 Vai trò của định chế truyền thông
  - 6.3 Định chế truyền thông tại một số nước phương Tây

#### II. Vài nét về lịch sử truyền thông đại chúng

CHƯƠNG 2: CÁC LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VỀ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

5 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL, 10 giờ tự học

#### I. Lý thuyết mũi kim tiêm

#### II. Lý thuyết dòng chảy nhiều bước

#### III. Lý thuyết chức năng

#### IV. Lý thuyết phê phán

#### III. Một vài hướng tiếp cận khác

1. Lý thuyết quyết định luận kỹ thuật
2. Lý thuyết thiết lập lịch trình
3. Trào lưu nghiên cứu văn hóa

CHƯƠNG 3: CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CỦA XÃ HỘI HỌC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG 5 tiết LT, 1 tiết BT, 3 tiết TL, 15 giờ tự học

#### I. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về công chúng

1. Khái niệm công chúng truyền thông

2. Những đặc điểm công chúng truyền thông
3. Ứng xử truyền thông của công chúng truyền thông
4. Phương pháp nghiên cứu

II. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về hoạt động truyền thông và các nhà truyền thông

1. Đặc điểm của tổ chức truyền thông và nhà truyền thông
2. Lao động của các nhà truyền thông
3. Nghề làm báo

III. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về nội dung truyền thông

1. Khái niệm nội dung truyền thông
2. Những đặc điểm của nội dung truyền thông
3. Phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 4: DƯ LUẬN XÃ HỘI 5 tiết LT, 1 tiết BT, 3 tiết TL, 15 giờ tự học

I. Quá trình hình thành và biến đổi của dư luận xã hội

II. Định nghĩa dư luận xã hội

III. Các bước hình thành dư luận xã hội

IV. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành dư luận xã hội

V. Nội dung của dư luận xã hội

VI. Tính chất của dư luận xã hội

VI. Các chức năng và ý nghĩa của việc nghiên cứu dư luận xã hội

1. Các chức năng của dư luận xã hội
2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu dư luận xã hội

VII. Tổ chức điều tra, thăm dò dư luận xã hội

1. Các phương pháp điều tra, thăm dò dư luận xã hội
2. Yêu cầu của việc tìm hiểu dư luận xã hội
3. Vấn đề sử dụng các kết quả điều tra, thăm dò dư luận xã hội

VIII. Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Giáo trình**

- Trần Hữu Quang, Xã hội học báo chí, NXB Trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, TP. HCM, 2006.

- Trần Hữu Quang, Xã hội học Truyền Thông Đại Chúng, NXB Đại Học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh, 1997

- Tạ Ngọc Tấn, Truyền thông đại chúng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.

#### **6.2 Tài liệu tham khảo**

- Trần Hữu Quang, Chân dung công chúng truyền thông, NXB TP. HCM, 2001.

- Trần Hữu Quang, Khảo sát mức độ theo dõi các phương tiện truyền thông đại chúng ở TP.HCM, (tạp chí xã Hội học số 2/1998)

- Huỳnh Văn Tông, Lịch sử báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1945, 2006.

- Trần Ngọc Tăng, Vai trò của Truyền Thông Đại chúng trong giáo dục thẩm mỹ ở nước ta hiện nay, NXB CTQG, 2001

#### **7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

##### **7.1 Chuyên cần: 10%**

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

##### **7.2 Giữa kỳ: 20%**

##### **7.3 Thi cuối kỳ: 70%**

##### **7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



TS. Đinh Anh Tuấn

ThS. Phan Thị Kim Dung

ThS. Phan Thị Kim Dung



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**44. Học phần: BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100236**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Bảo hiểm xã hội
- Mã học phần: 1100236      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Nhập môn công tác xã hội
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Trình bày những lý luận cơ bản về bảo hiểm xã hội. Bao gồm khái quát chung về bảo hiểm xã hội. Sơ lược hình thành, phát triển của bảo hiểm xã hội và kinh nghiệm bảo hiểm xã hội của các nước trên thế giới. Các chính sách bảo hiểm xã hội và tài chính bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm hưu trí và tử tuất. Bảo hiểm xã hội ngắn hạn bao gồm: Bảo hiểm ốm đau, bảo hiểm thai sản, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp bảo hiểm y tế, tình hình thực hiện và xu hướng bảo hiểm xã hội ở Việt Nam và tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần**

- Kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tổng quan về bảo hiểm xã hội và các vấn đề liên quan; lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao nhận thức về chuyên ngành.

- Kỹ năng: Nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận. Hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bảo hiểm xã hội nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm xã hội và nhận biết về thực tế bảo hiểm xã hội nước ta. Từ đó, sinh viên có thể thực hiện được một số nghiệp vụ cơ bản trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội.

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

#### **PHẦN I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

##### **Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI (2 tiết LT)**

1. Đối tượng, nội dung của môn học bảo hiểm xã hội
  - 1.1 Đối tượng nghiên cứu
  - 1.2 Nhiệm vụ nghiên cứu
  - 1.3 Những nội dung cơ bản của môn học bảo hiểm xã hội
2. Khái niệm, bản chất và phân loại bảo hiểm xã hội
  - 2.1 Khái niệm bảo hiểm xã hội
  - 2.2 Bản chất của bảo hiểm xã hội
  - 2.3 Phân loại bảo hiểm xã hội
  - 2.4 Phân biệt bảo hiểm xã hội với bảo hiểm thương mại
3. Vai trò, chức năng của bảo hiểm xã hội
  - 3.1 Vai trò của bảo hiểm xã hội
  - 3.2 Chức năng của bảo hiểm xã hội
4. Các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm xã hội
5. Các nội dung cơ bản của bảo hiểm xã hội
  - 5.1 Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội
  - 5.2 Các chế độ bảo hiểm xã hội
  - 5.3 Tài chính của bảo hiểm xã hội
  - 5.4 Quản lý bảo hiểm xã hội

##### **Chương 2: SƠ LƯỢC HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ KINH NGHIỆM BẢO HIỂM XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI (2 tiết LT, 1 tiết BT, 1 tiết TL)**

1. Lịch sử hình thành và phát triển bảo hiểm xã hội trên thế giới
  - 1.1 Sự hình thành và phát triển của bảo hiểm
  - 1.2 Sự hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội
  - 1.3 Vai trò của Tổ chức Lao động Quốc tế đối với sự phát triển của bảo hiểm xã hội
2. Một số mô hình bảo hiểm xã hội trên thế giới
  - 2.1 Mô hình PAYG

2.2 Mô hình mức đóng xác định trước bắt buộc – MDC

2.3 Mô hình bảo hiểm xã hội tự nguyện bổ sung- VFS

2.4 Mô hình tài khoản cá nhân tượng trưng- NDC

3. Lịch sử hình thành và phát triển bảo hiểm xã hội ở Việt Nam

3.1 Thời kỳ trước năm 1945

3.2 Thời kỳ từ năm 1945 đến 1961

3.3. Thời kỳ từ năm 1962 đến năm 1994

3.4 Thời kỳ từ năm 1995 đến nay

Chương 3: CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI ( 2 tiết LT, 1 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Khái niệm chính sách bảo hiểm xã hội

1.1. Khái niệm liên quan

1.2. Chính sách bảo hiểm xã hội

2. Cơ sở xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

2.1. Đường lối chính sách của Nhà nước

2.2. Cơ sở khoa học của bảo hiểm xã hội

2.3. Khả năng của nền kinh tế

2.4. Điều kiện lịch sử

3. Chính sách bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội

3.1. Khái niệm và vai trò của an sinh xã hội

3.2. Chính sách bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội

4. Xây dựng chính sách và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội

4.1. Quan điểm xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

4.2. Quy trình xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

4.3. Xây dựng và ban hành Luật bảo hiểm xã hội

5. Tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

5.1. Chuẩn bị triển khai chính sách

5.2. Triển khai chính sách

5.3. Kiểm tra và điều chỉnh chính sách bảo hiểm xã hội

6. Vai trò của công đoàn và tổ chức đại diện người sử dụng lao động tham gia xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

6.1. Vai trò của tổ chức công đoàn tham gia xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

6.2. Vai trò của tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong tham gia xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội

Chương 4: TÀI CHÍNH BẢO HIỂM XÃ HỘI (1 tiết LT, 1 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Bản chất của tài chính bảo hiểm xã hội

## 1.2 Khái niệm

### 1.2 Bản chất của tài chính bảo hiểm xã hội

## 2. Chức năng của tài chính bảo hiểm xã hội

## 3. Phí bảo hiểm xã hội

### 3.1 Khái niệm

### 3.2 Phân loại phí bảo hiểm xã hội

### 3.3 Cơ sở xác định phí bảo hiểm xã hội

### 3.4 Phương pháp xác định phí bảo hiểm xã hội

## 4. Quỹ bảo hiểm xã hội

### 4.1 Khái niệm

### 4.2 Quỹ bảo hiểm xã hội trong hệ thống tài chính ở Việt Nam

### 4.3 Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm xã hội

### 4.4 Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội

### 4.5 Đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội

## 5. Cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội

### 5.1 Cơ chế tài chính đối với các chế độ ngắn hạn

### 5.2 Cơ chế tài chính đối với các chế độ dài hạn

## 6. Dự báo tài chính bảo hiểm xã hội

### 6.1 Dự báo tài chính bảo hiểm xã hội theo mô hình VSIM

### 6.2 Dự báo tài chính bảo hiểm hưu trí

## PHẦN II: BẢO HIỂM HƯU TRÍ VÀ TỬ TUẤT (4 tiết)

### Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO HIỂM HƯU TRÍ (1 tiết LT, 1 tiết TL)

#### 1. Khái niệm bảo hiểm hưu trí

#### 2. Vai trò, tác dụng của bảo hiểm hưu trí

#### 3. Các nguyên tắc của bảo hiểm hưu trí

#### 4. Nội dung của bảo hiểm hưu trí

##### 4.1 Đối tượng của bảo hiểm hưu trí

##### 4.2 Điều kiện hưởng chế độ hưu trí

##### 4.3 Tài chính của bảo hiểm hưu trí

#### 5. Bảo hiểm hưu trí ở một số nước trên thế giới

##### 5.1 Chế độ hưu trí ở Nhật Bản

##### 5.2 Chế độ hưu trí ở Cộng hòa Liên bang Đức

##### 5.3 Bảo hiểm hưu trí ở một số nước khác

#### 6. Quá trình hình thành và phát triển bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam

##### 6.1 Giai đoạn từ năm 1950 đến năm 1961

- 6.2 Giai đoạn từ tháng 1/1962 đến tháng 8/1985
- 6.3 Giai đoạn từ ngày 1/9/1985 đến ngày 31/12/1993
- 6.4 Giai đoạn từ ngày 1/1/1994 đến nay

## Chương 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÁC ĐỊNH TUỔI HƯU TRÍ VÀ THỜI GIAN ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI( 1 tiết LT, 1 tiết TL)

- 1. Phương pháp luận xác định tuổi hưu trí
  - 1.1 Hệ thống các điều kiện xác lập chế độ hưu trí
  - 1.2 Vai trò của tuổi đời trong việc xác lập chế độ hưu trí
  - 1.3 Phương pháp xác định tuổi hưu trí
- 2. Phương pháp xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội
  - 2.1 Sự cần thiết xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội
  - 2.2 Phương pháp xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội

## Chương 3: CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM HƯU TRÍ Ở VIỆT NAM( 1 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 1 tiết TL, 1 tiết BT)

- 3. Bảo hiểm hưu trí bắt buộc
  - 3.1 Đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bắt buộc
  - 3.2 Quỹ bảo hiểm hưu trí
  - 3.3 Mức đóng và phương thức đóng bảo hiểm hưu trí
  - 3.4 Tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm hưu trí bắt buộc
  - 3.5 Chế độ hưu trí
  - 3.6 Quyền, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức bảo hiểm xã hội trong bảo hiểm hưu trí
- 4. Bảo hiểm hưu trí tự nguyện
  - 4.1 Đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện
  - 4.2 Điều kiện hưởng lương hưu trong hưu trí tự nguyện
  - 4.3 Mức lương hưu trí tự nguyện hàng tháng
  - 4.4 Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu trong hưu trí tự nguyện
  - 4.5 Bảo hiểm xã hội một lần đối với người không đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng trong bảo hiểm hưu trí
  - 4.6 Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần
  - 4.7 Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội
  - 4.8 Mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội
  - 4.9 Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện
  - 4.10 Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện
  - 4.11 Mức đóng và phương thức đóng của người lao động trong bảo hiểm xã hội tự nguyện

#### 4.12 Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội tự nguyện

#### Chương 4: CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT( 1 tiết LT, 1 tiết TL)

1. Khái niệm, ý nghĩa của chế độ tử tuất
  - 1.1 Khái niệm chế độ tử tuất
  - 1.2 Ý nghĩa chế độ tử tuất
2. Chế độ tử tuất đối với bảo hiểm xã hội bắt buộc
  - 2.1 Chế độ trợ cấp mai táng
  - 2.2 Chế độ trợ cấp tuất
3. Chế độ tử tuất đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện

#### PHẦN III: BẢO HIỂM XÃ HỘI NGẮN HẠN (9 tiết)

#### Chương 1: BẢO HIỂM ÔM ĐAU(1 tiết LT, 1 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Khái niệm và ý nghĩa của bảo hiểm ốm đau
  - 1.1 Khái niệm bảo hiểm ốm đau
  - 1.2 Ý nghĩa của bảo hiểm ốm đau
2. Sơ lược sự hình thành và phát triển bảo hiểm ốm đau
3. Đối tượng, phạm vi bảo hiểm ốm đau
4. Nội dung của chế độ bảo hiểm ốm đau
  - 4.1 Chế độ đối với người lao động bị ốm đau, tai nạn rủi ro
  - 4.2 Chế độ đối với người chăm sóc con ốm đau

#### Chương 2: BẢO HIỂM THAI SẢN( 1 tiết LT, 1 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Khái niệm và ý nghĩa của bảo hiểm thai sản
  - 1.1 Khái niệm bảo hiểm thai sản
  - 1.2 Ý nghĩa của bảo hiểm thai sản
2. Sơ lược sự hình thành và phát triển của bảo hiểm thai sản
3. Đối tượng, phạm vi của bảo hiểm thai sản
4. Nội dung của chế độ thai sản
  - 4.1 Điều kiện hưởng chế độ thai sản
  - 4.2 Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản
  - 4.3 Mức hưởng chế độ thai sản và cách tính
  - 4.4 Chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau sinh

#### Chương 3: BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP( 2 tiết LT)

1. Khái niệm, mục đích và vai trò của bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
  - 1.1 Khái niệm
  - 1.2 Mục đích, ý nghĩa của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
  - 1.3 Vai trò của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

2. Sơ lược sự hình thành và phát triển bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
3. Đối tượng, phạm vi bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
  - 3.1 Đối tượng tham gia và hưởng bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
  - 3.2 Phạm vi bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
4. Nội dung của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
  - 4.1 Điều kiện hưởng
  - 4.2 Chế độ với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
5. Nội dung của chế độ thai sản tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
  - 5.1 Điều kiện hưởng
  - 5.2 Chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

#### Chương 4: BẢO HIỂM Y TẾ (2 tiết LT, 1 tiết TL)

1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về bảo hiểm y tế
  - 1.1 Khái niệm
  - 1.2 Ý nghĩa, vai trò của bảo hiểm y tế
  - 1.3 Đặc trưng cơ bản của bảo hiểm y tế
  - 1.4 Nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm y tế
  - 1.5 Các loại hình bảo hiểm y tế
  - 1.6 Quỹ bảo hiểm y tế và các hệ thống thực hiện bảo hiểm
2. Bảo hiểm y tế ở Việt Nam
  - 2.1 Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế
  - 2.2 Điều kiện hưởng bảo hiểm y tế
  - 2.3 Các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế
  - 2.4 Chế độ hưởng của bảo hiểm y tế
  - 2.5 Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
  - 2.6 Quỹ bảo hiểm y tế
  - 2.7 Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến bảo hiểm y tế
  - 2.8 Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và xử lý vi phạm về bảo hiểm y tế

#### Chương 5: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ XU HƯỚNG BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (2 tiết LT)

1. Tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc
  - 1.1 Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc
  - 1.2 Tài chính doanh nghiệp bắt buộc
2. Tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện
3. Tình hình thực hiện bảo hiểm y tế
  - 3.1 Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

- 3.2 Phạm vi quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế
- 3.3. Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh à thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế
- 3.4 Thu, chi quỹ bảo hiểm y tế
- 3.5 Đánh giá chung về bảo hiểm y tế hiện nay
- 4. Tình hình thông tin quản lý bảo hiểm xã hội
  - 4.1 Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá hoạt động của hệ thống bảo hiểm xã hội
  - 4.2 Đánh giá sử dụng bộ chỉ số về bảo hiểm xã hội
- 5. Chế tài đối với những vi phạm trong thực hiện chế độ chính sách bảo hiểm xã hội
- 6. Xu hướng phát triển bảo hiểm xã hội ở Việt Nam
  - 6.1 Xây dựng hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế
  - 6.2 Bảo hiểm xã hội phát triển theo diện rộng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội
  - 6.3 Bảo hiểm xã hội hoạt động theo nguyên tắc tự cân đối thu- chi
  - 6.4 Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy bảo hiểm xã hội Việt Nam
  - 6.5 Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội
  - 6.6 Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thông tin bảo hiểm xã hội

#### Chương 6: TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI (1 tiết LT)

- 1. Tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội của một số nước
  - 1.1 Mỹ
  - 1.2 Nhật Bản
- 2. Khái quát về quản lý bảo hiểm xã hội
  - 2.1 Khái niệm
  - 2.2 Chức năng quản lý nhà nước về Bảo hiểm xã hội
  - 2.3 Nội dung quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội
  - 2.4 Công cụ quản lý bảo hiểm xã hội
  - 2.5 Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội
- 3. Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội ở Việt Nam
  - 3.1 Khái quát
  - 3.2 Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội
- 4. Tổ chức quản lý sự nghiệp bảo hiểm xã hội
  - 4.1 Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội Việt Nam
  - 4.2 Cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam
  - 4.3 Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố( trực thuộc trung ương)
  - 4.4 Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện/quận
- 5. Những tích cực và tồn tại của quản lý bảo hiểm xã hội ở Việt Nam



5.1 Ưu điểm của quản lý bảo hiểm xã hội

5.2 Tồn tại của quản lý bảo hiểm xã hội

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

**5.1 Phương pháp**

Thuyết trình

Vấn đáp

Nêu vấn đề

**5.2 Hình thức giảng dạy**

- Lên lớp

- Thảo luận

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Giáo trình**

1. Nguyễn Tiệp(2011), Giáo trình bảo hiểm xã hội, NXB Lao động-Xã hội

2. Nguyễn Văn Định(2012), Giáo trình Bảo Hiểm, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

**6.2 Bài giảng**

Võ Thị Diệu Quế, Bảo hiểm xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% bao gồm điểm danh, ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2. Giữa kì:** 20%

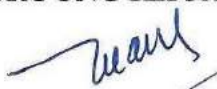
**7.3. Thi cuối kì:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỜNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỜNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Diệu Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**45. HỌC PHẦN: Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn**

**Mã học phần: 1100237**

**Tên tiếng Anh: Social work with people with standard deviation**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn
- Mã học phần: 1100237 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20
  - + Làm bài tập trên lớp: 5
  - + Thảo luận: 10
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về hành vi lệch chuẩn, công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn. Qua đó, hình thành cho người học những kỹ năng trong việc đánh giá đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu và các nguồn lực sẵn có nhằm trợ giúp những người có hành vi lệch chuẩn thay đổi hành vi, hội nhập với cuộc sống cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ:

- Về kiến thức: nắm được những nội dung kiến thức khoa học và thực tiễn về lệch chuẩn và những hành vi lệch chuẩn, đặc biệt giúp sinh viên nâng cao nhận thức về những hành vi lệch chuẩn dẫn đến những hành vi vi phạm các chuẩn mực, giá trị văn hóa, đạo đức, thậm chí vi phạm pháp luật, gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

- Về kỹ năng: rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các hành vi lệch chuẩn, đồng thời giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với các hành vi lệch chuẩn nhằm góp phần điều chỉnh hành vi của các cá nhân, nhóm, cộng đồng, hướng tới một xã hội ổn định, lành mạnh và tiến bộ.

- Về thái độ: nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội, không định kiến, mặc cảm, luôn sẵn sàng giúp đỡ cá nhân, nhóm, cộng đồng tự điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với các chuẩn mực, quy tắc chung của xã hội.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lệch chuẩn, các hành vi lệch chuẩn và những biểu hiện cụ thể của các hành vi lệch chuẩn trong đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Một số phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội tiếp tục được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp với nhóm nổi tượng có hành vi lệch chuẩn.

Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với đồng loại, tích cực ngăn ngừa những hành vi lệch chuẩn, hướng đến một xã hội tốt đẹp.

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương I: KHÁI QUÁT VỀ LỆCH CHUẨN VÀ HÀNH VI LỆCH CHUẨN**

(8 lý thuyết, 4 thảo luận)

##### **1. Một số khái niệm cơ bản**

1.1. Lệch chuẩn

1.2. Hành vi lệch chuẩn

1.3. Người có hành vi lệch chuẩn

##### **2. Phân loại hành vi lệch chuẩn**

2.1. Căn cứ vào nội dung, tính chất của các chuẩn mực xã hội bị xâm hại

2.2. Căn cứ vào thái độ, tâm lí chủ quan của người thực hiện hành vi sai lệch

##### **3. Một số nguyên nhân và hậu quả của lệch chuẩn hành vi**

3.1. Nguyên nhân sinh học

3.2. Nguyên nhân do sức khỏe, bệnh tật

3.3. Nguyên nhân xã hội

#### **Chương II: KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN (7 lý thuyết, 1 bài tập, 2 thảo luận)**

##### **1. Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn**

- 1.1. Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn là gì?
- 1.2. Đối tượng công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn
- 1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn
- 1.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với người có hành vi lệch chuẩn
2. Định hướng tiếp cận và trị liệu đối với người có hành vi lệch chuẩn
  - 2.1. Quan điểm y tế
  - 2.2. Quan điểm phân tâm học
  - 2.3. Quan điểm hành vi và nhận thức
  - 2.4. Quan điểm nhân văn
  - 2.5. Định hướng trị liệu nhân mạnh dựa trên lý thuyết hệ thống sinh thái

### Chương III: MỘT SỐ DẠNG HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ CAN THIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI (15 lý thuyết, 4 bài tập, 4 thảo luận)

1. Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn liên quan đến các chất gây nghiện
  - 1.1. Người có hành vi nghiện rượu
  - 1.2. Người có hành vi nghiện ma túy
2. Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn liên quan đến tình dục và các hoạt động mại dâm
  - 2.1. Người có hành vi lệch chuẩn liên quan đến tình dục
  - 2.2. Người có hành vi lệch liên quan đến các hoạt động mại dâm
3. Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn liên quan đến bệnh thái nhân cách
4. Công tác xã hội với hành vi tự sát ở thanh thiếu niên
  - 4.1. Khái niệm và mức độ tự sát
  - 4.2. Đặc điểm tự sát thanh thiếu niên
  - 4.3. Nguyên nhân tự sát thanh thiếu niên
  - 4.4. Hướng trị liệu trong công tác xã hội
5. Công tác xã hội với người có Hành vi lệch chuẩn trong đời sống hôn nhân gia đình
6. Công tác xã hội với hành vi phạm pháp ở thanh thiếu niên
  - 6.1. Khái niệm hành vi phạm pháp
  - 6.2. Một số loại hành vi phạm pháp ở thanh thiếu niên
    - 6.2.1. Hành vi bỏ trốn
    - 6.2.2. Hành vi ăn cắp
    - 6.2.3. Hành vi nói dối
    - 6.2.4. Rối loạn hành vi và băng nhóm
    - 6.2.5. Hành vi chống đối xã hội

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy**

**5.1 Hình thức:** lên lớp

**5.2 Phương pháp:** vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, hoạt động nhóm.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

**6.1 Tài liệu tham khảo**

- Đại học Mở bán công Thành phố HCM - *Hành vi con người và môi trường xã hội, Tài liệu tập huấn - 1997* - và *Đại học Fordham Hoa Kỳ từ 7 - 18/7/1997.*

- Nguyễn Trọng Đệ - *Tâm lý học dân số* - Hội tâm lý tháng 12/1997.

- ICD-10 phân loại bệnh quốc tế lần thứ X về các rối loạn tâm thần và hành vi - Tổ chức Y tế thế giới 1992.

- John W.Santrock - *Tìm hiểu thế giới tâm lý của tuổi vị thành niên* - NXB Phụ nữ - 2004

- Fontaine - Fletcher - *Chăm sóc sức khỏe tâm trí, Đề án quốc tế "Đào tạo nhân viên chăm sóc sức khỏe ban đầu nơi thôn bản"* - 2001.

- Nguyễn Hồng Hà - *Môi trường Văn hoá với việc xây dựng lối sống con người Việt Nam* - NXB Văn hoá thông tin - 2005

**6.2 Bài giảng**

Nguyễn Thị Tươi, *Lịch lạc xã hội*, Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10%

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2. Giữa kì:** 20%

**7.3. Thi cuối kì:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì:

- Thi cuối kì:

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Thị Hải Lý

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**46. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

**Mã học phần: 1100009**

**Tên tiếng Anh: Social work with disabilit**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với người khuyết tật
- Mã học phần: 1100009                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20
  - + Thảo luận: 10
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Tìm hiểu tổng quan về người khuyết tật, các khái niệm liên quan, những khó khăn của người khuyết tật trong hà nhập cộng đồng và thực trạng người khuyết tật trên thế giới và Việt Nam. Từ đó tìm hiểu đặc điểm tâm lý của người khuyết tật. Những tác động ảnh hưởng tới biểu hiện tâm lý của người khuyết tật. Biện pháp trợ giúp phát triển tâm lý- Xã hội cho người khuyết tật. Các nguyên tắc, vai trò và hướng tiếp cận trong công tác xã hội với người khuyết tật. Kỹ năng và phương pháp công tác xã hội với người khuyết tật. Công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Chính sách pháp luật và dịch vụ cho người khuyết tật.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tổng quan về người khuyết tật và các vấn đề liên quan; thực trạng người khuyết tật trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay; cách thức tác động nhằm hỗ trợ người khuyết tật vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao nhận thức về chuyên ngành.

- Kỹ năng: Nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận. Hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Công tác xã hội với người khuyết tật là một học phần nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm khuyết tật và người khuyết tật, các nguyên nhân gây khuyết tật; những khó khăn của người khuyết tật trong hòa nhập cộng đồng từ đó tìm hiểu đặc điểm tâm lý người khuyết tật và lựa chọn cách thức can thiệp phù hợp để hỗ trợ người khuyết tật vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT( 5 tiết LT, 2 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Khái niệm người khuyết tật
2. Phân loại các dạng khuyết tật
  - 2.1. Phân loại theo nguyên nhân gây khuyết tật
  - 2.2. Phân loại theo nhóm khuyết tật
  - 2.3. Phân loại theo dạng tật
3. Các mức độ khuyết tật
4. Nguyên nhân gây khiếm khuyết và sự hình thành khuyết tật
  - 4.1. Khuyết tật vận động
  - 4.2. Khuyết tật nghe, nói
  - 4.3. Khuyết tật nhìn
  - 4.4. Khuyết tật thần kinh, tâm thần
  - 4.5. Khuyết tật trí tuệ
  - 4.6. Khuyết tật khác
5. Những khó khăn của người khuyết tật trong hòa nhập cộng đồng
  - 5.1. Học tập
  - 5.2. Việc làm
  - 5.3. Hôn nhân
  - 5.4. Kỳ thị/phân biệt đối xử
  - 5.5. Bạo lực
  - 5.6. Đời sống
6. Thực trạng người khuyết tật trên thế giới và ở Việt Nam
  - 6.1. Tình hình người khuyết tật trên thế giới
  - 6.2. Tình hình người khuyết tật ở Việt Nam

Chương 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT( 4 tiết LT, 2 tiết TL, 1 tiết BT)

1. Những luận điểm xuất phát về sự phát triển tâm lý của người khuyết tật

2. Một số biểu hiện tâm lý của người khuyết tật
3. Những tác động ảnh hưởng tới biểu hiện tâm lý của người khuyết tật
  - 3.1. Tác động về mặt sinh học
  - 3.2. Tác động từ môi trường sống
  - 3.3. Tác động từ hoạt động cá nhân
4. Biện pháp trợ giúp phát triển tâm lý- Xã hội cho người khuyết tật
5. Đời sống người khuyết tật trong gia đình và xã hội
  - 5.1. Thích nghi tại nhà và cộng đồng
  - 5.2. Tình yêu, tình dục, hôn nhân và đời sống gia đình người khuyết tật
  - 5.3. Giáo dục tại nhà, ở trường và trong công việc
  - 5.4. Đào tạo và khả năng tạo việc làm

### Chương 3: NGUYÊN TẮC, VAI TRÒ VÀ HƯỚNG TIẾP CẬN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT( 4 tiết LT, 1 tiết BT)

1. Các nguyên tắc hỗ trợ của nhân viên chăm sóc người khuyết tật
  - 1.1. Nguyên tắc tôn trọng người khuyết tật
  - 1.2. Nguyên tắc chấp nhận sự cá biệt
  - 1.3. Nguyên tắc lắng nghe người khuyết tật
  - 1.4. Nguyên tắc tin vào khả năng tự giải quyết của người khuyết tật
  - 1.5. Trung thực, chân thành với người khuyết tật
2. Các hướng tiếp cận trong công tác với người khuyết tật
  - 2.1. Hướng tiếp cận dựa trên lý thuyết nhân văn hiện sinh
  - 2.2. Hướng tiếp cận quyền con người
  - 2.3. Hướng tiếp cận tâm lý- xã hội
  - 2.4. Hướng tiếp cận theo mô hình y học
  - 2.5. Hướng tiếp cận theo mô hình xã hội
3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội với người khuyết tật
  - 3.1. Đánh giá trường hợp
  - 3.2. Giúp người khuyết tật nhận thức và tăng cường khả năng tự chủ
  - 3.3. Giúp người khuyết tật phát huy khả năng sáng tạo
  - 3.4. Xây dựng ý chí, nghị lực cho người khuyết tật
  - 3.5. Biện hộ cho quyền lợi của người khuyết tật

### Chương 4: KỸ NĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT( 5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận, 1 tiết BT)

1. Một số kỹ năng cần thiết trong công tác xã hội với người khuyết tật
  - 1.1. Kỹ năng phát hiện và đánh giá khuyết tật
  - 1.2. Kỹ năng biện hộ



- 1.3. Kỹ năng giúp người khuyết tật sống độc lập
- 1.4. Kỹ năng xử lý khủng hoảng
- 1.5. Kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật
2. Công tác xã hội cá nhân và gia đình người khuyết tật
  - 2.1. Công tác xã hội cá nhân với người khuyết tật
  - 2.2. Công tác xã hội với gia đình người khuyết tật
3. Công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
  - 3.1. Định nghĩa
  - 3.2. Mục đích phục hồi chức năng
  - 3.3. Các hình thức phục hồi chức năng
  - 3.4. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
  - 3.5. Các giai đoạn tiến hành
  - 3.6. Bảng biểu quản lý đánh giá

Chương 5: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ DỊCH VỤ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT(2 tiết lý thuyết, 2 tiết thảo luận, 1 tiết BT)

1. Pháp luật về người khuyết tật
  - 1.1. Pháp luật quốc tế về người khuyết tật
  - 1.2. Pháp luật Việt Nam về người khuyết tật
2. Chính sách, chương trình hỗ trợ người khuyết tật
  - 2.1. Chính sách hỗ trợ giáo dục
  - 2.2. Chính sách hỗ trợ học nghề, việc làm
  - 2.3. Chính sách ưu đãi về y tế
  - 2.4. Chính sách bảo trợ xã hội
3. Mô hình dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật
  - 3.1. Mô hình cá nhân của người khuyết tật
  - 3.2. Mô hình xã hội về người khuyết tật

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Phương pháp:**

- Thuyết trình
- Vấn đáp
- Nêu vấn đề

**5.2 Hình thức giảng dạy:**

- Lên lớp
- Thảo luận

## **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

### **6.1 Giáo trình**

1. Lê Chí An(2010), Quản lý ca trong thực hành công tác xã hội với trẻ em, TP.Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thị Kim Hoa(2014), Công tác xã hội với người khuyết tật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **6.2 Bài giảng**

1. Mai Thị Kim Thanh(2009), Bài giảng Công tác xã hội cá nhân, NXB Giáo dục Hà Nội

2. Võ Thị Diệu Quế (2015), Bài giảng Công tác xã hội với người khuyết tật, Đại học Quy Nhơn, 2015

### **6.3 Tài liệu tham khảo**

1. Đại hội đồng Liên hợp quốc(2007), Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật.

## **7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần:** 10% bao gồm điểm danh, ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu đóng góp ý kiến trong quá trình học tập

**7.2. Giữa kì:** 20%

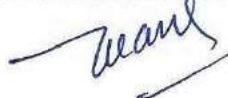
**7.3. Thi cuối kì:** 70%

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì: Giữa môn học

- Thi cuối kì: Kết thúc môn học

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Võ Thị Diệu Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**47. HỌC PHẦN: ĐẠO ĐỨC NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100238**

**Tên tiếng Anh: Ethics of social work**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Đạo đức nghề công tác xã hội
- Mã học phần: 1100238                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng của ngành nghề mang tính nhân văn này. Học phần cũng làm rõ sự hình thành các đạo đức của nghề không tách rời bối cảnh kinh tế, xã hội và đặc trưng của các vùng miền.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội rất cần có những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp để đảm bảo cho các hoạt động công tác xã hội trong tương lai.
- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...
- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần (150 từ)**

Đạo đức nghề nghiệp là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội là người nắm vững

các quy điều đạo đức của nghề công tác xã hội để có thể thực hiện được tốt công việc của mình, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đã quy định.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1: Những vấn đề chung về đạo đức nghề công tác xã hội

2 tiết LT, 2 tiết TL

1.1 Đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ với pháp luật

1.2 Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp

Chương 2: Trách nhiệm nghề nghiệp

2 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

2.1 Vấn đề năng lực chuyên môn của nhân viên xã hội

2.2 Lưu giữ hồ sơ

2.3. Đánh giá trong công tác xã hội

2.4. Các nguyên tắc đảm bảo tính đạo đức trong thực hành nghề công tác xã hội

Chương 3: Mối quan hệ với thân chủ

2 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

3.1. Các quyền của thân chủ và quyền được thông tin

3.2. Tính bí mật, sự bảo mật và quyền riêng tư

3.3 Mối quan hệ sóng đôi với thân chủ

3.4. Quan hệ tình cảm với thân chủ

3.5. Quảng cáo

3.6. Vấn đề nhận quà và tiền

Chương 4: Quan hệ với đồng nghiệp và tổ chức

2 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

4.1. Khía cạnh đạo đức trong mối quan hệ với đồng nghiệp

4.2. Khía cạnh đạo đức trong mối quan hệ với tổ chức

Chương 5: Đào tạo và giám sát/kiểm huấn công tác xã hội

2 tiết LT, 2 tiết TL

5.1. Đào tạo nhân viên xã hội

5.2. Bằng cấp của nhân viên xã hội

5.3. Kiểm huấn công tác xã hội

Chương 6: Các khía cạnh đạo đức trong thực hành công tác xã hội với một số nhóm

đối tượng cụ thể 3 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

6.1. Bạo lực gia đình

6.2. Lạm dụng người già

6.3. Người có H

6.4. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Chương 7: Các khía cạnh đạo đức trong thực hành công tác xã hội ở một số tình huống

nhạy cảm 3 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

7.1. Những tình huống vi phạm đạo đức trong thực hành công tác xã hội

7.2. Các mô hình ra quyết định trong tình huống đạo đức nhạy cảm

Chương 8: Xây dựng Quy điều đạo đức nghề công tác xã hội ở Việt Nam 2 tiết LT, 2 tiết TL

- 8.1. Có sở xây dựng các quy điều đạo đức
- 8.2. Lý giải về xây dựng các quy điều đạo đức
- 8.3. Phân tích đánh giá các quy điều đạo đức

Chương 9: Một số quy điều đạo đức trên thế giới 2 tiết LT, 2 tiết TL

- 9.1. Quy điều đạo đức công tác xã hội Mỹ
- 9.2. Quy điều đạo đức công tác xã hội Úc
- 9.3. Quy điều đạo đức công tác xã hội Anh

#### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

5.1 Hình thức giảng dạy: Lên lớp

5.2 Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, các tình huống, đóng vai, phân tích trường hợp, thảo luận nhóm, làm các bài tập tạo không khí học tập (Phá băng)....

#### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

##### 6.1 Giáo trình

- Trần Huy Dũng, Nhập môn công tác xã hội, NXB Đại Học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh, 1997
- Trần Văn Kham, Đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội, Hà Nội, 2012.
- Nguyễn Thị Oanh, Công tác xã hội đại cương, NXB giáo dục, 1998.
- Trần Đình Tuấn, Công tác xã hội lý thuyết và thực hành, NXB Đại học QG HN, 2010.

##### 6.2 Bài giảng

Võ Nguyên Du, Giáo dục đạo đức, Đại học Quy Nhơn, 2015

#### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

##### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu trong quá trình học tập.

##### 7.2 Giữa kỳ: 20%

##### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

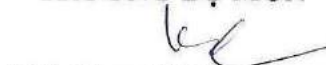
##### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỜNG KHOA

  
TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỜNG BỘ MÔN

  
ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

  
TS. Đinh Anh Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**48. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI**  
**NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**Mã học phần: 1100239**

**Tên tiếng Anh: Social works with ethnic minorities**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội với người dân tộc thiểu số
- Mã học phần: 1100239 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Môn học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến công tác xã hội với đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá những vấn đề cơ bản của người dân ở các vùng dân tộc thiểu số; những nguồn tài nguyên trong cộng đồng để hỗ trợ các gia đình giải cải thiện cuộc sống vươn lên thoát nghèo.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ:

- Về kiến thức: cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về công tác xã hội với nhóm các dân tộc thiểu số. Trang bị cho người học một số phương pháp và kỹ năng hoạt động đặc thù của khoa học công tác xã hội trong phạm vi các nhóm dân tộc thiểu số.

- Về kỹ năng: rèn luyện phương pháp luận và phương pháp làm việc với nhóm các dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng các kiến thức về công tác xã hội trong việc xác định chương trình, mục tiêu, các phương pháp hoạt động thực tiễn, đặc biệt là trong công tác xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số.

- Về thái độ: nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phương pháp và kỹ năng làm việc thực tiễn tại các vùng dân tộc thiểu số.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các vấn đề dân tộc, dân tộc thiểu số và công tác xã hội với nhóm các dân tộc thiểu số trên thế giới và ở Việt Nam. Một số cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác xã hội với dân tộc thiểu số và giới thiệu những nội dung cơ bản trong hoạt động xã hội với nhóm thiểu số. Ngoài ra, nội dung học phần còn hướng dẫn kiến thức chung về lý luận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng để xây dựng một chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xã hội với từng vùng dân tộc.

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

## **Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Khái quát chung về dân tộc và dân tộc ít người
  - 1.1. Khái niệm liên quan
    - 1.1.1. Khái niệm về dân tộc
    - 1.1.2. Khái niệm về dân tộc ít người
  - 1.2. Lịch sử phát triển các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
    - 1.2.1. Điều kiện tự nhiên
    - 1.2.2. Một số nét chính về lịch sử các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
    - 1.2.3. Đặc điểm ngôn ngữ
    - 1.2.4. Sự phân bố cư dân
  - 1.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam

- 1.3.1. Đặc điểm kinh tế
- 1.3.2. Đặc điểm xã hội
- 1.3.3. Đặc điểm về văn hóa
- 2. Quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số
  - 2.1. Quan điểm, đường lối của của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số
  - 2.2. Một số chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với dân tộc và dân tộc thiểu số
- 3. Một số vấn đề cơ bản mà nhóm dân tộc ít người gặp phải
  - 3.1. Vấn đề nghèo đói
  - 3.2. Vấn đề Văn hóa, lối sống
  - 3.3. Vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường
  - 3.4. Vấn đề giáo dục
- 4. Công tác xã hội với các đồng bào dân tộc thiểu số
  - 4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp tiếp cận
    - 4.1.1. Khái niệm CTXH với đồng bào dân tộc thiểu số
    - 4.1.2. Đối tượng nghiên cứu
    - 4.1.3. Phương pháp tiếp cận
  - 4.2. Vai trò, chức năng của công tác xã hội với các dân tộc thiểu số
    - 4.2.1. Vai trò, vị trí của công tác xã hội với các dân tộc thiểu số
    - 4.2.2. Mục tiêu của các hoạt động công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số
    - 4.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số



## Chương II: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói đối với các đồng bào dân tộc thiểu số
  - 1.1. Nhận diện vấn đề nghèo đói ở vùng các dân tộc thiểu số
  - 1.2. Nguyên nhân nghèo ở vùng các dân tộc thiểu số
  - 1.3. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của công tác xã hội (theo tiến trình phát triển cộng đồng)
    - 1.3.1. Nhận diện vấn đề của cộng đồng
      - 1.3.1.1. Nhận diện vấn đề cộng đồng bằng việc đánh giá mức độ nghèo
        - 1.3.1.2. Một số kỹ thuật khai thác công cụ đánh giá nông thôn có người dân tham gia trong giảm nghèo ở nhóm dân tộc ít người.
    - 1.3.2. Lập kế hoạch giảm nghèo của cộng đồng có sự tham gia
      - 1.3.2.1. Phân tích tình hình thôn bản
      - 1.3.2.2. Xác định các mục tiêu
      - 1.3.2.3. Xác định các hoạt động giảm nghèo
      - 1.3.2.4. Lập kế hoạch giảm nghèo dựa trên các yếu tố đã phân tích ở trên
    - 1.3.3. Thực hiện kế hoạch
  - 1.3.4. Theo dõi, giám sát và đánh giá dự án

### Chương III: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA, LỐI SỐNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Xác định và phân tích vấn đề văn hóa lối sống của nhóm dân tộc thiểu số
  - 1.1. Những đặc điểm văn hóa đặc trưng của dân tộc ít người
    - 1.1.1. Về loại hình kinh tế
    - 1.1.2. Về công cụ sản xuất
    - 1.1.3. Về các hình thức săn bắt
    - 1.1.4. Về các hoạt động trao đổi
    - 1.1.5. Về phân công lao động
    - 1.1.6. Về phương tiện vận chuyển
    - 1.1.7. Về loại hình nhà
    - 1.1.8. Về ẩm thực
    - 1.1.9. Về tổ chức gia đình
    - 1.1.10. Về chế độ hôn nhân
    - 1.1.11. Về cưới xin
    - 1.1.12. Về ma chay
    - 1.1.13. Về tín ngưỡng, tôn giáo
  - 1.2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng dân tộc ít người
  - 1.3. Phân tích hậu quả ảnh hưởng của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc ít người
  - 1.4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng dân tộc thiểu số
    - 1.4.1. Nguyên nhân chủ quan
    - 1.4.2. Nguyên nhân khách quan

2. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội

2.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các hủ tục văn hóa lạc hậu

2.2. Xây dựng quy trình Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống

2.2.1. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các di sản văn hóa ở đồng bào dân tộc ít người

2.2.1.1. *Bước 1: Tiến hành khảo sát, tổng kiểm kê các di sản.*

2.2.1.2. *Bước 2: Điều tra nhu cầu của người dân và lựa chọn các di sản để bảo tồn.*

**2.2.2. Quy trình cải tạo các tập quán, hủ tục lạc hậu**

2.2.2.1. Bước 1: Lựa chọn địa bàn làm điểm

2.2.2.2. Bước 2: Nội dung hoạt động

2.2.2.3. Bước 3: Đề ra chỉ tiêu

**2.2.2.4. Bước 4: Đánh giá kết quả các hoạt động và đề ra các giải pháp**

#### **Chương IV: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI**

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường

1.1. Quan niệm về sức khỏe và kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh của đồng bào DTTS

1.2. Phân tích vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm dân tộc thiểu số

1.2.1. Thực trạng

1.2.2. Nguyên nhân

1.2.3. Hậu quả

2. Quy trình và các kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội

2.1. Các giải pháp nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh cho người dân tộc thiểu số của Đảng, nhà nước.

2.1.1. Tăng cường củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở

2.1.2. Tiếp tục triển khai và phát triển quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo là người dân tộc thiểu số

2.2. Quy trình nhằm giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường theo cách nhìn của công tác xã hội

2.2.1. Đẩy mạnh quá trình nhận thức

2.2.2. Vận động xã hội hóa chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc

2.2.3. Đánh giá thường xuyên việc triển khai các chính sách giáo dục của chính phủ và việc giới thiệu các dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ công tác chăm sóc sức khỏe

3. Các kỹ năng cơ bản trong việc giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho dân tộc ít người.

3.1. Kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi cho người dân tộc thiểu số

3.2. Kỹ năng quan sát

## **Chương V: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI**

( 4 tiết LT, 1 tiết BT, 2 TL)

1. Xác định và phân tích vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc ít người

1.1. Những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc ít người

1.1.1. Vấn đề chất lượng và môi trường giáo dục

1.1.2. Vấn đề quy mô trường lớp và đội ngũ giáo viên các bậc, cấp học

1.1.3. Vấn đề cơ sở vật chất

1.1.4. Vấn đề thực hiện chế độ chính sách

1.1.5. Vấn đề nhân thức lạc hậu về giáo dục của người dân tộc ít người

1.2. Hậu quả ảnh hưởng của quan niệm lạc hậu về giáo dục ảnh hưởng đến đến cộng đồng dân tộc ít người

1.3. Phân tích nguyên nhân dẫn đến chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc ít người

1.3.1. Kinh tế của gia đình của các em học sinh còn nhiều khó khăn

1.3.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên

1.3.3. Ngành giáo dục và đào tạo chưa thực sự quan tâm sâu sát

2. Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho dân tộc ít người theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững

2.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các quan niệm lạc hậu về giáo dục trong nhóm dân tộc ít người.

2.1.1. Một số định hướng phát triển giáo dục dân tộc thiểu số đến năm 2020

2.1.2. Xây dựng hệ thống tư vấn dịch vụ công tác xã hội về giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số

2.2. *Xây dựng quy trình giúp đỡ dân tộc ít người nâng cao chất lượng GD*

2.2.1. Đẩy mạnh quá trình nhận thức

2.2.2. Thực hiện việc ủng hộ giáo dục

2.2.3. Đánh giá thường xuyên việc triển khai các chính sách giáo dục của chính phủ và việc giới thiệu các dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ

## **5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1. Hình thức giảng dạy:** giảng dạy trên lớp, kết hợp làm bài tập và thảo luận nhóm nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên.

### **5.2. Phương pháp giảng dạy:**

- Sử dụng hiệu quả các giáo cụ truyền thống (phấn & bảng) kết hợp sử dụng các phương tiện hiện đại như Projector (bài giảng được soạn trên phần mềm Power Point)
- Giảng viên phát huy tính tích cực của sinh viên trên lớp, đặc biệt phát huy vai trò, tính năng động Nhóm, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp người học tự tìm kiếm và xử lý thông tin trên các phương tiện hiện đại để phục vụ môn học.

- Rèn luyện và phát huy các kỹ năng trình bày một vấn đề xã hội trên lớp, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học.

- Tổ chức lấy ý kiến sinh viên giữa kỳ và cuối kỳ.

## 6. Giáo trình, bài giảng

### 6.1 Giáo trình

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Giáo trình công tác xã hội với dân tộc ít người*, năm 2012

### 6.2 Tài liệu tham khảo

- Đặng Cảnh Khanh, *Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số, những phân tích xã hội học*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2006.

- Đặng Cảnh Khanh, *Những nhân tố phi kinh tế - Xã hội học về sự phát triển*, NXB Khoa học xã hội, 1998.

- Lê Văn Phú, *Công tác xã hội*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2004.

- Viện chính sách dân tộc và miền núi, *"Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nãt nước và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở vùng dân tộc và miền núi"*, NXB Chính trị Quốc gia.

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Yêu cầu	Trọng số
7.1. Chuyên cần	- Tham dự đầy đủ các buổi học; - Hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kỳ.....	10%
7.2. Giữa kì	Hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân, nhóm.	20%
7.3. Thi cuối kì	Yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi học và các yêu cầu khác về đạo đức	70%
<b>7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:</b> - Kiểm tra giữa kì: sau khi kết thúc ½ chương trình của học phần - Thi cuối kì: Theo lịch chung của Trường		

TRƯỞNG KHOA

TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Ths. Nguyễn Văn Nga

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT (Mẫu 4)**

**49. HỌC PHẦN: Chăm sóc sức khỏe tâm thần**

**Mã học phần: 1100240**

**Tên tiếng Anh: Mental Health Care**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Chăm sóc sức khỏe tâm thần
- Mã học phần: 1100249                      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Nhập môn công tác xã hội
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 tiết
- Khoa phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bệnh tâm lý, những rối loạn chức năng tâm lý dẫn đến hành vi bất thường. Từ đó tiếp cận các phương pháp chữa trị tâm bệnh, ứng dụng kiến thức đã học để chăm sóc sức khỏe tâm lý, phòng vệ tâm lý cho bản thân và những người xung quanh.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức : Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về bệnh tâm thần : các quan niệm về nguyên nhân gây nên bệnh thần, các bệnh tâm thần thường gặp và cách chăm sóc cũng như chữa trị bệnh tâm thần
- Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận biết một vài bệnh tâm thần thường gặp, biết cách chăm sóc sức khỏe tâm thần cho chính mình và cho người khác, biết cách tác động tâm lý để đạt được hiệu quả cao trong công tác điều trị, thực hiện được công tác xã hội đối với chăm sóc sức khỏe tâm thần
- Thái độ: Hình thành cho sinh viên thái độ đúng đắn, tránh lối nhìn lệch lạc về bệnh tâm thần dẫn đến thái độ ghê sợ xa lánh khi tiếp xúc với người mắc bệnh hoặc thái độ hoang



hoảng hốt, sợ hãi khi bản thân bị mắc tâm bệnh. Từ đó mạnh dạn làm công tác xã hội đối với bệnh nhân tâm thần.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những vấn đề của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần như các quan điểm và phương pháp điều trị tâm bệnh, một số rối loạn tâm thần thường gặp, cách chăm sóc sức khỏe tâm thần và nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

#### Chương 1

##### Những vấn đề chung của sức khỏe tâm thần (4LT)

1. Sức khỏe tâm thần
  - 1.1 Thế nào là sức khỏe tâm thần ?
  - 1.2. Tiêu chuẩn sức khỏe tâm thần
2. Các định nghĩa về bất thường
  - 2.1. Lệch khỏi mức trung bình
  - 2.2. Lệch khỏi chuẩn mực, lý tưởng
  - 2.3. Chủ thể đau khổ, khó chịu
  - 2.4. Kém thích ứng
3. Tâm bệnh lý
  - 3.1. Nhận diện bất thường
  - 3.2. Tâm bệnh lý là gì ?
4. Dấu hiệu rối loạn tâm thần
5. Bảng phân loại quốc tế ICD-10
6. Lịch sử nghiên cứu và chữa trị bệnh tâm thần

#### Chương 2

##### Các quan điểm về bệnh tâm thần (3LT+2TL)

1. Quan điểm duy tâm về nguyên nhân bệnh tâm thần
2. Quan điểm sinh học về nguyên nhân bệnh tâm thần
3. Quan điểm tâm lý - xã hội về nguyên nhân bệnh tâm thần
  - 3.1. Quan điểm phân tâm về nguyên nhân bệnh tâm thần
  - 3.2. Quan điểm hành vi về nguyên nhân bệnh tâm thần
  - 3.3. Quan điểm nhân văn về nguyên nhân bệnh tâm thần
  - 3.4. Quan điểm nhận thức về nguyên nhân bệnh tâm thần
  - 3.5. Quan điểm văn hóa- xã hội về nguyên nhân bệnh tâm thần

#### Chương 3

##### Các phương pháp chữa trị bệnh tâm thần (3LT+2BT+2TL)

1. Các phương pháp tâm lý trị liệu
  - 1.1. Chữa trị theo quan điểm phân tâm
  - 1.2. Chữa trị theo quan điểm hành vi
  - 1.3. Chữa trị theo quan điểm nhân văn
  - 1.4. Chữa trị theo quan điểm nhận thức
  - 1.5. So sánh các liệu pháp tâm lý
    - 1.5.1. So sánh theo các tiêu chí
    - 1.5.2. Liệu pháp nào hiệu nghiệm nhất ?
2. Các liệu pháp sinh học
  - 2.1. Dùng thuốc
  - 2.2. Chạy điện
  - 2.3. Giải phẫu

#### Chương 4

#### Các bệnh tâm thần thường gặp (4LT+2BT+2TL)

1. Rối loạn phát triển lan tỏa ở trẻ em
  - 1.1. Tăng động giảm chú ý
  - 1.2. Tự kỷ
2. Rối loạn lo âu
  - 2.1. Rối loạn lo âu ám ảnh sợ
  - 2.2. Rối loạn lo âu ám ảnh cưỡng bức
  - 2.3. Rối loạn lo âu chia ly
  - 2.4. Rối loạn né tránh
  - 2.5. Rối loạn lo âu quá mức
  - 2.6. Rối loạn phân ly (chuyển dạng)
3. Trầm cảm
4. Rối loạn liên quan sử dụng chất gây nghiện
5. Rối loạn ăn uống
  - 5.1. Ăn dờ
  - 5.2. Nhai lại
  - 5.3. Chán ăn tâm thần
6. Rối loạn đa nhân cách chống lại xã hội
7. Rối loạn tâm thần phân liệt
8. Bệnh mất trí nhớ của người già

#### Chương 5

#### Chăm sóc sức khỏe tâm thần (3LT+1BT+2TL)

1. Thế nào là phòng vệ tâm thần ?

2. Stress và quản lý stress
  - 2.1. Khái niệm stress
  - 2.2. Các nguyên nhân
  - 2.3. Các biểu hiện của stress
  - 2.4. Các cách thức quản lý stress
3. Vấn đề chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng
4. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

#### Chương 6

Định hướng chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí  
(3LT+2TL)

#### 1. Mục tiêu

- 1.1. Mục tiêu chung
- 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần
- 2.2. Phát triển nguồn nhân lực làm công tác trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người rối nhiễu tâm trí, người tâm thần dựa vào cộng đồng
- 2.3. Phát triển các cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí
- 2.4. Truyền thông, nâng cao nhận thức

#### 3. Các giải pháp

#### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy

Thuyết giảng, thảo luận

#### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

- [1]. B.R. Hergenhahn, *Nhập môn lịch sử tâm lý học*, Nxb Thống Kê, 2003.
- [2]. Banchicop, *Tâm lý học y học*, Nxb Y Học, 1972.
- [3]. Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, *Tài liệu tập huấn kiến thức chăm sóc sức khỏe tâm thần*, 2011.
- [4]. Từ Thanh Hán, *500 giải đáp tâm lý con người*, Nxb Thanh Hóa, 2005.
- [5]. Nguyễn Công Khanh, *Tâm lý trị liệu*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000.
- [6]. Nguyễn Ngọc Lâm, *Giáo trình Tâm lý hành vi bất thường*, 2002.
- [7]. Nicky Heys, *Nền tảng tâm lý học*, Nxb Lao Động 2005.
- [8]. Nguyễn Văn Nhậm, *Tâm lý học y học*, Nxb Y Học 2001.
- [9]. Robert Feldman, *Tâm lý học căn bản*, Nxb Văn học, 1991.
- [10]. Nguyễn Khắc Viện, *Từ điển tâm lý học*, Nxb Ngoại văn, 1991.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1. Chuyên cần: 10%**

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp
- Đóng góp ý kiến xây dựng bài

**7.2. Giữa kì: 20%**

**7.3. Thi cuối kì: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:**

- Kiểm tra giữa kì: Tuần thứ 8
- Thi cuối kì: Theo kế hoạch của nhà trường

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



ThS. Nguyễn Lệ Thủy

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Lê Đức Khiết

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**50. HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN HỌC**

**Mã học phần: 1100059**

**Tên tiếng Anh: Development**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phát triển học
- Mã học phần: 1100059                      Số tín chỉ: 2
- Yêu cầu của học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành thực tập:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55
- Địa chỉ khoa / Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác xã

hội

**2. Mục tiêu học phần**

**2.1 Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

Học phần trang bị cho người học những vấn đề của phát triển học như phát triển bền vững, sự phát triển chất lượng cuộc sống, mục tiêu chiến lược quốc gia về phát triển bền vững và sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và một số vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần**

- Kiến thức: Nắm vững một số khái niệm cơ bản về phát triển; phát triển bền vững; phát triển và chậm phát triển.
- Kỹ năng: Biết sử dụng các tiêu chí phát triển để xem xét, đánh giá sự phát triển con người, xã hội và cộng đồng.
- Thái độ: Hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ đúng mực trong học tập, nghiên cứu các vấn đề phát triển cộng đồng, dân số và phát triển và bình đẳng giới với sự phát triển.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những vấn đề của phát triển học như phát triển bền vững, sự phát triển chất lượng cuộc sống, mục tiêu chiến lược quốc gia về phát triển bền vững và sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và một số vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...

### **4. Nội dung chi tiết học phần.**

#### Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA PHÁT TRIỂN HỌC

5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

##### 1.1 Đối tượng, nhiệm vụ của phát triển học

1.1.1 Khái niệm phát triển

1.1.2 Khái niệm liên quan đến khái niệm phát triển

1.1.3 Đối tượng nghiên cứu của phát triển học

1.1.4 Nhiệm vụ nghiên cứu của phát triển học

1.2 Phương pháp nghiên cứu phát triển học

1.3 Các yếu tố và động lực của phát triển

1.4 Điều kiện phát triển

#### Chương 2: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 5 tiết LT, 1 tiết BT, 2 tiết TL

2.1 Sự cần thiết của phát triển bền vững.

2.2 Phát triển bền vững.

2.3. Nội dung phát triển bền vững:

2.4. Các chỉ tiêu về sự phát triển bền vững

2.5 Các nguyên tắc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

#### Chương 3: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

5 tiết LT, 1 tiết BT, 3 tiết TL

3.1. Phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội

3.1.1 Tiến bộ xã hội:

3.1.2 Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội

3.2. Đặc điểm của quá trình tái sản xuất dân cư.

3.3. Tính quy luật của sự phát triển dân số.

3.4. Quan hệ giữa gia tăng dân số và chất lượng cuộc sống.

3.5 Một vài thông điệp phát triển

3.5.1 Duy trì sự tăng trưởng kinh tế.

3.5.2 Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, giải quyết vấn đề tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển nền dân chủ xã hội.

3.5.3 Sự phát triển bền vững đòi hỏi phải có cơ cấu kinh tế hợp lý.

3.5.4 Bảo vệ môi trường, sinh thái.

Chương 4: MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PTBV VÀ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI. 5 tiết LT, 2 tiết BT, 3 tiết TL

4.1 Phạm trù phát triển người

4.2 Phát triển bền vững nông-lâm nghiệp.

4.3 Phát triển bền vững nông thôn.

4.4. Quan điểm của Đảng về đường lối đổi mới xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

4.4.1 Mục tiêu chiến lược và quan điểm phát triển của nước ta.

4.4.2. Định hướng phát triển các ngành kinh tế và các vùng

4.4.3. Hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

4.4.4. Vấn đề xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4.4.5. Vấn đề phát triển nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

4.4.6. Các vấn đề khác.

#### **5. Phương pháp - Hình thức giảng dạy**

**5.1 Hình thức giảng dạy:** Lên lớp

**5.2 Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm

#### **6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

##### **6.1 Sách, giáo trình chính**

- Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết. Sinh thái môi trường học cơ bản. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2002.

- Phạm Minh Hạc. *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2001.

- Lưu Đức Hải. Cơ sở khoa học môi trường. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

- Nhiều tác giả. Phát triển con người từ quan niệm đến chiến lược hành động. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 1999.

##### **6.2 Tài liệu tham khảo:**

- Ban Khoa giáo Trung Ương. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo dục môi trường trong nhà trường phổ thông. NXB Giáo dục, 2004.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh thái học nông nghiệp. NXB Giáo dục, 1999.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh thái học và môi trường. NXB Giáo dục, 1999

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dân số - Môi trường - Tài nguyên. NXB Giáo dục, 2000.
- Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc UNDP các báo cáo phát triển người từ 1995 - 2010.
- Đường Hồng Dật. Nghề làm vườn, tập 1. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.
- Nhiều tác giả. Đại từ điển kinh tế thị trường. Viện nghiên cứu phổ biến tri thức bách khoa. Hà Nội 1998.

### 6.3 Bài giảng

Võ Nguyên Du, Phát triển học, Đại học Quy Nhơn, 2015

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Điểm danh
- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

### 7.2. Giữa kì: 20%

### 7.3. Thi cuối kì: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi

- Kiểm tra giữa kì:
- Thi cuối kì:

**TRƯỞNG KHOA**

TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

TS. Dương Bạch Dương

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

PGS. TS. Võ Nguyên Du



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**51. HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN  
VÀ TRƯỜNG HỌC**

**Mã học phần: 1100241**

**Tên tiếng Anh: Social work in school and hospital**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Công tác xã hội trong bệnh viện và trường học
- Mã học phần: 1100241      Số tín chỉ: 04
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 40 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 20 tiết
  - + Tự học: 110 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Học phần nhằm giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học và bệnh viện vốn rất cần thiết cho người học công tác xã hội để có thể tham gia vào lĩnh vực làm công tác xã hội tại các trường học và các cơ sở y tế. Công tác xã hội trong bệnh viện có nhiệm vụ bảo vệ quyền được chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân thông qua việc tư vấn các vấn đề xã hội có liên quan cho bệnh nhân và gia đình của họ trong quá trình điều trị; tìm kiếm các dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở tìm hiểu và phân tích các yếu tố xã hội có ảnh hưởng đến sức khỏe của bệnh nhân; kết nối các dịch vụ hỗ trợ cho từng bệnh nhân; nghiên cứu cung cấp bằng chứng từ thực tế hoạt động để đề xuất chính sách; hỗ trợ giải tỏa tâm lý cho bệnh nhân, người nhà và nhân viên y tế...

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức:
  - + Giúp sinh viên hiểu khái niệm cơ sở y tế, công tác xã hội trong bệnh viện, nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng làm công tác xã hội trong bệnh viện. Học phần có thể đi chuyên sâu vào các vấn

đề công tác xã hội trong các cơ sở y tế.

+ Có kiến thức về các vấn đề xã hội đang xảy ra trong trường học hiện nay như nạn bạo lực học đường, nghiện game hay áp lực trong học tập...; biết các phương pháp được sử dụng trong trường học và vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với công tác xã hội trong trường học.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Công tác xã hội trong bệnh viện và trường học là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về công tác xã hội trong trường học như: Các khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc của công tác xã hội trong bệnh viện; Tiêu chuẩn hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện; Một số lĩnh vực công tác xã hội trong bệnh viện; Liệu pháp và kỹ thuật công tác xã hội trong bệnh viện.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác xã hội trong trường học, bao gồm: Khái niệm công tác xã hội trong trường học, lịch sử hình thành công tác xã hội trên thế giới cũng như sự cần thiết cần phải có công tác xã hội trong trường học ở Việt Nam. Học phần cung cấp các mô hình và phương pháp, kỹ năng công tác xã hội được sử dụng trong trường học. Tập trung cung cấp cho sinh viên các kiến thức về những vấn đề xã hội nảy sinh trong trường học hiện nay và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong những vấn đề này

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **PHẦN I: CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN**

##### **Bài 1: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN**

5 tiết LT, 2 tiết TL, 15 giờ tự học

I. Sự cần thiết phát triển công tác xã hội trong bệnh viện

II. Lịch sử ra đời ngành công tác xã hội trong bệnh viện

III. Vai trò của công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe

1. Tại bệnh viện

2. Tại gia đình và cộng đồng

3. Tại cấp vĩ mô hoạch định chính sách

IV. Các khái niệm về công tác xã hội trong bệnh viện

1. Sức khỏe

2. Các hình thức chăm sóc

3. Các Cơ sở Chăm sóc Y tế

a. Phân loại cơ sở Y tế

- b. Phân loại tuyến khám chữa bệnh
- c. Các cơ sở khám chữa bệnh
- d. Đặc điểm hệ thống bệnh viện Việt Nam
- e. Vai trò của hệ thống bệnh viện
- f. Các phòng khoa trong một bệnh viện
- g. Một số vấn đề công tác xã hội cần biết về bệnh viện hiện nay
- h. Đội ngũ khám chữa bệnh
- i. Bệnh nhân
- k. Một số phân loại bệnh thông thường

4. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện

V. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện

1. Chức năng, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện

a. Hỗ trợ bệnh nhân và nhân viên y tế

b. Hoạt động gây quỹ:

c. Tổ chức sự kiện:

d. Quan hệ công chúng:

2. Kiến thức, kỹ năng cần thiết của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện

a. Kỹ năng nghề nghiệp

b. Kỹ năng cá nhân

c. Kỹ năng Giao tiếp với bệnh nhân và gia đình họ

d. Kỹ năng đánh giá

**BÀI 2: TIÊU CHUẨN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH**

**VIỆN**

5 tiết LT, 2 tiết TL, 15 giờ tự học

I. Giá trị và Quy tắc Đạo đức

II. Bất bình đẳng Y tế

III. Năng lực Văn hóa

IV. Tính bảo mật

V. Kiến thức

VI. Đánh giá

VII. Lập Kế hoạch Điều trị và Can thiệp

VIII. Quản lý Sự vụ

IX. Trao quyền và Vận động

X. Giáo dục Khách hàng và Cộng đồng

XI. Làm việc nhóm và Cộng tác

XII. Khối lượng công việc

XIII. Hồ sơ Tài liệu

- XIV. Công tác Nghiên cứu
- XV. Cải thiện Hoạt động
- XVI. Tiếp cận Thông tin và Công nghệ
- XVII. Năng lực Trình độ
- XVIII. Giáo dục Thường xuyên
- XIX. Giám sát
- XX. Lãnh đạo

**BÀI 3: MỘT SỐ LĨNH VỰC CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN** 5 tiết LT, 2 tiết BT, 4 tiết TL, 15 giờ tự học

- I. Công tác xã hội với việc chăm sóc người bị xâm hại, bạo hành,
- II. Công tác xã hội với việc chăm sóc người tự tử, trầm cảm
- III. Công tác xã hội với việc chăm sóc người nghiện ma túy, người có HIV/ AIDS
- IV. Công tác xã hội với việc chăm sóc sức khỏe cho người tâm thần
- V. Công tác xã hội với việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai và trẻ em
- VI. Công tác xã hội với việc chăm sóc cho người khuyết tật

**BÀI 4: LIỆU PHÁP VÀ KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN**  
5 tiết LT, 3 tiết BT, 2 tiết TL, 10 giờ tự học

- I. Liệu pháp và kỹ thuật
  - 1. Liệu pháp và kỹ thuật tâm lý học bản ngã
  - 2. Liệu pháp và kỹ thuật tâm lý học hành vi
  - 3. Liệu pháp và kỹ thuật nhận thức Beck 1979
  - 4. Liệu pháp sửa chữa niềm tin chệch hướng / tư duy sai lệch và kỹ thuật nhận thức Ellis và Harper 1975
  - 5. Liệu pháp nhận thức hành vi và kỹ thuật hành vi
  - 6. Lý thuyết hệ thống / liệu pháp kết cấu gia đình và kỹ thuật can thiệp
  - 7. Liệu pháp lấy giải pháp làm trung tâm và kỹ thuật can thiệp

## PHẦN II: CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC

**Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC**  
(4 tiết lý thuyết, 2 tiết BT)

- 1. Khái niệm công tác xã hội trong trường học và những vấn đề liên quan
  - 1.1. Khái niệm công tác xã hội trong trường học
  - 1.2. Lịch sử hình thành, phát triển công tác xã hội trong trường học trên thế giới
  - 1.3. Sự cần thiết và nhu cầu của công tác xã hội trong trường học tại Việt Nam
  - 1.4. Đối tượng của công tác xã hội trong trường học
  - 1.5. Mục đích và những giá trị cơ bản của công tác xã hội trong trường học
  - 1.6. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học

1.7. Quy định đạo đức của nhân viên công tác xã hội trong trường học

1.8. Nguyên tắc hoạt động của công tác xã hội trong trường học

## Chương 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH ÁP DỤNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC ( 4 tiết lý thuyết, 2 tiết BT)

1. Lý thuyết hành vi con người và môi trường xã hội

2. Mô hình áp dụng của công tác xã hội trong trường học

2.1. Mô hình lực tác động từ bên trong và bên ngoài

2.2. Mô hình vòng đời và các lực bên trong, bên ngoài

2.3. Mối liên hệ giữa các mô hình trên với việc thực hiện chức năng xã hội

## Chương 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP VÀ KỸ NĂNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC ( 4 tiết lý thuyết, 2 tiết BT)

1. Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong trường học

1.1. Công tác xã hội cá nhân

1.2. Công tác xã hội nhóm

1.3. Tham vấn học đường

2. Các kỹ năng của công tác xã hội trong trường học

## Chương 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ NẢY SINH TRONG TRƯỜNG HỌC HIỆN NAY (4 tiết lý thuyết, 10 tiết thảo luận, 2 tiết BT)

1. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề bạo lực học đường

2. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề sức khỏe tâm thần

3. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề học sinh nghiện game

4. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề giới tính và sức khỏe sinh sản

5. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề áp lực học tập

## Chương 5: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC ( 4 tiết lý thuyết, 2 tiết bài tập)

1. Nền tảng kiến thức để thực hành công tác xã hội trong trường học

2. Tiến trình thực hành công tác xã hội trong trường học

3. Các dịch vụ giải quyết các vấn đề xã hội trong trường học

### 5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:

#### 5.1 Phương pháp:

- Thuyết trình

- Nêu vấn đề

#### 5.2 Hình thức giảng dạy:

- Lên lớp

- Thảo luận

### 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:

## 6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo

### 6.1 Giáo trình

- Bộ Y tế, Tham luận hội nghị Triển khai đề án phát triển nghề công tác xã hội trong lĩnh vực y tế (giai đoạn 2011 - 2020), 2011, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Bình(2011), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm

- Trần Thị Minh Đức (2014), *Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Bùi Quang Huy (2011), *Cải thiện ma túy và game online*, NXB Y học

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2015), *Kiểm yếu hội thảo khoa học quốc tế “Công tác xã hội trường học – Kinh nghiệm quốc tế và định hướng phát triển ở Việt Nam”*, NXB Đại học Sư phạm.

- Mạc Văn Trang(2011), *Xã hội học giáo dục*, NXB Đại học sư phạm.

### 6.2 Bài giảng

Phạm Huy Dũng, Tập bài giảng Công tác xã hội trong bệnh viện, Đại học KHXHNV Hà Nội

## 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

### 7.1. Chuyên cần: 10%

- Tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp

- Tham gia phát biểu bài, thảo luận

### 7.2. Giữa kì: 20%

### 7.3. Thi cuối kì: 70%

### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học

- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phan Thị Kim Dung

ThS. Võ Thị Diệu Quế



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**52. HỌC PHẦN: BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ SỰ THAM  
GIA CỦA NGƯỜI DÂN**

**Mã học phần: 1100242**

**Tên tiếng Anh: Set of participatory rural assessment tools**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân
- Mã học phần: 1100242      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30
  - + Làm bài tập trên lớp: 10
  - + Thảo luận: 10
  - + Thực hành, thí nghiệm: 0
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mục tiêu của học phần:**

**2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:**

Giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, mục đích và các thời điểm để thực hiện bộ công cụ Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân; hiểu và nắm được khái niệm, phân loại và nguyên tắc sử dụng của bộ công cụ. Bên cạnh đó, sinh viên biết cách phân loại và sử dụng các công cụ được ứng dụng trong quá trình khảo sát nhanh có sự tham gia của người dân trong cộng đồng.

**2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu được thế nào là Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân, bộ công cụ về mục đích, nguyên tắc, thời điểm thực hiện; Giúp sinh viên nắm được nội dung và cách sử dụng từng công cụ trong bộ công cụ.
- Kỹ năng: giúp sinh viên biết sử dụng các công cụ đã học để thực hiện dự án phát triển cộng đồng.

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm và các giờ tự học; tích cực trong các hoạt động phát triển cộng đồng. Ngoài ra, sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có thái độ tôn trọng và cách nhìn đúng đắn về người dân.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu các khái niệm, mục đích của Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân và bộ công cụ; hướng dẫn cho sinh viên cách thức và một số kỹ năng khi thực hiện một số công cụ cơ bản của bộ công cụ như biểu đồ các sự kiện thường nhật (A Working Day Diagram), biểu đồ giao tiếp (Sociogram), biểu đồ grantt (Grantt Diagram), sơ đồ venn (Venn Diagram), lịch mùa vụ (Seasonal Calendar), sơ đồ thể hệ (Genograms), sơ đồ sinh thái (Ecomaps), sơ đồ mặt cắt (Transect), ma trận phân tích, vai trò và nhu cầu giới (Matrix Analysis for gender and gender needs), kỹ thuật phân hạng...

### **4. Nội dung chi tiết học phần:**

#### Chương I: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ P.R.A VÀ BỘ CÔNG CỤ P.R.A

(8 lý thuyết, 2 thảo luận)

##### 1. P.R.A và một số khái niệm liên quan

###### 1.1. P.R.A

###### 1.1.1. Khái niệm

###### 1.1.2. Mục đích

###### 1.1.3. Đặc điểm

###### 1.1.4. Thời điểm thực hiện

###### 1.1.5. Ưu điểm, nhược điểm của P.R.A

###### 1.2. R.R.A

###### 1.2.1. Khái niệm

###### 1.2.2. Mục đích

###### 1.2.3. Phân biệt P.R.A và R.R.A

##### 2. Bộ công cụ P.R.A

###### 2.1. Khái niệm

###### 2.2. Phân loại

###### 2.3. Nguyên tắc sử dụng

#### Chương II: CÁC CÔNG CỤ DẠNG BẢN VẼ, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

(10 lý thuyết, 5 bài tập, 4 thảo luận)

##### 1. Biểu đồ các sự kiện thường nhật (A Working Day Diagram)

###### 1.1. Đặc điểm, mục đích

###### 1.2. Vật liệu

###### 1.3. Hướng dẫn thực hiện

##### 2. Biểu đồ giao tiếp (Sociogram)



- 2.1. Đặc điểm, mục đích
- 2.2. Vật liệu
- 2.3. Hướng dẫn thực hiện
- 3. Biểu đồ grantt (Grantt Diagram)
  - 3.1. Đặc điểm, mục đích
  - 3.2. Vật liệu
  - 3.3. Hướng dẫn thực hiện
- 4. Sơ đồ venn (Venn Diagram)
  - 4.1. Đặc điểm, mục đích
  - 4.2. Vật liệu
  - 4.3. Hướng dẫn thực hiện
- 5. Lịch mùa vụ (Seasonal Calendar)
  - 5.1. Đặc điểm, mục đích
  - 5.2. Vật liệu
  - 5.3. Hướng dẫn thực hiện
- 6. Sơ đồ thế hệ, Sơ đồ sinh thái
  - 6.1. Sơ đồ thế hệ (Genograms)
    - 6.1.1 Đặc điểm, mục đích
    - 6.1.2. Vật liệu
    - 6.1.3. Hướng dẫn thực hiện
  - 6.2. Sơ đồ sinh thái (Ecomaps)
    - 6.2.1. Đặc điểm, mục đích
    - 6.2.2. Vật liệu
    - 6.2.3. Hướng dẫn thực hiện
- 7. Sơ đồ mặt cắt (Transect)
  - 7.1. Đặc điểm, mục đích
  - 7.2. Vật liệu
  - 7.3. Hướng dẫn thực hiện

### Chương III: CÁC CÔNG CỤ DẠNG PHÂN HẠNG VÀ CHO ĐIỂM

(10 lý thuyết, 2 bài tập, 2 thảo luận)

- 1. Ma trận phân tích vai trò và nhu cầu giới
  - 1.1. Đặc điểm, mục đích
  - 1.2. Vật liệu
  - 1.3. Hướng dẫn thực hiện
- 2. Kỹ thuật phân hạng
  - 2.1. Phân hạng ưu tiên (Preference ranking)

- 2.1.1. Đặc điểm, mục đích
- 2.1.2. Vật liệu
- 2.1.3. Hướng dẫn thực hiện
- 2.2. Phân hạng ma trận trực tiếp (Direct matrix ranking)
  - 2.2.1. Đặc điểm, mục đích
  - 2.2.2. Vật liệu
  - 2.2.3. Hướng dẫn thực hiện
- 2.3. Phân hạng giàu – nghèo (Wealth ranking)
  - 2.3.1. Đặc điểm, mục đích
  - 2.3.2. Vật liệu
  - 2.3.3. Hướng dẫn thực hiện

Chương IV: CÁC CÔNG CỤ KHÁC (7 lý thuyết, 3 bài tập, 2 thảo luận)

- 1. Sự lựa chọn hợp lý (Burident's Ass)
- 2. Cây cuộc đời (The tree of life)
- 3. Cây vấn đề (The problem tree)
- 4. Đánh giá nhu cầu
- 5. Những chỉ số đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương
- 6. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro (Swot)

**5. Phương pháp, hình thức giảng dạy:**

**5.1 Hình thức:** lên lớp

**5.2 Phương pháp:** vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, hoạt động nhóm.

**6. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo:**

**6.1 Giáo trình**

- Bộ công cụ P.R.A choVDP (Bộ công cụ đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia trong lập kế hoạch phát triển thôn bản), Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức.

- Công cụ PRA – Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia, Trung tâm nghiên cứu – tư vấn công tác xã hội và phát triển cộng đồng (SDRC).

- Nguyễn Thị Minh Hiền, Công cụ/kỹ thuật hỗ trợ thực hành công tác xã hội và phát triển cộng đồng, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Đà Lạt, 12/2005.

- Nguyễn Ngọc Lâm, *Phương pháp khảo sát nhanh - lượng giá có sự tham gia*. Tập san Khoa học số 1(2)-2005, ĐH Mở Bán công TP. HCM.

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000.

**6.2 Bài giảng**

Phạm Thị Hải Lý, Bộ công cụ PRA, Đại học Quy Nhơn, 2015.

**7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:**

**7.1. Chuyên cần: 10%**

- Điểm danh

- Ghi nhận các trường hợp tích cực phát biểu, đóng góp ý kiến trong quá trình học tập.

**7.2. Giữa kì: 20%**

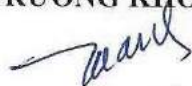
**7.3. Thi cuối kì: 70%**

**7.4. Lịch thi kiểm tra, thi**

- Kiểm tra giữa kì:

- Thi cuối kì:

**TRƯỜNG KHOA**



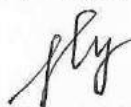
TS. Đinh Anh Tuấn

**TRƯỜNG BỘ MÔN**



ThS. Phan Thị Kim Dung

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



ThS. Phạm Thị Hải Lý

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**53. HỌC PHẦN: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Mã học phần: 1100043**

**Tên tiếng Anh:**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp
- Mã học phần: 1100043 Số tín chỉ: 3
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc.
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết:
  - + Tự học: 0 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành: 360 giờ
- Địa chỉ khoa / Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác xã hội, Trường ĐHQN

**2. Mục tiêu đào tạo chung của học phần**

**2.1 Mục tiêu chung của học phần**

Khóa luận tốt nghiệp giúp cho sinh viên có kiến thức sâu rộng về nghiên cứu công tác xã hội, có kỹ năng thành thạo trong thực hành công tác xã hội và có thái độ tích cực trong công việc chuyên môn, tuân thủ quy điều đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

**2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần**

- Kiến thức: Kết thúc làm khóa luận tốt nghiệp công tác xã hội, sinh viên có kiến thức sâu rộng về nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội, từ đó có thể thực hiện được các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội, kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lý luận đã được học trên lớp với các vấn đề thực tiễn trong nghiên cứu.

- Kỹ năng: Phân tích, suy luận, đánh giá....

- Thái độ, chuyên cần: tham gia đầy đủ các giờ học thực tập ở cơ quan.

**3. Tóm tắt nội dung học phần**

Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội. Học phần được tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương.

những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu về ngành và các kiến thức bổ trợ khác, sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 trở lên và chỉ áp dụng đối với sinh viên không học các học phần thay thế tốt nghiệp.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần.**

##### **PHẦN 1. HOẠT ĐỘNG TẠI CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRƯỚC KHI THỰC HIỆN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI**

###### **1.1. Phổ biến kế hoạch làm khóa luận tốt nghiệp**

1.1.1. Mục đích, yêu cầu của làm khóa luận tốt nghiệp

1.1.2. Thời gian làm khóa luận tập tốt nghiệp

1.1.3. Hình thức tổ chức làm khóa luận tốt nghiệp

1.1.4. Nội dung làm khóa luận tốt nghiệp

1.1.5. Phương pháp làm khóa luận tốt nghiệp

1.1.6. Giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp

###### **1.2. Hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp**

##### **PHẦN 2. HOẠT ĐỘNG LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

2.1. Hình thành ý tưởng thực hiện khóa luận tốt nghiệp

2.2. Chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp

2.3. Lập đề cương sơ bộ

2.4. Viết đề cương chi tiết

2.5. Viết bản thảo

2.6. Hoàn chỉnh, in và nộp

##### **PHẦN 3. HOẠT ĐỘNG TẠI CƠ SỞ ĐÀO TẠO SAU KHI HOÀN THÀNH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

###### **3.1. Tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp**

3.1.1. Sinh viên trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp trước Hội đồng đánh giá

3.1.2. Sinh viên trả lời các câu hỏi phản biện về khóa luận tốt nghiệp của Hội đồng đánh giá

3.1.3. Hội đồng đánh giá nhận xét và cho điểm khóa luận tốt nghiệp

3.2. Họp rút kinh nghiệm sau khi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

#### **5. Phương pháp - hình thức giảng dạy**

**5.1 Phương pháp giảng dạy:** giải đáp, nêu vấn đề.

**5.2 Hình thức:** thực tập tại cơ sở.

#### **6. Sách, giáo trình chính, tài liệu tham khảo, bài giảng**

##### **6.1 Sách, giáo trình chính**

1. Trần Đình Tuấn, *Công tác xã hội lý thuyết và thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011

2. Nguyễn Hải Hữu, *Giáo trình An sinh xã hội*, NXB Lao động – Xã hội, 2010
3. Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai, *Công tác xã hội với cá nhân và gia đình*, NXB Lao động Xã hội Hà Nội, 20102

### 6.2 Bài giảng

### 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần:

#### 7.1 Chuyên cần: 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp
- Phát biểu xây dựng bài


#### 7.2 Giữa kỳ: 20%

#### 7.3 Thi cuối kỳ: 70%

#### 7.4. Lịch thi kiểm tra, thi:

- Kiểm tra giữa kì: giữa môn học
- Thi cuối kì: kết thúc môn học

TRƯỞNG KHOA



TS Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



Th.S Phan Thị Kim Dung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Th.S Phan Thị Kim Dung